|  |
| --- |
| **HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM**A picture containing logo  Description automatically generated**TÀI LIỆU NGHIỆP VỤ****CÔNG TÁC DÂN TỘC - TÔN GIÁO** **NHIỆM KỲ 2022 - 2027***(Lưu hành nội bộ)***Hà Nội, năm 2023** |

MỤC LỤC

[CHUYÊN ĐỀ 1.](#_Toc154617426) [TỔNG QUAN CHUNG VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ, PHỤ NỮ THEO TÔN GIÁO CỦA HỘI LHPN VIỆT NAM 5](#_Toc154617427)

[I. TỔNG QUAN CHUNG VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO 5](#_Toc154617428)

[II. VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ, PHỤ NỮ THEO TÔN GIÁO 7](#_Toc154617429)

[III. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ, PHỤ NỮ THEO TÔN GIÁO TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY……………………………………………………………………………...8](#_Toc154617430)

[IV. NỘI DUNG TRỌNG TÂM CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ, PHỤ NỮ THEO TÔN GIÁO NHIỆM KỲ 2022-2027 VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI HỘI PHỤ NỮ CÁC CẤP 10](#_Toc154617431)

[V. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN, CÁC CHỈ ĐẠO CỦA HỘI VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO 15](#_Toc154617432)

[CHUYÊN ĐỀ 2.](#_Toc154617433) [CÁC VẤN ĐỀ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ CẦN QUAN TÂM VÀ KHÁI QUÁT THÔNG TIN MỘT SỐ TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO CHÍNH Ở VIỆT NAM 16](#_Toc154617434)

[I. CÁC VẤN ĐỀ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ CẦN QUAN TÂM 16](#_Toc154617435)

[II. THÔNG TIN CHUNG VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO 22](#_Toc154617436)

[III. ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP 52](#_Toc154617437)

[IV. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN, CÁC CHỈ ĐẠO CỦA HỘI VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO 54](#_Toc154617438)

[CHUYÊN ĐỀ 3.](#_Toc154617439) [CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG THÚC ĐẨY BÌNH ĐẰNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐÓI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI CỦA HỘI LHPN VIỆT NAM 56](#_Toc154617440)

[I. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI CỦA HỘI LHPN PHỤ NỮ VIỆT NAM 56](#_Toc154617441)

[II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS & MN 64](#_Toc154617442)

[III. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC CÓ LIÊN QUAN, CÁC CHỈ ĐẠO CỦA HỘI VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO 66](#_Toc154617443)

[CHUYÊN ĐỀ 4.](#_Toc154617444) [PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NỮ CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, NỮ TU TÔN GIÁO THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI LHPN VIỆT NAM 69](#_Toc154617445)

[I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM 69](#_Toc154617446)

[II. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NỮ CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, NỮ TU CÁC TÔN GIÁO THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI LHPN VIỆT NAM 70](#_Toc154617447)

[III. NỘI DUNG VẬN ĐỘNG, TẬP HỢP NỮ CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC VÀ NỮ TU CÁC TÔN GIÁO 75](#_Toc154617448)

[IV. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC CÓ LIÊN QUAN, CHỈ ĐẠO CỦA HỘI LHPN VIỆT NAM VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO 86](#_Toc154617449)

[CHUYÊN ĐỀ 5.](#_Toc154617450) [CÔNG TÁC THAM GIA XỬ LÝ TÌNH HUỐNG, ĐIỂM NÓNG CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN DÂN TỘC - TÔN GIÁO CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM 87](#_Toc154617451)

[I. KHÁI NIỆM 87](#_Toc154617452)

[II. YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC XỬ LÝ TÌNH HUỐNG 90](#_Toc154617453)

[III. MỘT SỐ CÁCH THỨC HÌNH THÀNH KỸ NĂNG PHÁT HIỆN, GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG CỦA NGƯỜI CÁN BỘ HỘI PHỤ NỮ TẠI CƠ SỞ 91](#_Toc154617454)

[IV. MỘT SỐ TÌNH HUỐNG ĐIỂN HÌNH VỀ ĐIỂM NÓNG CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ GỢI Ý CÁCH GIẢI QUYẾT 98](#_Toc154617455)

[V. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC CÓ LIÊN QUAN, CHỈ ĐẠO CỦA HỘI LHPN VIỆT NAM VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO 105](#_Toc154617456)

**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| CTMTQG | Chương trình Mục tiêu Quốc gia |
| CS: | Cơ sở |
| DTTG: | Dân tộc tôn giáo |
| DTTS: | Dân tộc thiểu số |
| MN: | Miền núi  |
| KTXH: | Kinh tế xã hội |
| PN: | Phụ nữ |
| TT: | Truyền thông |
| TTV: | Truyền thông viên |
| BĐG: | Bình đẳng giới |

# CHUYÊN ĐỀ 1

# TỔNG QUAN CHUNG VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ, PHỤ NỮ THEO TÔN GIÁO CỦA HỘI LHPN VIỆT NAM

## TỔNG QUAN CHUNG VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO

* 1. **Một số khái niệm**
	2. ***Khái niệm về dân tộc thiểu số***

 Căn cứ khoản 2, 3 Điều 4, Nghị định 05/NĐ-CP *Về công tác dân tộc* do Thủ tướng Chính phủ ban hành và có hiệu lực từ tháng 3 năm 2011, khái niệm *dân tộc thiểu số* như sau:

 - “Dân tộc thiểu số” là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg, ngày 14/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách 32 dân tộc còn gặp nhiều khó khăn và 14 dân tộc có khó khăn đặc thù sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa bàn các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Một số khái niệm cần nắm như sau:

- Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn là dân tộc thiểu số sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa bàn các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quy định tại Quyết định số [33/2020/QĐ-TTg](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=201564) ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ); và đáp ứng 1 trong các tiêu chí sau: Có tỷ lệ hộ nghèo lớn hơn từ 1,5 lần trở lên so với bình quân chung tỉ lệ hộ nghèo của 53 dân tộc thiểu số; Có tỉ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông lớn hơn 1,5 lần so với bình quân chung tỉ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông của 53 dân tộc thiểu số; Có tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi lớn hơn 1,5 lần so với bình quân chung tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi của 53 dân tộc thiểu số.

 - Dân tộc có khó khăn đặc thù là dân tộc thiểu số sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa bàn các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ và có dân số dưới 10.000 người.

* 1. Các khái niệm về tín ngưỡng, tôn giáo

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016) quy định:

- *Tín ngưỡng* là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng.

 *- Hoạt động tín ngưỡng* là hoạt động thờ cúng tổ tiên, các biểu tượng linh thiêng; tưởng niệm và tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng; các lễ nghi dân gian tiêu biểu cho những giá trị lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội.

 - *Tôn giáo* là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đôi tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lê nghi và tô chức.

 *- Sinh hoạt tôn giáo* là việc bày tỏ niềm tin tôn giáo, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi tôn giáo.

 *- Hoạt động tôn giáo* là hoạt động truyền bá tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo và quản lý tổ chức của tôn giáo.

 *- Tín đồ* là người tin, theo một tôn giáo và được tổ chức tôn giáo đó thừa nhận.

*- Nhà tu hành* là tín đồ xuất gia, thường xuyên thực hiện nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật và quy định của tổ chức tôn giáo.

 *- Chức sắc* là tín đồ được tổ chức tôn giáo phong phẩm hoặc suy cử để giữ phẩm vị trong tổ chức.

 *- Chức việc* là người được tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được *cấp* chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo bổ nhiệm, bầu cử hoặc suy cử để giữ chức vụ trong tổ chức.

 *- Tổ chức tôn giáo* là tập hợp tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của một tôn giáo được tổ chức theo một cơ cấu nhất định được Nhà nước công nhận nhằm thực hiện các hoạt động tôn giáo.

 *- Tổ chức tôn giảo trực thuộc* là tổ chức thuộc tổ chức tôn giáo, được thành lập theo hiến chương, điều lệ, quy định của tổ chức tôn giáo.

 *- Cơ sở tôn gỉáo* gồm chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, trụ sở của tổ chức tôn giáo, cơ sở hợp pháp khác của tổ chức tôn giáo.

 Phụ nữ tín đồ tôn giáo hay còn gọi là phụ nữ theo tôn giáo - là người có niềm tin vào một tôn giáo chính thức đã được Nhà nước công nhận - và được tổ chức tôn giáo đó thừa nhận. Phụ nữ tín đồ tôn giáo luôn tâm niệm, tôn thờ và mong muốn được giải quyết những vấn đề thực tiễn của mình bằng sự che chở của một lực lượng siêu nhiên như: Chúa Giê su, Đức Phật, Thánh Ala... Đồng thời phụ nữ tín đồ tôn giáo có nghĩa vụ và quyền lợi do giáo hội qui định (thể hiện trong giáo lý, giáo luật, lễ nghi… của các tôn giáo). Tuy nhiên, phụ nữ tín đồ tôn giáo vẫn là người công dân, có nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi theo pháp luật của Nhà nước quy định.

 Trong khuôn khổ của chuyên đề, chúng ta có thể xác định phụ nữ dân tộc thiểu số và phụ nữ theo tôn giáo là hai nhóm đối tượng khá lớn, phân bổ xen kẽ trong tất cả các địa bàn vùng miền, khu vực của đất nước; vừa có những đặc điểm chung của phụ nữ Việt Nam vừa có nhiều đặc điểm riêng biệt của tín ngưỡng, tôn giáo hoặc của phong tục tập quán văn hóa, lối sống của dân tộc. Do đó, công tác nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của phụ nữ dân tộc thiểu số và phụ nữ theo tôn giáo của các cấp Hội LHPN Việt Nam cần được thực hiện thường xuyên với đội ngũ cán bộ được trang bị các kiến thức, kỹ năng chuyên nghiệp và đặc biệt là cần am hiểu sâu sắc về đặc điểm đặc thù của phụ nữ các dân tộc thiểu số và phụ nữ theo tôn giáo.

## VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ, PHỤ NỮ THEO TÔN GIÁO

**1.Vị trí**

- Công tác vận động phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ theo tôn giáo là một bộ phận của công tác vận động phụ nữ nói chung; là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài của tổ chức Hội các cấp, cần tập trung ưu tiên trong chỉ đạo, đầu tư nguồn lực; đặc biệt đối với cấp cơ sở.

- Các cấp Hội đóng vai trò nòng cốt, chủ động đề xuất tham mưu cấp ủy, chính quyền; huy động sự tham gia của cộng đồng, xã hội kết hợp phát huy nội lực trong công tác vận động phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ theo tôn giáo.

- Tập trung đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng bám sát nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của hội viên phụ nữ, lựa chọn ưu tiên phù hợp; sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên đa dạng văn hóa. Đối tượng phụ nữ dân tộc thiểu số và phụ nữ theo tôn giáo là đối tượng trọng tâm cần quan tâm hàng đầu trong các hoạt động Hội và phong trào phụ nữ.

**2.Vai trò/chức năng**

- Nắm tình hình tư tưởng, đời sống, tâm tư, nguyện vọng của phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ theo tôn giáo để kịp thời tham mưu cho Đảng đoàn, Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch, Thường trực Đoàn Chủ tịch về công tác chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm; phối hợp các ban ngành, đoàn thể, các địa phương tham gia giải quyết những vấn đề liên quan đến phụ nữ dân tộc thiểu số, tôn giáo.

 - Nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị với Đảng, Nhà nước hoặc ban hành theo thẩm quyền; xây dựng văn bản tài liệu liên quan đối tượng phụ nữ dân tộc thiểu số, tôn giáo: Tham gia giám sát và phản biện đối với các vấn đề liên quan tới phụ nữ dân tộc thiểu số, tôn giáo; tham mưu ban hành Nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch, Thường trực Đoàn Chủ tịch trong lĩnh vực vận động phụ nữ dân tộc thiểu số, tôn giáo; Tham gia ý kiến xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với phụ nữ dân tộc thiểu số, tôn giáo; hướng dẫn các cấp Hội tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, hiểu biết cho phụ nữ dân tộc thiểu số, tôn giáo về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc; các nghị quyết, chương trình hoạt động của Ban Chấp hành Hội LHPN Việt Nam.

 - Tham mưu xây dựng kế hoạch, hướng dẫn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá, sơ kết, tổng kết các lĩnh vực:

 + Thực hiện Điều lệ Hội, các nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch về công tác dân tộc, công tác tôn giáo.

 + Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác vận động phụ nữ dân tộc thiểu số, tôn giáo.

 - Tham mưu xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các chương trình phối hợp được kí kết giữa Hội LHPN Việt Nam với các Ban/Bộ/ngành về công tác vận động phụ nữ dân tộc thiểu số, tôn giáo

 - Chủ động khai thác nguồn lực XHH, tham mưu tổ chức triển khai một số chương trình, hoạt động nâng cao kiến thức, chăm lo, hỗ trợ, kết nối tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề xã hội cấp thiết đối với PN DTTS và tôn giáo.

## NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ, PHỤ NỮ THEO TÔN GIÁO TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

**1.Phụ nữ DTTG tiếp tục đối mặt với các khó khăn, thách thức**

 Nghèo, dịch bệnh, thất nghiệp, tảo hôn, hôn nhân cận huyết, tái mù chữ, sinh nhiều con, sinh hoạt đạo trái phép, di cư tự do, buôn bán phụ nữ trẻ em qua biên giới, mua bán bào thai, tín dụng đen, hôn nhân xuyên biên giới, bạo lực với phụ nữ, trẻ em ngày càng tinh vi, phức tạp, nghiêm trọng… Những vấn đề trên ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của hội viên phụ nữ, đồng thời tạo kẽ hở để các thế lực thù địch lợi dụng, kích động chị em tham gia các hoạt động trái pháp luật.

**2.Cách mạng công nghiệp 4.0, yêu cầu về chuyển đổi số mạnh mẽ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội là cơ hội và cũng sẽ là thách thức**

Không nhỏ đối với khu vực DTTS. Nếu không có những tác động, can thiệp phù hợp thì đây sẽ là khu vực khó khăn, nhất là những khó khăn về kinh tế, hạ tầng cơ sở, hạn chế trong nhận thức, bất bình đẳng giới, tập quán lạc hậu sẽ tiếp tục là rào cản đối với phụ nữ DTTS trong bắt kịp các yêu cầu về công nghệ dẫn đến nguy cơ bị bỏ lại phía sau trong tiến trình số hoá của đất nước là rất lớn. Sự phát triển của công nghệ thông tin, các phương thức truyền thông hiện đại… cũng đặt ra thách thức lớn cho phụ nữ DTTG trong việc tiếp nhận, làm chủ công nghệ thông tin cũng như đối với công tác tuyên truyền, vận động phụ nữ địa bàn này.

**3. Đội ngũ cán bộ Hội làm công tác DTTG còn nhiều hạn chế về năng lực chuyên môn trong khi đó các tổ chức tôn giáo thường xuyên đổi mới cách thức thu hút tín đồ và nâng cao năng lực đội ngũ truyền giáo**

Cán bộ làm công tác DTTG của cơ quan chuyên trách Hội chưa được cập nhật thường xuyên, kịp thời kiến thức về tôn giáo, âm mưu của các thế lực thù địch; cán bộ Hội làm công tác dân tộc tôn giáo còn hạn chế về năng lực chuyên môn (giáo lý, giáo luật các tôn giáo; một bộ phận không biết tiếng dân tộc, không am hiểu phong tục, tập quán các dân tộc; thiếu kỹ năng tuyên truyền, vận động, kỹ năng ứng xử đối với tín đồ, chức sắc, chức việc các tôn giáo,...), do vậy lúng túng, bị động khi tham gia giải quyết các điểm nóng liên quan đến tôn giáo, hạn chế trong tham mưu triển khai các hoạt động của Hội.

Các tổ chức tôn giáo truyền đạo, phát triển tín đồ với nhiều hình thức hấp dẫn, sử dụng mạng xã hội, tài liệu phong phú thu hút đông đảo giáo dân ở mọi lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp. Một điểm rất đáng lưu ý nữa là các nhà truyền giáo thường nghiên cứu kĩ đặc điểm lịch sử, văn hoá, tâm lí, phong tục, tập quán từng dân tộc; chủ động địa phương hoá, dân tộc hoá để dễ dàng hoà nhập và phát triển. Bên cạnh đó, những năm gần đây, các tôn giáo tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng và đầu tư phương tiện hoạt động tạo ra một đội ngũ các chức sắc, chức việc có uy tín lớn, trình độ, năng lực cao, khả năng thu hút, tập hợp tín đồ mạnh.

**4.Âm mưu “Diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch và sự gia tăng tình trạng xâm nhập và phát triển của các hiện tượng tôn giáo mới**

Vấn đề dân tộc, tôn giáosẽ tiếp tục được các thế lực thù địch bên ngoài lợi dụng triệt để đẩy mạnh âm mưu “Diễn biến hoà bình”, kích động tuyên truyền tư tưởng li khai, thành lập các tổ chức bất hợp pháp, tổ chức hoạt động tôn giáo trái pháp luật... Vì vậy, điểm nóng chính trị xã hội có liên quan đến yếu tố DTTG còn tiềm ẩn và có xu hướng gia tăng.

Hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới thời gian gần đây đã gây nên những ảnh hưởng nhất định đến đời sống kinh tế, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo của một bộ phận hội viên phụ nữ, nhất là các loại hình “đạo lạ” cực đoan, phản văn hóa gây khó khăn trong công tác vận động phụ nữ và tiềm ẩn các “điểm nóng” về tôn giáo. Trong khi đó phương diện tiếp cận, nhận diện các hiện tượng tôn giáo mới và việc xác định nội dung, biện pháp vận động hội viên phụ nữ không tin và theo các hiện tượng tôn giáo lạ còn lúng túng, thiếu thống nhất. Thực tế đã xuất hiện phương thức thu hút tín đồ thông qua truyền đạo trên mạng núp dưới chiêu bài các bài tập chữa bệnh, tăng cường sức khoẻ, bán hàng đa cấp... Thực tế trên đặt ra yêu cầu cho cán bộ Hội các cấp cần gần gũi, sâu sát với hội viên để nắm bắt dư luận, tư tưởng đời sống phụ nữ tôn giáo, đồng thời chủ động quản lý hội viên phụ nữ và khoanh vùng đối tượng cá biệt để có cách thức tuyên truyền phù hợp.

## NỘI DUNG TRỌNG TÂM CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ, PHỤ NỮ THEO TÔN GIÁO NHIỆM KỲ 2022-2027 VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI HỘI PHỤ NỮ CÁC CẤP

**1. Nội dung hoạt động trọng tâm**

- Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ DTTG thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; giáo dục truyền thống, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giá trị tốt đẹp của các tôn giáo, chăm sóc sức khỏe, nâng cao năng lực, trình độ mọi mặt.

- Hỗ trợ phụ nữ DTTG xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; xây dựng môi trường an toàn cho phụ nữ và trẻ em DTTG.

- Hỗ trợ nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTG.

- Giám sát, phản biện xã hội, đề xuất chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới vùng DTTG; vận động thực hiện bình đẳng giới tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng tôn giáo.

- Củng cố, phát triển tổ chức Hội địa bàn đông phụ nữ DTTG vững mạnh, hoạt động hiệu quả.

-Thực hiện các chương trình, dự án trọng tâm đặc thù hỗ trợ nâng cao đời sống phụ nữ DTTS trong NK 2022 - 2027: Chương trình “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương” giai đoạn 2022 - 2027; Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” trong Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025.

**2. Yêu cầu cụ thể đối với Hội phụ nữ các cấp:**

***2.1. Tăng cường công tác lãnh, chỉ đạo của Hội LHPN các cấp đối với công tác vận động phụ nữ DTTG***

Chủ động, linh hoạt, sáng tạo lựa chọn nội dung, phương thức thực hiện hoạt động phù hợp với đặc thù của địa phương, thực hiện phương châm “Trung ương định hướng chiến lược, Tỉnh vận dụng sáng tạo, Huyện đồng hành cơ sở, Xã nắm chắc hội viên, Chi thấu hiểu phụ nữ”. Lồng ghép công tác vận động phụ nữ DTTG vào các hoạt động chung của Hội; lựa chọn ưu tiên đối tượng phụ nữ, địa bàn để bố trí kinh phí phù hợp tổ chức hoạt động. Thực hiện/lồng ghép kiểm tra, đánh giá hàng năm công tác vận động phụ nữ DTTG, nhất là các địa bàn trọng điểm DTTG.

- *Tăng cường các hoạt động* *khảo sát, nghiên cứu thực tiễn, nắm bắt* tình hình tư tưởng, đời sống, những khó khăn trong công tác vận động phụ nữ DTTG, từ đó có cơ sở xây dựng các đề án/chương trình, tham mưu đề xuất các chủ trương, chính sách liên quan với Đảng, Nhà nước thực hiện các hoạt động hỗ trợ nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ DTTG.

*- Tiếp tục kết nối, nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp* với các Ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức tôn giáo, tổ chức quốc tế, các tổ chức/doanh nghiệp xã hội… trong công tác vận động phụ nữ DTTG.

*- Chủ động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin* trong quản lý, điều hành, triển khai nâng cao chất lượng các hoạt động Hội địa bàn DTTG. Khuyến khích hội viên phụ nữ DTTG địa phương sử dụng điện thoại thông minh để tiếp cận các thông tin, kiến thức theo nhu cầu *(qua mạng xã hội facebook, zalo, fanpage...).*

*- Chú trọng kiện toàn, duy trì sinh hoạt chi/tổ phụ nữ* tại các địa bàn có diễn biến/tiềm ẩn các vấn đề phức tạp liên quan đến DTTG và các Chi/tổ hoạt động yếu kém.

- *Trong quá trình chỉ đạo, các cấp Hội cần chú trọng đảm bảo mỗi chương trình/dự án đều dành tỷ lệ nhất định về nguồn lực* *tương xứng với yêu cầu thực tiễn tình hình DTTG và tỷ lệ nữ DTTS, nữ tín đồ từng địa phương*. Tập trung các hoạt động và nguồn lực về cơ sở, nhất là các địa bàn hoạt động còn yếu, khó thu hút hội viên DTTG; cơ sở Hội vùng sâu vùng xa, biên giới khó khăn về cơ sở vật chất và nhân lực.

***2.2.*** ***Đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức cho hội viên, phụ nữ DTTG***

- *Đổi mới, đa dạng hình thức, tài liệu/sản phẩm truyền thông phù hợp với phụ nữ DTTG,*trong đóchú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền *(Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; qua mạng xã hội; truyền thông qua các trang cá nhân của cán bộ Hội, hội viên, truyền thông tương tác...).* Tích cực tham gia đưa tin bài/hình ảnh trên Fanpage “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương”, trang thực hiện dự án 8 trên cổng thông tin điện tử của Hội LHPNVN; chuyên trang điện tử “Hoa đất Việt” và phụ trương “Truyền thống, hội nhập và phát triển” của Báo PNVN là các kênh dành riêng truyền thông về phụ nữ DTTG. Xây dựng các nhóm zalo, facebook kết nối/chia sẻ hoạt động về DTTG giữa Hội LHPN các địa phương...Kết hợp giữa tổ chức các chiến dịch/sự kiện truyền thông quy mô lớn diện rộng với các hình thức tuyên truyền, vận động trực tiếp, di động tại các thôn/bản. Chủ động tuyên truyền các hoạt động về vận động phụ nữ DTTG trên các kênh truyền thông báo, đài truyền hình TW và địa phương. Đa dạng hóa các tài liệu/sản phẩm truyền thông bằng *sách nói*, *bài giảng điện tử, clip, trailer, tờ rơi, tài liệu hỏi đáp....* Biên soạn một số tài liệu bằng tiếng dân tộc cho phụ nữ DTTS một số vùng miền, địa phương, xây dựng tài liệu chuyên đề chuyên sâu.

*- Xây dựng/tổ chức các chương trình, hoạt động, sự kiện truyền thông quy mô lớn có tính lan tỏa ở vùng DTTS, miền núi và tôn giáo:* Xây dựng các chương trình truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về giới, bình đẳng giới và giới thiệu, vận động kết quả thực hiện BĐG kênh truyền thông tại địa phương (bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc); phối hợp với Bộ đội Biên phòng tổ chức Chương trình “Xuân đoàn kết tết biên cương”/“Xuân biên phòng ấm lòng dân bản”; tổ chức Hội nghị biểu dương phụ nữ DTTG tiêu biểu trên các lĩnh vực; Hội nghị chia sẻ các mô hình thu hút phụ nữ DTTG hiệu quả… Kết nối với những người có tầm ảnh hưởng rộng, truyền cảm hứng trong xã hội như nghệ sỹ, diễn viên, hoa hậu, nhà khoa học, người có uy tín… để tạo lan tỏa trong các sự kiện truyền thông

*- Tổ chức các hoạt động thăm hỏi, chúc mừng* già làng, trưởng bản, chức sắc, chức việc tôn giáo, người có ảnh hưởng tích cực, uy tín trong cộng đồng DTTG, cốt cán phong trào và hội viên nòng cốt DTTG nhân các ngày lễ hội, lễ trọng của các dân tộc, tôn giáo. Tham khảo các ý kiến của già làng, trưởng bản, chức sắc, nữ tu tôn giáo và phong trào thi đua của đồng bào DTTG tại địa phương, trên cơ sở đó xây dựng, điều chỉnh hoạt động Hội phù hợp với đặc thù, phát huy thế mạnh của phụ nữ DTTG.

- *Xây dựng, duy trì, nhân rộng và nâng cao chất lượng các mô hình* hỗ trợ phụ nữ cải thiện cuộc sống và tập hợp, thu hút hội viên người dân tộc thiểu số, phụ nữ theo tôn giáo hiệu quả (chú trọng các mô hình hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, xây dựng gia đình hạnh phúc, chăm sóc nuôi dạy con,…).

***2.3. Nâng cao năng lực và thực hiện giám sát, phản biện các chính sách liên quan vùng DTTS và tôn giáo***

- *Chủ động khảo sát, nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các chương trình, đề án, đề tài khoa học* tập trung các vấn đề liên quan trực tiếp hoặc phụ nữ dân tộc, tôn giáo đang quan tâm và vấn đề các cấp Hội gặp khó khăn trong công tác vận động phụ nữ DTTG như: *các giải pháp, hình thức thu hút, vận động phù hợp thu hút phụ nữ DTTG tham gia hoạt động Hội; giải pháp phát huy vai trò nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tham gia tổ chức Hội; khảo sát thực trạng và đề xuất chính sách hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số sinh đẻ an toàn và chăm sóc trẻ sau sinh tại nhà; bình đẳng giới vùng DTTS, tôn giáo; tuyên truyền, vận động phụ nữ không tin theo các tà đạo, mê tín dị đoan; cơ hội và thách thức của phụ nữ DTTG trong thời kỳ công nghệ 4.0; …* từ đó đề xuất các chính sách bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ DTTG.

- *Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ Hội làm công tác DTTG.* Tổ chức tập huấncác kiến thức, kỹ năng:Chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về DTTG; kỹ năng phát hiện, xử lý các “điểm nóng” liên quan đến phụ nữ DTTG; kỹ năng tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ DTTG, đặc biệt là nữ chức sắc, chức việc, nữ tu; cách thức phối hợp, lồng ghép hoạt động Hội với hoạt động các Hội đoàn nữ tôn giáo; công tác tuyên truyền, vận động phụ nữ tôn giáo mới tham gia hoạt động Hội; bình đẳng giới vùng DTTS…Tích cực tham gia các lớp tập huấn chuyên sâu về công tác dân tộc, tôn giáo do các Ban, ngành liên quan tổ chức.

- *Chú trọng công tác cán bộ là người DTTG:* Thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức Hội các cấp theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII và Điều lệ Hội đảm bảo phải phân công sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ phù hợp làm tham mưu cho Đảng đoàn, BTV Hội LHPN các cấp về công tác vận động phụ nữ dân tộc, tôn giáo; bảo đảm địa bàn có đông phụ nữ DTTG có cán bộ Hội là người DTTG, chú trọng tuyển chọn, bồi dưỡng cán bộ ưu tiên người DTTG, người có uy tín và am hiểu đối tượng, địa bàn. Phát huy vai trò Uỷ viên Ban chấp hành Hội LHPN là các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu các tôn giáo.

- *Nâng cao năng lực của tổ chức Hội, cán bộ Hội các cấp trong nghiên cứu, tham mưu, đề xuất chính sách; công tác giám sát, phản biện* thực hiện luật pháp, chính sách về phụ nữ, gia đình và trẻ em vùng DTTG: Chủ động rà soát, khảo sát, nghiên cứu, đề xuất xây dựng các chương trình/đề ántập trung các vấn đề liên quan trực tiếp hoặc phụ nữ DTTG đang quan tâm hoặc vấn đề các cấp Hội gặp khó khăn*;* tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu, đề xuất chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình và trẻ em vùng DTTG cho cán bộ Hội các cấp...

- *Xây dựng mạng lưới đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên, cốt cán phong trào, hội viên nòng cốt là phụ nữ DTTG:* Hình thành mạng lưới tuyên truyền viên DTTG, nhất là nữ chức sắc, nữ chức việc, nữ tu, nữ tín đồ có uy tín, tích cực tham gia hoạt động địa phương để thường xuyên cập nhật, nắm bắt tình hình tư tưởng đời sống hội viên, phụ nữ DTTG. Quan tâm củng cố, nâng cao chất lượng hội viên nòng cốt DTTG, nhất là các địa bàn trọng điểm về DTTG.

***2.4. Công tác phối hợp, vận động nguồn lực***

*- Chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền* các cấp các chương trình, đề án có liên quan và tham gia các CTMTQG phù hợp với phụ nữ DTTG, nhất là chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

- *Nâng cao chất lượng phối hợp với các ban/ngành/đoàn thể trong công tác vận động phụ nữ DTTG*: Rà soát hiệu quả và nâng cao chất lượng phối hợp với các Bộ/ban/ngành, đoàn thể liên quan, nhất là Ban Tôn giáo, Ban Dân tộc, Bộ đội biên phòng trong xây dựng các chương trình, vận động nguồn lực hỗ trợ phụ nữ DTTG, đặc biệt là phối hợp triển khai Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, trọng tâm là triển khai hiệu quả Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng DTTS và miền núi”; chương trình “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương” và phối hợp giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào DTTS, TG (như: xóa mù chữ cho hội viên, phụ nữ; tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, làm mẹ an toàn; phòng chống mua bán người; phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết; di cư lao động trái pháp luật; tuyên truyền không mê tín dị đoan/tham gia các hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo phản động; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân về bảo vệ biên giới...).

- *Chủ động phối hợp với các tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận.* Rà soát tình hình và hoạt động của các tôn giáo có các cơ sở từ thiện về y tế, giáo dục của các tổ chức tôn giáo (đối tượng, mục đích, địa bàn…) trên cơ sở đó có kế hoạch phối hợp, tuyên truyền, vận động phù hợp. Kết nối, phối hợp với chức sắc tôn giáo (Sư chủ trì, Linh mục, Mục sư, nữ chức sắc, nữ chức việc, nữ tu tôn giáo), các Hội đoàn nữ tôn giáo (Chi hội phụ nữ Tin lành, giới hiền mẫu Công giáo, ban Ni giới, Đạo Tràng Phật Giáo tại địa phương… ) vận động, hỗ trợ chị em tín đồ tham gia hoạt động Hội, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa Hội với các tổ chức tôn giáo.

- *Vận động, kết nối các mạnh thường quân,* *các đơn vị, tổ chức hoạt động thiện nguyện, doanh nghiệp xã hội* xã hội có uy tín, phù hợp với sứ mệnh, nhiệm vụ của tổ chức Hội trong hỗ trợ phụ nữ DTTG khó khăn, bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh đột xuất, hỗ trợ cơ sở vật chất Hội LHPN cơ sở địa bàn biên giới, đặc biệt khó khăn; ủng hộ quỹ “Tiếp bước cho trẻ em đến trường”, “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương”, chương trình “Mẹ đỡ đầu”; xây dựng mái ấm tình thương...

- *Tăng cường hợp tác, kết nối, vận động nguồn lực quốc tế,* đặc biệt là với các nước có chung biên giới với Việt Nam thông qua các chương trình, dự án trong các vấn đề liên quan/thực hiện tại các địa bàn DTTG.

## DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN, CÁC CHỈ ĐẠO CỦA HỘI VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 2021, Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia.

2. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016).

3. Nghị định 05/NĐ-CP, 2011, Về công tác dân tộc.

4. Nghị quyết số 10/NQ-CP, 2022, ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030.

5. Hội LHPN Việt Nam, 2022, *Văn kiện Đại hội Đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.

6. Đảng đoàn Hội LHPN Việt Nam, 2018, Chương trình hành động số 12-CTr/ĐĐ về *thực hiện các quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng về công tác dân tộc, tôn giáo trong tình hình mới.*

7*.* Hội LHPN Việt Nam, 2018, Tài liệu “Công tác dân tộc, tôn giáo” nhiệm kỳ 2017-2022.

8. Hội LHPN Việt Nam, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, Bộ LĐTB&XH, Ủy ban Dân tộc, 2020, *Thúc đẩy lồng ghép giới trong Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030.* Hà Nội.

9. Uỷ ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê, 2019, *Kết quả Điều tra, thu nhập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc*, Hà Nội.

# CHUYÊN ĐỀ 2

# CÁC VẤN ĐỀ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ CẦN QUAN TÂM VÀ KHÁI QUÁT THÔNG TIN MỘT SỐ TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO CHÍNH Ở VIỆT NAM

## CÁC VẤN ĐỀ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ CẦN QUAN TÂM

Trong nhiều thập kỷ qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong phát triển, đặc biệt là công cuộc xóa đói giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Với mục tiêu phát triển bình đẳng, đồng đều ở tất cả các vùng, miền, các nhóm xã hội, Đảng và Nhà nước đã có nhiều nỗ lực đẩy mạnh các chính sách nhằm tăng cơ hội cho phụ nữ, đặc biệt là nhóm phụ nữ dân tộc thiểu số (DTTS) tiếp cận các nguồn lực xã hội, đảm bảo tính công bằng và toàn diện hơn. Hệ thống chính sách, pháp luật về DTTS, miền núi không ngừng được hoàn thiện, ưu tiên bố trí huy động nguồn lực để thực hiện và đã đạt được những kết quả quan trọng, không chỉ hỗ trợ trực tiếp về đời sống cho đồng bào DTTS nói chung trong đó có phụ nữ DTTS mà còn mở ra cho họ nhiều cơ hội về sinh kế, tiếp cận và sử dụng các dịch vụ xã hội…

Tuy nhiên, với người DTTS nói chung và phụ nữ DTTS nói riêng vẫn còn những khoảng cách trong tiếp cận và thụ hưởng thành quả phát triển. Số liệu thống kê và kết quả nghiên cứu trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, CSSK... cho thấy, phụ nữ DTTS là nhóm có nguy cơ cao bị bỏ lại phía sau do tính dễ bị tổn thương kép với đặc thù vừa là phụ nữ, vừa là người DTTS trong khi đa phần chính sách chưa coi phụ nữ DTTS là một nguồn lực quan trọng của sự phát triển, mang tính đặc thù đối tượng. Đồng thời, các bằng chứng thực tiễn đã chỉ ra một số vấn đề giới ở vùng DTTS đang nghiêm trọng hơn so với vấn đề giới nói chung ở Việt Nam và rất cần được quan tâm giải quyết như kinh tế (bao gồm việc làm, thu nhập, tham gia thị trường); xã hội (giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe, tiếp cận thông tin, hôn nhân, gia đình...) và tham gia chính trị.

1. ***Khoảng cách giới trong tiếp cận cơ hội sinh kế, lao động, việc làm***

*Phụ nữ DTTS lao động trong nông nghiệp là chủ yếu*

Số liệu từ Điều tra KTXH 53 DTTS năm 2019 (do Tổng cục Thống kê phối hợp với UBDT thực hiện) cho thấy tỷ lệ phụ nữ DTTS tham gia lao động trong nông nghiệp cao hơn so với mức trung bình của phụ nữ toàn quốc (79,4% so với 71.8%). Tỷ lệ tham gia lao động cao trong khi còn phải làm việc nhà và chăm sóc con cái nên phụ nữ DTTS ít có cơ hội để học tập nâng cao trình độ, nghỉ ngơi giải trí hay tham gia các hoạt động xã hội. Về cơ cấu lao động, *phụ nữ DTTS vẫn tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp với năng suất lao động thấp, thu nhập thấp*. Nếu như phụ nữ cả nước chỉ còn 36% lao động trong nông nghiệp thì thì tỷ lệ này ở phụ nữ DTTS nước ta lên đến 76,4% (tỷ lệ này ở nam giới DTTS là 70,5%).

*Phụ nữ DTTS gặp rất nhiều rào cản trong tiếp cận việc làm có trả lương*

 Điều tra KTXH 53 DTTS năm 2019 cũng cho thấy sự chênh lệch giữa phụ nữ các nhóm dân tộc và phụ nữ DTTS với phụ nữ toàn quốc trong tiếp cận việc làm công có trả lương. Tính trung bình thu nhập từ tiền lương chiếm đến 39,6% thu nhập bình quân của các hộ DTTS, thu nhập từ tự làm các hoạt động phi nông nghiệp khác là 9,9%; từ nông nghiệp là 41,2%. Với các nhóm dân tộc như Mường, Thái, Khmer… thì tiền lương đã chiếm đến hơn 50% tổng thu nhập hộ gia đình. Tiếp cận với việc làm có trả lương đã trở thành một động lực chính trong giảm nghèo ở vùng DTTS trong những năm gần đây. Tuy nhiên, báo cáo của ngân hàng Thế giới và UBDT (2019) chỉ ra rằng phụ nữ DTTS gặp rất nhiều rào cản trong tiếp cận với các cơ hội việc làm có trả công. Lao động nữ DTTS qua đào tạo chỉ có đạt 8,9% (so với tỷ lệ này ở lao động nam DTTS là 11,7%), thấp hơn tỷ lệ lao động nữ trên cả nước có qua đào tạo là 20,5%. Bên cạnh rào cản về trình độ giáo dục, phụ nữ DTTS còn gặp các rào cản về văn hóa, ngôn ngữ, và phân công lao động hộ gia đình “đóng khung” người phụ nữ trong các công việc nội trợ, chăm sóc người già, trẻ nhỏ nên họ không có nhiều cơ hội tiếp cận với việc làm có trả lương.

1. ***Khoảng cách giới trong lĩnh vực giáo dục***

*Phụ nữ DTTS hoàn thành bậc học từ THPT trở lên thấp hơn so với mức trung bình nữ toàn quốc*

Xét về tỷ lệ hoàn thành các cấp học, không có sự chênh lệch đáng kể giữa phụ nữ và nam giới DTTS. Nhưng nếu so với tỷ lệ hoàn thành các cấp học từ THPT trở lên thì có khoảng cách rất lớn giữa phụ nữ DTTS và tỷ lệ trung bình của phụ nữ trên toàn quốc. Nếu tính nhóm dân số từ 15 tuổi trở lên, tỷ lệ tốt nghiệp THPT của phụ nữ trung bình toàn quốc là 16.3% nhưng tỷ lệ đó với phụ nữ DTTS chỉ là 10,2%. Tính các cấp học sau phổ thông thì tỷ lệ phụ nữ DTTS hoàn thành các cấp học từ trung cấp trở lên là 7,5%, trong khi tỷ lệ trung bình của phụ nữ toàn quốc là 15,6%.

*Nhiều trẻ em nữ DTTS trong độ tuổi đi học nhưng không đi học*

Tỷ lệ trẻ em nữ DTTS trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng không đi học ở tất cả các cấp học phổ thông cao hơn so với trẻ em nam DTTS và trẻ em nữ toàn quốc nói chung. Đối với độ tuổi THCS, tỷ lệ trẻ em nữ DTTS không đi học là 12,2% trong khi tỷ lệ trung bình với trẻ em nữ toàn quốc là 5,9%. Khoảng cách này nới rộng hơn ở bậc THPT với 43,1% trẻ em gái DTTS trong độ tuổi THPT không đi học (so với tỷ lệ 22,7% trung bình của trẻ em nữ toàn quốc).

*Tỷ lệ phụ nữ DTTS từ 15 tuổi trở lên không biết đọc biết viết chữ phổ thông còn rất cao*

Theo kết quả Điều tra KTXH 53 DTTS, vẫn còn đến 19,1% người DTTS từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết chữ phổ thông, trong đó tỷ lệ này ở phụ nữ là 24,9% - cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ nam giới không biết đọc, biết viết chữ phổ thông là 13,3%. Tỷ lệ phụ nữ DTTS không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông là một rào cản đáng kể trong tiếp cận dịch vụ công, cơ hội trên thị trường lao động, tiếp cận thông tin, và tiếp cận các cơ hội khác.

1. ***Khoảng cách giới trong tiếp cận dịch vụ y tế***

Có khoảng cách lớn giữa phụ nữ DTTS và phụ nữ cả nước trong tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản. Theo Quỹ Dân số LHQ và Bộ Y tế (2017), tỷ lệ phụ nữ DTTS tiếp cận các dịch vụ chăm sóc trước sinh (khám thai ít nhất 04 lần) chỉ là 16% so với mức trung bình của phụ nữ toàn quốc là 74%. Bên cạnh đó, tỷ lệ sinh con tại các cơ sở y tế của phụ nữ DTTS chỉ là 41% (so với trung bình toàn quốc là 94%). Tỷ lệ các ca đẻ của phụ nữ DTTS có sự hỗ trợ của cán bộ y tế là 49% trong khi tỷ lệ trung bình của phụ nữ cả nước là 94%. Trong một nghiên cứu khác của UBDT và Tổ chức Phụ nữ LHQ (2016), có đến 36,5% phụ nữ DTTS sinh con tại nhà (trong khi tỷ lệ sinh con tại nhà của phụ nữ dân tộc Kinh chỉ là 0,5%).

 Tỷ lệ không sử dụng các biện pháp tránh thai ở các nhóm DTTS còn cao. Theo số liệu mới nhất từ Điều tra KTXH 53 DTTS 2019, tổng tỷ suất sinh (TFR) của người DTTS còn khá cao, 2,39 con/phụ nữ. Tỷ suất này cao hơn mức bình quân của phụ nữ cả nước (2,01 con/phụ nữ). Đáng lo ngại là tỷ suất chết của trẻ em gái DTTS dưới 1 tuổi là 19,29% cao hơn so với tỷ lệ tương ứng của trẻ em gái trong cả nước nói chung (12‰). Cũng theo nguồn số liệu này, có đến 22.8% phụ nữ DTTS có gia đình không sử dụng một biện pháp tránh thai nào. Tuổi thọ trung bình của phụ nữ DTTS là 73,7 năm, thấp hơn khá nhiều so với tuổi thọ bình quân của phụ nữ cả nước là 76,3 năm.

Tỷ lệ trẻ em DTTS suy dinh dưỡng *cao hơn hẳn so với mức trung bình của trẻ em toàn quốc.* Mức độ suy dinh dưỡng mãn tính ở trẻ em (thể thấp còi) chủ yếu ở các vùng đồng bào DTTS ở Việt Nam và thuộc nhóm cao nhất thế giới. Theo số liệu của Viện Dinh dưỡng Quốc gia, tỷ lệ thấp còi năm 2019 là 23,8% trên toàn quốc, 29,5% ở miền núi phía Bắc và 33,4% ở Tây Nguyên (hai vùng tập trung chủ yếu đồng bào DTTS). Thấp còi được coi là là chỉ số rõ nhất về tình trạng suy dinh dưỡng. Do ít nhất 20% tình trạng thấp còi ở trẻ em bắt nguồn từ khi còn trong bụng mẹ (NHTG, 2019a) nên thấp còi thể hiện dinh dưỡng và sức khoẻ không tốt của bà mẹ trước và trong khi mang thai, cách chăm sóc và cho trẻ ăn trong giai đoạn sơ sinh. Mang thai ở tuổi thiếu niên cũng là nguyên nhân quan trọng gây thấp còi ở người mẹ trẻ và con...

1. ***Khoảng cách giới trong tiếp cận thông tin, trợ giúp pháp lý***

*Phụ nữ DTTS gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận thông tin*

Kết quả khảo sát tại ba tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và [Điện Biên](https://dantocmiennui.vn/xa-hoi/dien-bien-vai-net-tong-quan/165777.html) của tổ chức CARE Quốc tế thực hiện năm 2017 cho thấy mặc dù người DTTS (vốn chiếm đa số tại 3 tỉnh này) có thể tiếp cận nhiều loại thông tin nhưng nhìn chung, phụ nữ tiếp cận thông tin ít hơn nhiều so với nam giới. Hầu hết các đối tượng tham gia khảo sát đều hài lòng với thông tin về giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội; ít hài lòng hơn với thông tin về luật pháp, chính sách và các vấn đề xã hội vì cho rằng, các thông tin này tuy có nhưng không đầy đủ, không cập nhật và không thường xuyên. Với các nguồn thông tin tại địa phương, nam giới cũng được tiếp cận nhiều hơn với các nguồn thông tin khác nhau như tập huấn theo chuyên đề, tài liệu in (tờ rơi, áp phích…), bảng tin và thư viện nhỏ. Vì các nguồn thông tin này thường được đặt ở UBND xã nên phụ nữ DTTS do ít di chuyển và ít đến UBND xã hơn nên ít tiếp cận các nguồn này hơn.

*Phụ nữ DTTS gặp nhiều rào cản trong tiếp cận trợ giúp pháp lý*

Theo báo cáo của NHTG (2019b)về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương thực hiện tại hai tỉnh cỏ tỷ lệ DTTS cao là Điện Biên và Bắc Kạn, tỷ lệ phụ nữ có tiếp cận với các dịch vụ trợ giúp pháp lý thấp hơn rất nhiều so với nam giới. Trong năm 2018, phụ nữ chỉ chiếm 23,7% số vụ trợ giúp pháp lý tại Điện Biên và 31,4% số vụ tại Bắc Kạn. Trợ giúp pháp lý tại hai tỉnh chủ yếu được thực hiện bởi hai Trung tâm trợ giúp pháp lý. Tuy nhiên, cả hai trung tâm này đều gặp khó khăn về nguồn lực và cán bộ nên khả năng cung cấp trợ giúp pháp lý tại cá địa bàn xa trung tâm là rất hạn chế. Trong một báo cáo trước đó, ISEE (2010)cũng chỉ ra rằng phụ nữ DTTS gặp nhiều trở ngại trong tiếp cận với trợ giúp pháp lý do nguồn nhân lực có đủ điều kiện để cung cấp các dịch vụ pháp lý rất thiếu, đặc biệt ở các vùng DTTS.

1. ***Khoảng cách giới trong hôn nhân và gia đình***

*Tồn tại những định kiến giới về vai trò của phụ nữ trong gia đình và cộng đồng DTTS*

Nghiên cứu của Ngân hàng thế giới Ủy ban Dân tộc (2019) chỉ ra rằng các định kiến xã hội về vai trò nội trợ của phụ nữ DTTS ảnh hưởng đến sự tham gia của họ vào các hoạt động sinh kế, tạo thu nhập. Với gánh nặng của công việc chăm sóc gia đình, phụ nữ DTTS không có điều kiện học tập, phát triển kỹ năng; hạn chế cơ hội việc làm phi nông nghiệp, việc làm có trả lương ở xa nơi cư trú. Gánh nặng đó càng làm cho phụ nữ bị phụ thuộc vào các hoạt động sinh kế nông nghiệp tại địa bàn cư trú thay vì có thể tìm kiếm các cơ hội việc làm ngoại tỉnh hay xuất khẩu lao động. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng nam giới DTTS thường dựa vào các quan niệm, chuẩn mực truyền thống về các công việc được xem là ‘phù hợp’ với phụ nữ và việc đàn ông để chối tránh trách nhiệm nội trợ và không hài lòng nếu vợ đi làm xa thường xuyên vắng nhà. Phản ứng tiêu cực của nam giới DTTS trước việc người vợ đi làm xa bộc lộ dưới nhiều dạng thức từ chê trách đến chỉ trích, và cả bạo lực giới.

*Bạo lực giới đang ở mức cao tại vùng DTTS*

Theo kết quả khảo sát tại tỉnh Điện Biên do tổ chức CARE Quốc tế thực hiện năm 2018, có đến 66,6% số phụ nữ trả lời khảo sát đã từng bị ít nhất một hình thức bạo lực giới trong 12 tháng qua. Các hành vi bạo lực thể chất thường xuyên là mắng chửi, tiếp đến là dọa nạt/hăm dọa và bỏ mặc/phớt lờ với tỷ lệ phụ nữ từng bị các hình thức bạo lực này trong đời lần lượt là 84,8%; 53,4%; và 50,9%. Đặc biệt, kết quả định tính từ nghiên cứu này chỉ ra rằng bạo lực đối với phụ nữ DTTS bắt nguồn từ những quan niệm về chuẩn mực và khuôn mẫu giới của không chỉ những người liên quan mà còn của cộng đồng và họ hàng. Những định kiến về vai trò thấp kém của phụ nữ DTTS trong gia đình, về quyền của người chồng trong kiểm soát vợ, trách nhiệm của người vợ trong các công việc gia đình… là những khuôn mẫu giới phổ biến gây ra các mâu thuẫn dẫn đến bạo lực giới.

*Tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng DTTS còn cao*

Tình trạng tảo hôn còn rất cao trong các vùng DTTS. Theo Điều tra kinh tế - xã hội 53 DTTS năm 2019, tuổi kết hôn trung bình lần đầu của người DTTS là 21,0 tuổi, thấp hơn đáng kể so với toàn bộ dân số (24,9 tuổi). Tỷ lệ tảo hôn trung bình của các DTTS là 26,2%. Các biệt có những nhóm tỷ lệ tảo hôn rất cao như nhóm Mông (59,7%), nhóm Khơ Mú (44,3%). Tình trạng hôn nhân cận huyết thống vẫn còn tồn tại với tỷ lệ trung bình là 6.5‰.

***6. Khoảng cách giới trong tham gia vào các hệ thống chính quyền cơ sở và trong phát triển cộng đồng***

*Sự tham gia của phụ nữ DTTS vào Đảng bộ và chính quyền cơ sở còn rất hạn chế*

Đối với cấp Đảng bộ cơ sở, chỉ có 7,9% cán bộ là phụ nữ DTTS. Đối với cấp HĐND và UBND thì tỷ lệ tham gia của cán bộ DTTS tương ứng là 7,9% và 12,8%. Với các cơ quan khác trong hệ thống chính trị cấp cơ sở thì tỷ lệ cán bộ là nữ DTTS chỉ chiếm 17,1%. Như vậy, mặc dù đã có triển khai nhiều chính sách về nâng tỷ lệ cán bộ nữ, mức độ tham gia của cán bộ nữ DTTS ở cấp cơ sở vẫn còn rất hạn chế.

*Tiếng nói và vị thế của phụ nữ trong phát triển cộng đồng vùng DTTS và miền núi còn nhiều hạn chế*

Lập kế hoạch có sự tham gia là một cơ chế quan trọng để phát huy tiếng nói của phụ nữ trong phát triển cộng đồng. Theo CARE Quốc tế, Oxfam, và SNV (2018), tại các xã thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 2016-2020, biết tỷ lệ phụ nữ tham gia vào các cuộc họp lập kế hoạch là khá cao. Tuy nhiên, chất lượng sự tham gia còn hạn chế vì các nguyên nhân như thiếu tự tin trong chia sẻ ý kiến, không có tiếng nói quyết định tại cuộc họp tham vấn (mà phải về tham khảo ý kiến chồng), các rào cản về tuổi tác/thế hệ, hay cách thức tổ chức/điều hành cuộc họp chưa khuyến khích được sự quan tâm và tham gia, kỹ năng thúc đẩy của cán bộ xã/thôn còn hạn chế. Ngoài ra, tỷ lệ tham gia của phụ nữ trong các cuộc họp cao cũng một phần là do nam giới bận đi làm ăn xa. Bên cạnh đó, tại các rất nhiều xã công tác tham vấn ở cấp thôn trong quá trình lập kế hoạch thường bị bỏ qua. Chỉ có đại diện của thôn được mời tham gia góp ý cho dự thảo kế hoạch của xã nên người dân, bao gồm cả phụ nữ không có cơ hội góp ý trực tiếp.

***7. Năng lực triển khai công tác bình đẳng giới và lồng ghép vấn đề bình đẳng giới ở vùng DTTS &MN còn rất hạn chế***

Năng lực triển khai công tác bình đẳng giới (BĐG) trong xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch và dự án phát triển kinh tế - xã hội tại các bộ, ngành, địa phương còn ở mức độ hạn chế, thực hiện còn mang tính thủ tục và chưa đi vào thực chất. Đánh giá độc lập về giới trong Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững do các tổ chức CARE Quốc tế, Oxfam, và SNV (2018) thực hiện và trong Chương trình MTQG nông thôn mới do tổ chức Phụ nữ LHQ (2020) thực hiện cũng chỉ ra rằng năng lực để triển khai công tác BĐG, lồng ghép vấn đề BĐG trong các chương trình MTQG còn rất hạn chế, nhất là ở những vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, vùng DTTS và miền núi. Tình trạng coi thực hiện BĐG là vấn đề của phụ nữ, của Hội LHPN Việt Nam vẫn còn phổ biến. Một số chính sách về nâng cao năng lực thực hiện BĐG còn chưa được đầu tư và thực hiện chưa thực sự hiệu quả: Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS giai đoạn 2018-2025” theo Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 tập trung chủ yếu vào công tác tuyên truyền, đào tạo và triển khai thực hiện qua việc lồng ghép vào hoạt động của các chương trình và chính sách khác nên ngân sách được bố trí rất hạn chế[[1]](#footnote-1).

## THÔNG TIN CHUNG VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

1. **Tình hình tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta hiện nay**

***1.1. Đặc điểm, tình hình tín ngưỡng*[[2]](#footnote-2)**

Tín đồ các tôn giáo hiện nay ở Việt Nam có khoảng 26 triệu người chiếm 27% dân số. Song, việc thực hành nghi thức thờ cúng và hướng đến tín ngưỡng thì có ở hầu hết người Việt Nam (trên 95% dân số) trong đó, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là loại hình tín ngưỡng tồn tại phổ biến và lâu bền nhất, đã trở thành một nét văn hóa chủ đạo của người Việt Nam. Nếu tôn giáo chỉ đáp ứng được nhu cầu tâm linh của một bộ phận người dân là tín đồ của tôn giáo đó thì thờ cúng tổ tiên đáp ứng nhu cầu tâm linh của đại đa số người Việt Nam. Thờ cúng tổ tiên là một giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống, đã và đang có ảnh hưởng tích cực tới việc củng cố khối đoàn kết dân tộc trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước.

Tín ngưỡng ở Việt Nam có ảnh hưởng rất lớn đến tôn giáo, nhất là đối với các tôn giáo từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam như Phật giáo, Hồi giáo, Công giáo... Tín ngưỡng góp phần làm cho các tôn giáo này thay đổi để phù hợp với đặc điểm văn hóa, tín ngưỡng của người Việt Nam.

*Hoạt động tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên*

Trước *Đổi mới*, thờ cúng tổ tiên chủ yếu tập trung theo gia đình, dòng họ (huyến thống gần) trong phạm vi làng xã, dòng họ xa không được đề cao. Phần lớn nhà thờ họ, phần mộ của các gia đình đơn giản, quy mô nhỏ, trừ số ít những gia đình có điều kiện kinh tế. Từ Đổi mới đến nay, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trở nên sôi động, ngày càng được chú trọng hơn như: các hoạt động cúng lễ được tổ chức trang trọng, quy mô lớn hơn; việc gìn giữ và xây dựng nhà thờ, phần mộ của dòng tộc được đầu tư theo hướng khang trang, to đẹp hơn; sự liên kết trong mỗi dòng họ ngày càng chặt chẽ, phạm vi càng mở rộng với sự ra đời của nhiều “Ban liên lạc”, “Ban chấp hành” dòng họ trong phạm vi vùng, miền, thậm chí cả nước cùng với nhiều hoạt động không chỉ thuần túy thờ cúng tổ tiên dòng họ mà còn có các hoạt động giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau...

*Đối với hoạt động thờ Vua Hùng*

Hiện nay, trên cả nước và ở nước ngoài đã xây dựng trên 1.400 di tích thờ cúng các vua Hùng và vợ con, tướng lĩnh thời Hùng Vương, khẳng định tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là một di sản văn hoá độc đáo, trường tồn cùng lịch sử dân tộc. Do vậy, thờ cúng Hùng Vương nói riêng, thờ cúng tổ tiên nói chung là một giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống, đã và đang có ảnh hưởng tích cực tới việc củng cố khối đoàn kết dân tộc trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước, cần được tiếp tục giữ gìn và phát huy.

*Hoạt động tín ngưỡng thờ thần, thánh*

Hoạt động thờ thần, thánh của người Việt Nam rất phong phú, đa dạng. Tuy cùng một loại là thờ thần, nhưng không có một thần chủ chung, giáo đường chung, giáo lý và nghi lễ chung như nhiều tôn giáo, mà mỗi anh hùng dân tộc được tôn thờ trở thành một vị thần thánh cao nhất và duy nhất, được thờ phụng ở các đền, miếu khắp mọi nơi, không có đội ngũ đệ tử riêng, mà người dân Việt Nam nào cũng có thể đến thờ cúng các vị thần, thánh đó ở đền, miếu,… để tỏ lòng ngưỡng vọng và cầu xin sự che chở.

Theo quan niệm của đồng bào thiểu số, con người không được khoẻ mạnh, gặp rủi ro, bệnh tật đều quy về nguyên nhân là do con ma nào đó làm hại, phải làm lễ cúng trừ khử ma tà, cứu sinh mạng con người. Từ đó, xuất hiện các thuật phù phép của Phù thuỷ, thầy Tào, với các tầng lớp thầy cúng: *Then, Mo, Tào, Pụt* ở vùng núi Đông Bắc; *Mo, Một, Mỡi* ở Tây Bắc, ... Trong các tục cúng ma của đồng bào DTTS có nhiều nghi lễ rườm rà, hủ tục, lạc hậu cần loại bỏ, song trong tục cúng ma có những điệu hát mang đậm nét văn hóa cổ truyền cần được lưu giữ.

Trong các hoạt động tín ngưỡng thờ thần, thánh hiện nay nổi lên là hoạt động thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ. Hiện nay, cả nước có khoảng hơn 7.000 đền, phủ, miếu, đình, điện, chùa thờ Mẫu, với hàng vạn người tin theo. Hoạt động tín ngưỡng thờ Mẫu với hình thức hát văn và hầu đồng hiện nay có biến đổi theo chiều hướng bớt dần những yếu tố mang tính ma thuật, đi vào những khía cạnh văn hóa, như hành hương du lịch, thưởng thức các khía cạnh văn hóa trong Hát văn và hầu bóng nhằm nâng cao ý thức cho cộng đồng về trách nhiệm bảo vệ các giá trị nhân văn trong thờ Mẫu. Nhiều cuộc liên hoan văn hóa tín ngưỡng thờ Mẫu được tổ chức nhằm định hướng, điều chỉnh nghi lễ hầu đồng như đồ mã, lễ phục, âm nhạc và lời hát văn, … theo hướng bám sát những nghi lễ vốn có nhưng vẫn tôn trọng tính độc đáo địa phương và tính sáng tạo cá nhân. Nhiều hình thức tập hợp các thanh đồng, cung văn thờ Mẫu được ra đời dưới dạng các câu lạc bộ với mục đích tự quản, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, hạn chế những tiêu cực trong thờ tự và hoạt động tín ngưỡng. Từ một tín ngưỡng thờ Mẫu và hầu đồng bị cấm, bị coi là mê tín dị đoan, đến nay đã được xã hội và các cơ quan nhà nước công nhận. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã công nhận nghi lễ chầu văn của người Việt là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, trình hồ sơ tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ của người Việt đề nghị UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện cho nhân loại.

***1.2. Đặc điểm, tình hình tôn giáo[[3]](#footnote-3)***

*Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo*

Với vị trí địa lý nằm ở khu vực Đông Nam Á, ba mặt giáp biển, Việt Nam có điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu, tiếp biến của nhiều luồng tư tưởng, văn hóa khu vực và thế giới. Về dân cư, Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em cùng cư trú ở nhiều khu vực với điều kiện tự nhiên, khí hậu, lối sống, phong tục, tập quán khác nhau và mỗi dân tộc đều lưu giữ những hình thức tín ngưỡng, tôn giáo riêng của mình, tạo nên sự phong phú, đa dạng trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam luôn phải tự bảo vệ mình chống lại các thế lực xâm lược ngoại bang và các điều kiện khí hậu, tự nhiên không thuận lợi (mưa gió, bão lụt, thiên tai…). Điều kiện tự nhiên, lịch sử đã tạo nên cho người Việt Nam tinh thần dân tộc, tính cộng đồng cao và nhiều khả năng tiếp biến văn hóa ngoại sinh.

Nếu như ở nhiều quốc gia hiện nay vẫn có một tôn giáo giữ vai trò chủ đạo, có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống chính trị - xã hội ở các quốc gia đó thì tại Việt Nam hiện nay có nhiều tôn giáo cùng tồn tại và bình đẳng với nhau, không có tôn giáo nào giữ vai trò chủ đạo. Các tôn giáo ở Việt Nam gồm cả những tôn giáo có nguồn gốc du nhập từ bên ngoài như Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo; Công giáo, Tin lành; Hồi giáo…; có cả những tôn giáo nội sinh như đạo Cao đài, Phật giáo Hòa hảo, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa; Bửu Sơn Kỳ Hương; Phật đường Nam tông Minh Sư đạo… cùng rất nhiều hiện tượng tôn giáo mới. Cùng với sự đa dạng về tôn giáo, tại Việt Nam còn có sự đa dạng của các loại hình tổ chức tôn giáo, trong đó, có những tôn giáo chỉ có một tổ chức duy nhất (Phật giáo, Công giáo) và cũng có những tôn giáo có rất nhiều tổ chức khác nhau (đạo Tin lành, đạo Cao đài…). Có tôn giáo đông tín đồ (Công giáo, Phật giáo, Tin lành…) và cũng có tôn giáo có ít tín đồ, chức sắc (Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa…); có tôn giáo với đầy đủ hệ thống chức sắc, chức việc (Công giáo, Phật giáo, Tin lành, Cao đài…) nhưng cũng có những tôn giáo không có chức sắc, chỉ có chức việc (Phật giáo Hòa hảo)…

Tính đến hết ngày 31/12/2020, Việt Nam có 41 tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo thuộc 16 tôn giáo khác nhau; với trên 26,5 triệu tín đồ (chiếm khoảng 27% dân số cả nước); trên 58 ngàn chức sắc; 148 ngàn chức việc và gần 29,8 ngàn cơ sơ tôn giáo...

*Các tôn giáo ở Việt Nam tồn tại đan xen, hòa đồng và không có xung đột tôn giáo*

Là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo nhưng ở Việt Nam không có tôn giáo nào giữ vị trí độc tôn trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc; hầu hết các tôn giáo đều có những đóng góp nhất định cho dân tộc trên nhiều phương diện của đời sống xã hội. Qua mỗi giai đoạn lịch sử, các tôn giáo có vai trò và vị trí khác nhau trong đời sống xã hội nhưng ở Việt Nam chưa từng xảy ra xung đột tôn giáo. Khác với nhiều quốc gia hiện nay, vẫn có một tôn giáo giữ vai trò chủ đạo với số lượng tín đồ chiếm đa phần dân số (thường gọi là quốc đạo hay quốc giáo), các tôn giáo ở Việt Nam dù ít hay nhiều tín đồ thì đều tồn tại đan xen với nhau, không có tôn giáo nào giữ vai trò chủ đạo và các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật...

*Các tôn giáo ở Việt Nam có mối quan hệ quốc tế rộng rãi*

Một trong những đặc điểm quan trọng của các tôn giáo ở Việt Nam là có mối quan hệ quốc tế rộng rãi và đa dạng. Phần lớn các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay đều có nguồn gốc du nhập từ nước ngoài từ nhiều thế kỷ trước đây như: Công giáo, Phật giáo, đạo Tin lành, Hồi giáo, Tôn giáo Baha’i…; bản thân các tôn giáo này đã chứa đựng các yếu tố của mối quan hệ quốc tế. Bên cạnh đó, do nhiều nguyên nhân khác nhau nên một số tôn giáo nội sinh (Phật giáo Hòa hảo, đạo Cao đài, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo…) có một bộ phận chức sắc, chức việc, tín đồ đang sinh sống ở nước ngoài, tạo nên mối quan hệ quốc tế của các tôn giáo nội sinh. Theo thống kê của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (Bộ Ngoại giao), hiện có khoảng 5,3 triệu người Việt Nam đang sinh sống, học tập, lao động tại 109 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó có khoảng 80% là người có tín ngưỡng, tôn giáo (với khoảng 2,5 triệu người là tín đồ của các tôn giáo).

Quan hệ quốc tế của các tôn giáo ở Việt Nam được thể hiện ở nhiều góc độ: *(1) Quan hệ phụ thuộc về cơ cấu tổ chức, hành đạo:* Điển hình là quan hệ phụ thuộc của Giáo hội Công giáo Việt Nam với Tòa thánh Vatican; quan hệ giữa các dòng tu quốc tế của Công giáo ở Việt Nam với các dòng Mẹ ở bên ngoài; quan hệ phụ thuộc của các tổ chức Cao đài ở bên ngoài với các tổ chức, hệ phái Cao đài ở trong nước; Tin lành Mỹ có quan hệ chi phối và đa chiều nhất đối với Tin lành Việt Nam; Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 22 chi hội và Hội Phật tử ở nước ngoài. *(2) Quan hệ truyền giáo:* Nhiều tôn giáo ở Việt Nam có nguồn gốc du nhập từ bên ngoài, được các giáo sỹ, các nhà truyền giáo nước ngoài vào Việt Nam hoạt động và truyền giáo. Trong quá trình chủ động hội nhập nền kinh tế quốc tế, nhất là việc mở rộng liên doanh với Hàn Quốc, không ít tổ chức Tin lành Hàn Quốc đến Việt Nam để truyền đạo, phát triển tín đồ. *(3) Quan hệ đồng đạo:* nhiều tôn giáo ở Việt Nam có quan hệ đồng đạo với các tôn giáo ở nước ngoài. Phật giáo Việt Nam có quan hệ giao lưu, thân hữu với rất nhiều nước có Phật giáo như: Srilanca; Thái Lan; Myanmar; Campuchia; Lào; Ấn Độ; Pháp; Đức; nhiều Tăng Ni sinh Việt Nam được gửi đi đào tạo tại các trường Đại học ở Ấn Độ, Đài Loan, Trung Quốc, Myanmar. Ngoài ra, Phật giáo Việt Nam còn có các quan hệ cá nhân hoặc trong nội bộ sơn môn, pháp phái với tăng ni, Phật tử người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài với khoảng trên 400 ngôi chùa Việt Nam đặt tại gần 30 nước. Đạo Tin lành Việt Nam có quan hệ ở tầm Châu lục, đặc biệt là các trung tâm Tin lành lớn Tây Âu, Bắc Âu và Bắc Mỹ; với Tin lành trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương mà trước hết là Tin lành Hàn Quốc (40% dân số Hàn Quốc theo đạo Tin lành với khoảng 46 triệu tín đồ). *(4) Quan hệ bình đẳng trong các tổ chức quốc tế:* Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia thành lập Tổ chức Phật giáo Châu Á vì hòa bình (Asian Buddhist Confrence for Peace - ABCP); thành viên của Ủy ban tổ chức Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc (Vesak)…

2. **Công tác đối với đạo Công giáo (Thiên chúa giáo) và những vấn đề cần quan tâm**

***2.1. Một số thông tin chung[[4]](#footnote-4)***

Công giáo truyền vào Việt Nam từ năm 1533, trải qua gần 500 năm tồn tại và phát triển, đến nay trở thành một trong số tôn giáo lớn ở Việt Nam với 27 giáo phận thuộc 3 giáo tỉnh: *Giáo tỉnh Hà Nội* (gồm Tổng Giáo phận Hà Nội và các Giáo phận Lạng Sơn, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Hóa, Bùi Chu, Thái Bình, Phát Diệm, Thanh Hóa, Vinh và Hà Tĩnh); *Giáo tỉnh Huế* (gồm Tổng Giáo phận Huế và các Giáo phận Đà Nẵng, Quy Nhơn, Kon Tum, Nha Trang và Ban Mê Thuột); *Giáo tỉnh TP. Hồ Chí Minh* (gồm Tổng Giáo phận TP. Hồ Chí Minh và các Giáo phận Vĩnh Long, Cần Thơ, Mỹ Tho, Đà Lạt, Long Xuyên, Phú Cường, Xuân Lộc, Phan Thiết và Bà Rịa - Vũng Tàu).

Năm 1980, Hội đồng Giám mục Việt Nam được thành lập và ra Thư chung nêu rõ đường hướng hành đạo “*Sống phúc âm trong lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào*”. Theo Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến tháng 11/2017, Công giáo Việt Nam hiện có hơn 3.000 giáo xứ, 46 giám mục, hơn 5.000 linh mục; khoảng 150 dòng tu, tu hội, tu đoàn với hơn 23.000 nam nữ tu sĩ và trên 7 triệu tín đồ.

*Cơ cấu tổ chức Giáo hội Công giáo*

Gồm 3 cấp hành chính chính thức: (1) Giáo triều Vatican; (2) Địa phận hay Giáo hội địa phương; (3) Giáo xứ hay Giáo hội cơ sở. Ngoài ra còn các cấp trung gian mang tính chất liên hiệp như Giáo tỉnh, Giáo miền, Giáo hạt.

*Nội dung* *10 điều răn của Thiên Chúa*

(1)Phải thờ kính Thiên Chúa trên hết mọi sự. (2) Không được lấy danh Thiên Chúa để làm những việc phàm tục tầm thường. (3) Dành ngày chủ nhật để thờ phụng Thiên Chúa. (4) Thảo kính cha mẹ. (5) Không được giết người. (6) Không được làm điều dâm dục. (7) Không được gian tham lấy đồ của người khác. (8) Không được làm chứng dối, che giấu sự gian dối. (9) Không được ham muốn vợ (hoặc chồng) người khác. (10) Không được ham muốn của cải trái lẽ.

*Lễ chính trong năm (theo dương lịch)*

 Lễ Noel (Lễ Thiên Chúa Giáng sinh): Kỷ niệm ngày Chúa Giê-su ra đời, được tổ chức vào ngày 25/12; Lễ Phục sinh: Kỷ niệm ngày Thiên Chúa sống lại, tổ chức vào chủ nhật khoảng giữa hoặc cuối tháng 4; Lễ Chúa Giê-su lên trời: Tổ chức sau lễ Phục sinh 40 ngày; Lễ Chúa Thánh thần hiện xuống: Tổ chức sau lễ Chúa Giê-su lên trời 10 ngày; Lễ Đức bà Maria, hồn và xác lên trời: Tổ chức ngày 15/ 8; Lễ các Thánh: Ngày mồng 1/11...

***2.2. Về hoạt động tôn giáo của đạo Công giáo tại Việt Nam[[5]](#footnote-5)***

Nhìn chung, hoạt động tôn giáo của Công giáo ở Việt Nam trong những năm qua cơ bản ổn định, xu hướng tuân thủ pháp luật, hoạt động thuần túy tôn giáo là xu thế chủ đạo. Được sự tạo điều kiện của Nhà nước và các cấp chính quyền, Công giáo ở Việt Nam hiện nay ngày càng phát triển, thể hiện một số vấn đề sau:

*Việc quản lý tổ chức của Giáo hội Công giáo Việt Nam*

Việc thành lập tổ chức hành chính đạo và tổ chức trực thuộc Công giáo được bảo đảm. Công giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối, ràng buộc trong hệ thống chung của Tòa thánh Vatica và những quy định của Giáo hội, nên tổ chức hành chính đạo và tổ chức trực thuộc mang tính ổn định cao, ít thay đổi, đa số được thành lập trước năm 1975 và hoạt động mặc nhiên. Trong quá trình phát triển nhu cầu thành lập mới, chia tách và khôi phục lại các tổ chức mà sau năm 1975 không còn hoạt động để thuận lợi cho sinh hoạt tôn giáo của tín đồ đã được nhà nước giải quyết.

Việc phong chức, phong phẩm, thuyên chuyển giám mục, linh mục, bề tren các dòng tu và thuyên chuyển nơi hoạt động tôn giáo diễn ra thường xuyên và trở thành hoạt động bình thường theo quy định của pháp luật. Thời gian qua, chính quyền các cấp đã xem xét, chấp thuận, đáp ứng nhu cầu có người hướng dẫn hoạt động tôn giáo cho tín đồ. Từ năm 2004 đến nay, Tòa thánh Vatican đã phong chức 30 giám, giám mục phó và giám mục phụ tá các giáo phận. Số lượng chủng sinh chiêu sinh ở các Đại chủng viện thực hiện theo quy định, số tốt nghiệp ra trường được thụ phong theo quy định của Giáo hội.

*Về hoạt động truyền bá và sinh hoạt tôn giáo*

Việc in ấn kinh sách và xuất bản các ấn phẩm liên quan đến Công giáo được tạo điều kiện đáp ứng cơ bản nhu cầu của chức sắc, tín đồ và tổ chức Giáo hội.

Việc tổ chức các hoạt động tôn giáo ngày càng nhiều và quy mô lớn, trang trọng, nhiều hoạt động lớn, thu hút đông đảo quần chúng tón đồ trong và ngoài nước tham dự: Đại hội Hành hương La Vang 3 năm 1 lần; Năm Thánh kỷ niệm 350 năm thành lập hai giáo phận tiên khởi; 50 năm thành lập hàng giáo phẩm Công giáo ở Việt Nam với 3 sự kiện lớn: Lễ khai mạc tại Hà Nam có hơn 10 vạn người tham gia. Đại hội Dân Chúa tại Tổng giáo phận TP Hồ Chí Minh; Lễ Phục sinh, Noel hàng năm...

*Về quan hệ quốc tế*

Giáo hội Công giáo Việt Nam chịu sự chỉ đạo chặt chẽ của Tòa thánh Vatican, quan hệ giữa Tòa thánh Vatican và Giáo hội Công giáo Việt Nam được Chính phủ Việt Nam tôn trọng và coi như quan hệ nội bộ của Giáo hội. Hàng năm Giáo hội Công giáo Việt Nam đều có các chức sắc và giáo dân sang Vatican và các nước khác hoạt động tôn giáo, tham gia du lịch, đào tạo... Từ năm 1989 đến nay, hàng năm Tòa thánh Vaitcan đều cử các phái đoàn sang làm việc với Chính phủ Việt Nam và thăm Giáo hội Công giáo Việt Nam. Từ năm 2009 Việt Nam và Vatican thành lập tổ công tác hỗn hợp để bàn về các vấn đề liên quan giữa hai bên, tính đến nay đã có 9 vòng đàm phán giữa Việt Nam và Vatican.

*Quan hệ với cộng đồng Công giáo giữa người Việt Nam ở nước ngoài*

Người Công giáo Việt Nam sống ở nước ngoài đã có từ lâu, ngay từ thời ký thuộc địa, họ đi du học, làm mục vụ ở một số Đại chủng viện, Tòa giám mục nước ngoài có quan hệ trong công cuộc truyền giáo ở Việt Nam (Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, Ấn độ, Bồ Đào Nha, Pháp...).

Sau năm 1975, khi chính quyền Việt Nam Cộng hòa sụp đổ, có khoảng 130 ngàn người di cư ra khỏi Việt Nam và dần hình thành cộng đồng Công giáo người Việt Nam ở nước ngoài. Hiện nay, ước tính có khoảng 1 triệu tín đồ Công giáo Việt Nam có mặt ở 37 nước, hình thành hơn 300 cộng đoàn, hơn 1.000 linh mục, 165 nam tu sĩ và hàng ngàn nữ tu sĩ thuộc 25 dòng tu nam, 50 dòng tu nữ tập trung đông nhất ở các khu vực Bắc Mỹ, Tây Âu, Úc... Trong số lượng kiều hối hàng chục tỷ đô la hàng năm mà cộng đồng người Việt hải ngoại gửi về có sự đóng góp không nhỏ của người Công giáo hải ngoại.

***2.3. Về hoạt động xã hội***

*Tham gia phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*

Những năm gần đây, đồng bào Công giáo Việt Nam ngày càng tích cực hưởng ứng và tham gia thực hiện 19 tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới. Tại nhiều địa phương, nhiều gia đình Công giáo đã làm ăn có hiệu quả kinh tế cao, ổn định cuộc sống gia đình, thành lập công ty, doanh nghiệp, xưởng sản xuất, tạo công ăn việc làm cho nhiều hoạt động tại địa phương...

Với tinh thần Nhà nước và nhân dân cùng làm, các công trình giao thông, thủy lợi, xây dựng nhà văn hóa, khu thể thao ở nhiều nơi đã được đồng bào Công giáo đóng góp hàng nghìn tỉ đồng và hàng chục ngàn ngày công lao động; nhiều gia đình Công giáo sẵn sàng tháo gỡ hàng rào, thu hoạch cây lấy gỗ, cây ăn quả sớm để hiến đất mở rộng đường nông thôn...

*Tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, đền ơn đáp nghĩa, từ thiện, bác ái*

Các tổ chức, cá nhân Công giáo thuộc Giáo hội Công giáo Việt Nam đã tham gia tích cực trong công tác giáo dục, y tế, từ thiện nhân đạo được các bộ, ngành liên quan đánh giá cao. Có hàng trăm cơ sở mầm non, nuôi dạy trẻ (đa số đạt tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước) và huy động được hàng trăm ngàn trẻ em đến trường, lớp...

Các cơ sở chữa bệnh, nhân đạo, nuôi người cao tuổi, người tâm thần, trẻ mồ côi, trẻ bị bỏ rơi, bị nhiễm HIV/AIDS, người lang thang cơ nhỡ... đáp ứng được các quy định của pháp luật, góp phần giảm gánh nặng, giảm sự quá tải của các trung tâm bảo trợ xã hội... (tính đến năm 2016, cá nhân, đơn vị thuộc Giáo hội Công giáo Việt Nam có 56 cơ sở chăm sóc đối tượng bảo trợ đã được cấp đăng ký hoạt động).

Những cơ sở dạy nghề đã tạo công ăn việc làm cho các học viên khi tốt nghiệp ra trường với thu nhập ổn định (tính đến năm 2016, cá nhân, đơn vị thuộc Giáo hội Công giáo Việt Nam có 11 trường, trung tâm dạy nghề, trong đó có 01 trường Cao đẳng, 01 trường Trung cấp và 9 trung tâm dạy nghề...).

Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân thuộc Giáo hội Công giáo Việt Nam còn có 144 trạm xá, cơ sở khám chữa bệnh nhân đạo và được tổ chức nhiều hoạt động khám chữa bệnh, cấp phát thuộc miễn phí cho những gia đình khó khăn, đồng bào dân tộc, tuyên truyền bà con giữ gìn vệ sinh môi trường, tham gia đầy đủ các chương trình tiêm chủng quốc gia...

Trong cuộc phòng chống Covid-2019, bên cạnh việc ủng hộ kinh phí, vật chất với giá trị hàng tỷ đồng của các giáo xứ, giáo phận Công giáo trên mọi miền Tổ quốc, nhiều cơ sở Công giáo đã được Giáo hội cho mượn để làm nơi cách ly những người thuộc đối tượng F1, đồng thời bố trí các nhà tu hành hỗ trợ về y tế, nhu yếu phẩm...

*Tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng cộng đồng dân cư sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh*

Hàng năm, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam thực hiện Chương trình phối hợp với các bộ, ban ngành... liên quan triển khai nhiều hoạt động phong phú, thiết thực vào các dịp Ngày Môi trường thế giới, Tuần lễ Quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, giờ trái đất...; Phối hợp duy trì các mô hình Khu dân cư bảo vệ môi trường ở cộng đồng dân cư có đông đồng bào Công giáo và mang lại hiệu quả thiết thực...

Các linh mục, ban hành giáo và đồng bào Công giáo ở các giáo xứ, giáo họ cùng với cộng đồng dân cư ra quân dọn dẹp vệ sinh, bảo vệ môi trường tại các hộ gia đình và địa bàn công cộng, huy động nhân dân nói chung và đồng bào theo tôn giáo nói riêng làm tổng vệ sinh khu phố ấp, giữ gìn cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa...

*Đoàn kết, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, tích cực tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở.*

Đồng bào Công giáo đã luôn tích cực tham gia phong trào Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, coi việc phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội là nhiệm vụ quan trọng để đảm bảo cuộc sống bình yên của chính quyền mình và nhân dân; tuyên truyền, hướng dẫn bà con chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, đồng thời xây dựng các sân chơi lành mạnh cho các thanh, thiếu niên; thành lập các CLB Gia đình không có người thân vi phạm pháp luật...; hàng năm động viên con em đến tuổi đi làm nghĩa vụ quân sự đạt tỷ lệ cao...

Trong lĩnh vực tham gia xây dựng chính quyền, đồng bào Công giáo trong cả nước đã tích cực hưởng ứng và tham gia bầu cử Đại biểu Quốc hội. Có nhiều linh mục, tu sĩ, giáo dân được tín nhiệm bầu vào các cơ quan dân cử, các đoàn thể (mới đây, 01 linh mục được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa XIV, 21 linh mục và 27 giáo dân là đại biểu HĐND cấp tỉnh, 43 linh mục, tu sĩ và 252 giáo dân là đại biểu HĐND cấp huyện, 158 linh mục, tu sĩ và 6.433 giáo dân là đại biểu HĐND cấp xã, phường, thị trấn...).

Tuy nhiên, bên cạnh những hoạt động tích cực về mặt tôn giáo của Công giáo nói trên, tình hình Công giáo trong những năm qua vẫn có những vụ việc phức tạp xảy ra. Các thế lực xấu tiếp tục lợi dụng, kích động một số chức sắc, tu sĩ, giáo dân có những hoạt động gây mất an ninh, trật tự, vi phạm pháp luật; tuyên truyền xuyên tạc, chống phá Nhà nước. Điển hình có thể kể đến một số vụ việc phức tạp:

(1) Một số chức sắc, giáo dân cực đoan tại giáo phận Vinh lợi dụng sự cố môi trường ở một số tỉnh miền Trung đã liên kết với số phần tử thuộc các tổ chức như Việt Tân, Con đường Việt... lôi kéo, kích động giáo dân gây ra những vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự...

(2) Một số chức sắc cực đoan lợi dung các vấn đề nhạy cảm của xã hội như vấn để biển Đông, thu phí giao thông, BOT, làm đường cao tốc Bắc - Nam, lệ phí ở địa phương... đã tuyên truyền, xuyên tạc sự thật nhằm gây mất trật tự an ninh tại địa phương, chống phá chế độ...

(3) Trong Công giáo vẫn còn một số chức sắc có tư tưởng định kiến với Đảng, Nhà nước ta, không gắn bó với chế độ, có thái độ đối lập, tìm cách đưa các hoạt động tôn giáo thoát ly khỏi quản lý của Nhà nước, gây phức tạp khó khăn cho chính quyền.

(4) Việc mua bán, sang nhượng đất giữa các hộ dân với chức sắc Công giáo để xây dựng cơ sở thờ tự trái pháp luật diễn ra ở nhiều tỉnh, thành phố. Đáng chú ý, một số trường hợp đã được chính quyền địa phương vận động, nhắc nhở, cưỡng chế nhưng vẫn tái phạm, tụ tập giáo dân đến trụ sở UBND xã khiếu kiện, khiếu nại (Kon Tum, Lâm Đồng...).

(5) Ngoài số nhóm liên quan đến tôn giáo cũ, gần đây đã hình thành thêm một số nhóm, tổ chức liên tôn tập hợp các đối tượng cực đoan trong các tôn giáo, trong đó có Công giáo móc nối với các thế lực phản động và các tổ chức, cá nhân thiếu thiện chí với Việt Nam để hoạt động chống Đảng, Nhà nước ta...

***2.4. Một số vấn đề cần quan tâm từ hoạt động của Công giáo Việt Nam hiện nay***

Đảm bảo các hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật: Đó là việc đảm bảo các hoạt động của Công giáo theo quy định của pháp luật với các hoạt động phong chức, phong phẩm, thuyên chuyển Giám mục, linh mục, bề trên các dòng tu và thuyên chuyển hoạt động tôn giáo; việc thành lập, chia tách sáp nhập giáo hội cơ sở; việc nâng cấp, cải tạo, xây dựng cơ sở thờ tự của Công giáo; việc đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức đại hội, hội nghị, các cuộc lễ tôn giáo... Nhìn nhận những giá trị tích cực của Công giáo trong đời sống xã hội để quan tâm giải quyết và chủ động đáp ứng nhu cầu tôn giáo của tín đồ và tổ chức giáo hội...

Nâng đỡ đường hướng tích cực của Giáo hội Công giáo và làm tốt công tác tranh thủ chức sắc, tín đồ Công giáo.

Khơi dậy những đóng góp tích cực của Công giáo vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, tham gia các tổ chức chính trị, xã hội.

Xử lý có hiệu quả các vụ việc phức tạp, góp phần ổn định tình hình Công giáo và hạn chế các đối tượng cực đoan lợi dụng tôn giáo hoạt động chính trị.

**3. Công tác đối với đạo Tin lành và những vấn đề cần quan tâm**

***3.1. Một số thông tin chung[[6]](#footnote-6)***

Đạo Tin lành ra đời ở châu Âu vào thế kỷ XVI trong phong trào cải cách Ki-tô giáo. Đạo Tin lành do Hội Truyền giáo Phúc âm Liên hiệp Hoa Kỳ truyền vào Việt Nam và đặt cơ sở đầu tiên tại Thành phố Đà Nẵng vào năm 1911. Đến năm 1975, đạo Tin lành ở Việt Nam có khoảng 200.000 tín đồ, hơn 500 chức sắc, trên 20 tổ chức, hệ phái hoạt động chủ yếu ở các tỉnh phía Nam.

Sau năm 1975, nhiều tổ chức Tin lành tự tan rã và phục hồi trở lại vào những năm 1980. Theo Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến tháng 11/2017, đạo Tin lành có trên 1 triệu tín đồ, có mặt ở 63/63 tỉnh/thành phố với khoảng 80 tổ chức, hệ phái, nhóm khác nhau trong đó có 07 tổ chức đã được nhà nước công nhận đó là: Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc); Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam), Hội truyền giáo Cơ đốc Việt Nam, Hội thánh Mennonite Việt Nam, Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam, Hội thánh Tin lành Trưởng lão Việt Nam, Tổng hội Báp- tít Việt Nam (tên gọi cũ là Tổng hợp Báp-tít Việt Nam Ân điển - Nam Phương), Giáo hội Báp- tít Việt Nam (tên gọi cũ là Hội thánh Báp-tít Việt Nam Nam Phương), Giáo hội Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam; và 02 tổ chức được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo là: Hội thánh Phúc âm Toàn vẹn Việt Nam, Hội thánh Tin lành Liên hiệp Truyền giáo Việt Nam.

Theo Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến tháng 11/2017, đạo Tin lành ở Việt Nam hiện có trên 1 triệu tín đồ.

*Cơ cấu tổ chức*

Về phương diện tổ chức, Tin lành không lập ra tổ chức Giáo hội mang tính phổ quát cho toàn đạo mà đi theo hướng xây dựng các Giáo hội riêng rẽ, độc lập với những hình thức khác nhau theo từng hệ phái. Trong cơ cấu tổ chức giáo hội, các hệ phái Tin lành chủ trương giao quyền tự trị cho các Giáo hội quốc gia, Giáo hội quốc gia lại giao quyền tự lập, tự trị, tự dưỡng cho các Hội thánh cơ sở.

*Lễ chính trong năm (theo dương lịch)*

Lễ Noel (Lễ Giáng sinh): Kỷ niệm ngày Chúa Giê-su ra đời, tổ chức ngày 25/12; Lễ Phục sinh: Kỷ niệm ngày Chúa Giê-su sống trở lại, tổ chức vào ngày chủ nhật đầu tiên sau trăng tròn sau tiết Xuân phân...

Đại đa số chức sắc, chức việc sống “tốt đời, đẹp đạo”, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc.

***3.2. Thực trạng hoạt động của đạo Tin lành tại Việt Nam[[7]](#footnote-7)***

*Hoạt động truyền giáo*

Đạo Tin lành rất linh hoạt và sử dụng nhiều phương pháp (trực tiếp, gián tiếp) để truyền giáo như cấp phát Kinh sách, làm chứng đạo, thông qua hoạt động từ thiện nhân đạo, các chương trình (phát thanh, ngoại khóa), tổ tâm vấn...

Lực lượng tham gia hoạt động truyền giáo của đạo Tin lành không dừng ở chức sắc, chức việc như một số tôn giáo khác. Là người theo đạo Tin lành, dù không có phẩm trật, chức vụ nhưng đều được thôi thúc truyền giáo. Truyền giáo với người Tin lành vừa là sứ mệnh, bổn phận, vừa là động lực tự thân và được xuất phát từ Kinh thánh. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo thì hoạt động truyền giáo phải do tổ chức, cá nhân tôn giáo đã đăng ký hoặc thông báo và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện...

Đạo Tin lành cũng là tôn giáo ứng dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật và công nghệ để thực hiện các hoạt động tôn giáo trên môi trường mạng (Kinh thánh bản điện tử, giảng đạo, truyền đạo, đào tạo, bồi dưỡng thâm chí cả đại hội cũng có thể được tổ chức trực tuyến...).

*Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phong chức, phong phẩm*

Được diễn ra với nhiều hình thức khác nhau: đào tạo bồi dưỡng trong nước, nước ngoài, theo hình thức tập trung, bán tập trung, trực tuyến, tự đào tạo, liên kết đào tạo... Theo quy định của Luật tín ngưỡng - tôn giáo (2016), các tổ chức tôn giáo nói chung, trong đó có các Hội thánh Tin lành, sau khi được công nhận pháp nhân được thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo và mở lớp bồi dưỡng giáo lý. Hiện có 03 cơ sở đào tạo tôn giáo của đạo Tin lành:

(1) Viện Thánh kinh Thần học thuộc Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) được chấp thuận thành lập năm 2003, trụ sở tại TP Thủ Đức/TP Hồ Chí Minh. Ban đầu, Viện có chức năng đào tạo cử nhân Thần học, năm 2018 được chấp thuận mở thêm hệ cao học và năm 2021 thêm hệ trung cấp Thần học.

(2). Trường Thánh kinh Thần học Hà Nội thuộc Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) được chấp thuận thành lập năm 2013, trụ sở tại số 2 Ngõ Trạm (P. Hàng Bông, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội). Trường có chức năng đào tạo cao đẳng và cử nhân Thần học.

(3). Trường Kinh thánh cơ đốc thuộc Giáo hội Phục lâm Việt Nam được chấp thuận thành lập năm 2017, trụ sở tại 224 Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh. Trường có chức năng đào tạo trung cấp, cao đẳng và cử nhân Thần học.

Ngoài đào tạo tập trung tại cơ sở đào tạo tôn giáo, các tổ chức Tin lành hàng năm đều mở các lớp bồi dưỡng giáo lý theo quy định của pháp luật, bao gồm các lớp Thánh kinh hè, giáo lý căn bản...

Hoạt động phong chức, phong phẩm được các tổ chức Tin lành quan tâm thực hiện. Điều kiện, tiêu chuẩn phong chức, phọng phẩm chủ yếu do các tổ chức Tin lành quy định trong Hiến chương, điều lệ của tổ chức được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

*Hoạt động về phương diện tổ chức*

Việt thành lập, chia tách tổ chức giáo hội, tổ chức tôn giáo trực thuộc, điểm nhóm... trong đạo Tin lành trên thế giới cũng như ở Việt Nam diễn ra một cách thường xuyên. Cơ cấu tổ chức nội bộ của từng Hội thánh Tin lành rất dễ có sự biến động. Ở quy mô lớn hơn, các tổ chức Tin lành thường gắn kết với nhau thông qua mô hình hiệp hội, bao gồm hiệp hội tầm quốc gia, hiệp hội khu vực, hiệp hội quốc tế. Một số tổ chức Tin lành đã bắt đầu cử chức sắc ra ngước ngoài để truyền giáo, mở chi nhánh...

Đại hội các cấp là hoạt động tôn giáo lớn nhất của đạo Tin lành về phương diện tổ chức. Đại hội ở cấp cơ sở (tổ chức tôn giáo trực thuộc) thường được gọi là Hội đồng. Đại hội toàn đào (cấp Trung ương) thường được gọi là Đại hội hoặc Đại hội đồng. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận, quyết định các công việc quan trọng của tổ chức trong một nhiệm kỳ, bao gồm bầu cử ban lãnh đạo, xây dựng hoặc sửa đổi Hiến chương. Thành phần tham dự gồm đại biểu hàng giáo phẩm đương nhiệm (mục sư, mục sư nhiệm chức, truyền đạo) là đại biểu đương nhiên và đại biểu là tín đồ do cấp cơ sở bầu cử theo quy chế và số lượng được quy định. Tùy theo từng tổ chức mà Đại hội có thể tiến hành theo nhiệm kỳ 02 hoặc 05 năm một lần.

*Hoạt động xuất bản Kinh sách*

Luôn được các tổ chức Tin lành chú trọng thức hiện: tự xuất bản, liên kết xuất bản... Đến cuối 2019, chỉ riêng Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) đã xuất bản 1 triệu cuốn Kinh thánh. Kinh thánh ở Việt Nam đã được xuất ra 15 ngôn ngữ của các DTTS (K’ho, Bru, Êđê, Jarai, M nông, Jeh, Banar, Tày, Chăm, Hrê, Hoa, Nùng...). Bên cạnh hoạt động xuất bản Kinh sách, nhiều tổ chức Tin lành còn nhập khẩu, nhận hiến tặng Kinh sách từ nước ngoài...

Kinh thánh (66 quyển) đa số được các hệ phái Tin lành sử dụng nên một Hội thánh có thể đứng ra đề nghị xuất bản để đáp ứng nhu cầu cho nhiều Hội thánh. Quyển Kinh thánh được xuất bản hợp pháp (chủ yếu do Nhà xuất bản Tôn giáo cấp phép được lưu hành và sử dụng rộng rãi, các hệ phái, tổ chức giáo hội khác nhau đều có thể sử dụng chung.

*Hoạt động xây dựng cơ sở tôn giáo*

Tuy số lượng cơ sở thờ tự của đạo Tin lành không nhiều, nhưng số lượng cơ sở thờ tự mới đều tăng qua các năm. Năm 2011 cả nước có 351 nhà thờ Tin lành, năm 2013 là 367 cơ sở, năm 2019 là 576... Ngoài ra, theo quy định mới của Luật tín ngưỡng - tôn giáo (2016), các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung được phép thuê, mượn địa điểm hợp pháp để làm trụ sở, địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung. Hiện, có hàng ngày địa điểm thuộc dạng này trên phạm vi cả nước được các cấp chính quyền giải quyết để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của người theo đạo Tin lành.

*Hoạt động từ thiện xã hội*

Đạo Tin lành là một tôn giáo có tính hiện đại và thế tục rõ nét. Công cuộc truyền giáo của đạo Tin lành thường được bắt đầu và gắn liền với các hoạt động từ thiện nhân đạo, an sinh xã hội, giáo dục, y tế... Tại Việt Nam, theo thống kê sơ bộ, các tổ chức Tin lành đã được Nhà nước công nhân trung bình mỗi năm chi ra tổng cộng khoảng 24 tỷ đồng cho các hoạt động, chương trình tặng quà tệt, quỹ nạn nhân chất độc da cam, xây nhà tình thương, ủng hộ đồng bào gặp thiên tai, lũ lụt, thực hiện các chương trình đưa nước ngọt, khoan giếng tại vùng thiếu nước, xây dựng cầu bê tông, cấp học bổng, khám chữa bệnh, thành lập trung tâm tư vấn việc làm, điểm hỗ trợ cai nghiện...

Trong thời gian diễn ra dịch Covid-19, các tổ chức, cá nhân theo đạo Tin lành đã thông qua MTTQ, chính quyền, đoàn thể các cấp ủng hộ hơn 50 tỷ đồng bao gồm tiền mặt, nhu yếu phẩm, vật tư y tế...

*Quan hệ quốc tế*

Mối quan hệ quốc tế của đạo Tin lành ở Việt Nam khá đa dạng, có thể chia làm 2 loại chủ yếu: (1) Mối quan hệ được thiết lập từ khi đạo Tin lành mới truyền vào Việt Nam, theo hệ thống dọc của từng tổ chức, hệ phái, trong đó đạo Tin lành ở Việt Nam được coi là bộ phận của các tổ chức Tin lành nước ngoài (như Cơ đốc Phục lâm, Hội thánh Tin lành Việt Nam với Hiệp truyền giáo C.M.A trước năm 1975...); (2) Mối quan hệ đồng đạo theo tinh thần “đại đoàn kết Ki-tô giáo”. Mối quan hệ này phong phú và năng động, được thiết lập nhằm hỗ trợ nhau trong sinh hoạt tôn giáo, nhất là các hoạt động truyền giáo...

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đất nước mở cửa và thời đại công nghệ 4.0..., hoạt động quan hệ quốc tế của các tổ chức Tin lành ngày nay có điều kiện rộng mở hơn.

***3.3. Một số vấn đề cần lưu ý trong công tác thông tin, tuyên truyền đối với đạo Tin lành hiện nay[[8]](#footnote-8)***

Nắm rõ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo nói chung và Tin lành nói riêng.

Hiểu được đặc điểm của đạo Tin lành và đạo Tin lành ở Việt Nam: Về tên gọi, không nên nhầm lẫn giữa đạo Tin lành với Công giáo; tránh sử dụng các thuật ngữ chỉ chung cho đạo Tin lành (như “Hội thánh Tin lành”); khả năng quốc tế hóa vấn đề tôn giáo ở đạo Tin lành lớn hơn một số tôn giáo khác; lấy dân chủ làm nguyên tắc tổ chức và hoạt động, đề cao tự do cá nhân (trước Thiên Chúa), bình đẳng, bình quyền giữa “dân Chúa”; Kinh thánh là trung tâm đời sống đức tin của người theo đạo Tin lành, không phê phán Kinh thánh trong mọi trường hợp; chức sắc của đạo Tin lành bao gồm các phẩm: mục sư, mục sư nhiệm chức và truyền đạo (đa phần không giữ chế độ độc thân nhưng với các tổ chức thuộc Tin lành C.M.A thì nữ chỉ được thụ phong phẩm truyền đạo và phải độc thân...); hạn chế sử dụng các từ “ngài”, “cụ” trong giao tiếp với chức sắc Tin lành, không sử dụng tặng phẩm là hình, tượng (nhất là hình rồng, rắn) để làm vật phẩm tặng tổ chức, cá nhân theo đạo Tin lành; không lấy việc người theo đạo Tin lành không thờ cúng ông bà, tổ tiên để phê phán họ “bất hiếu” vì người theo đạo Tin lành quan niệm sự hiếu kính dành cho người đang sống, khi mất đi phần xác đã trở về cát bụi, phần hồn trở về bên Đức Chúa Cha nên không thờ cúng, thay vào đó là hoạt động tưởng niệm...

Người làm công tác thông tin, tuyên truyền phải công tâm, khách quan, có kiến thức về tôn giáo nói chung, đạo Tin lành nói riêng và kiến thức pháp luật về tôn giáo.

**4. Công tác đối với Phật giáo và những vấn đề cần quan tâm**

***4.1. Một số thông tin chung[[9]](#footnote-9)***

Phật giáo từ Ấn Độ du nhập vào Việt Nam cách đây gần 2000 năm. Từ đó tới nay, Phật giáo luôn gắn bó, đồng hành cùng dân tộc với truyền thống “Hộ quốc - An dân”. Sau khi đất nước giành độc lập, thống nhất năm 1975, năm 1981, Phật giáo Việt Nam đã tổ chức Hội nghị hợp nhất 9 tổ chức, hệ phái Phật giáo trong cả nước thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam với đường hướng “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Theo Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến tháng 11/2017, Phật giáo có trên 17.000 cơ sở thờ tự, hơn 53.000 tăng, ni sinh hoạt trong tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam và khoảng 14 triệu tín đồ đã quy y Tam Bảo.

 *Cơ cấu tổ chức: Cấp Trung ương*

Hội đồng Chứng minh, gồm các vị Hoà thượng tiêu biểu của các tổ chức, hệ phái Phật giáo Việt Nam có 70 tuổi đời, 50 tuổi đạo trở lên, không giới hạn số lượng và được Đại hội Phật giáo toàn quốc suy tôn. Hội đồng Chứng minh suy cử một Ban Thường trực do một vị Hoà thượng Pháp chủ đứng đầu.

Hội đồng Trị sự, gồm các vị Hoà thượng, Thượng toạ, Đại đức, tăng ni và cư sĩ của Giáo hội do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự tiền nhiệm đề cử và Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam suy cử.

*Cấp tỉnh*

Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo các tỉnh/thành trực thuộc Trung ương có trách nhiệm điều hành hoạt động của Phật giáo địa phương theo đúng Hiến chương của Giáo hội và phù hợp với pháp luật Việt Nam, đồng thời triển khai các công việc Phật sự theo sự chỉ đạo của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

*Cấp huyện*

Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm điều hành hoạt động Phật sự ở địa phương mình theo chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ theo Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Những phường xã, thị trấn có nhiều cơ sở thờ tự và tăng ni, cư sĩ, Phật tử thì Ban Đại diện Phật giáo giới thiệu để Ban Trị sự Phật giáo cấp tỉnh bổ nhiệm một đại diện phường, xã, thị trấn hay liên phường, xã, thị trấn tại địa phương làm đầu mối để giúp Ban Đại diện Phật giáo cấp huyện liên hệ với các cơ sở của Giáo hội về mặt sinh hoạt tín ngưỡng.

*Giáo luật:* Cốt lõi là “*Ngũ giới”* và “*Thập thiện*”.

*Ngũ giới* là 5 giới cấm: (1). Không sát sinh; (2). Không nói sai sự thật; (3). Không tà dâm; (4). Không trộm cắp; (5). Không uống rượu.

 *Thập thiện* là 10 điều thiện nên làm, trong đó: 3 điều thiện về thân (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm); 4 điều thiện về khẩu (không nói dối, không nói hai chiều, không nói điều ác, không nói thêu dệt); 3 điều thiện về ý (không tham lam, không giận dữ, không tà kiến).

 *Lễ chính trong năm (theo âm lịch)*

Lễ Đức Phật Thích Ca xuất gia (ngày 8 tháng 2); Lễ Đức Phật Thích Ca đản sinh/lễ Phật đản (ngày 15/4); Lễ Vu lan - Báo hiếu (ngày 15/7); Lễ Đức Phật Thích Ca thành đạo (ngày 8 tháng Chạp)...

*Đối với Phật giáo Nam tông Khmer còn có một số ngày lễ theo truyền thống người Khmer:* ngày 13 - 15/4 dương lịch: Lễ mừng năm mới (CholChơnam Thmây - Tết Dân tộc của người Khmer); ngày 30/8 dương lịch: Lễ cúng ông bà tổ tiên (lễ Sen Donta); đầu tháng 9 hoặc tháng 10 âm lịch (sau khi kết thúc khoá hạ): Lễ Dâng y (hay lễ Dâng bông); ngày 15/10 âm lịch: Lễ cúng trăng (Okcombok)...

***4.2. Tình hình hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam [[10]](#footnote-10)***

*Hoạt động tăng sự*

Việc quản lý tăng sự là việc quan trọng hàng đầu để duy trì nền nếp kỷ cương theo giáo luật nhà Phật. Ban Tăng sự TW Giáo hội Phật giáo Việt Nam chịu trách nhiệm về việc quản lý tăng ni với các nội dung hoạt động của Ban Tăng sự: hướng dẫn việc thu nhận đệ tử, hướng dẫn tổ chức giới đàn truyền giới cho tăng ni mới nhập tu; bổ nhiệm trụ trì chùa, hướng dẫn việc xem xét đề nghị tấn phong giáo phẩm cho tăng ni, thuyên chuyển tăng ni...

*Hoạt động giáo dục, đào tạo*

Sau 40 năm hình thành và phát triển, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có một hệ thống trường lớp đào tạo khá cơ bản cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng được nhu cầu tu học của tăng ni cũng như nguyện vọng của Giáo hội. Hiện, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 4 học viện Phật giáo, 8 lớp cao đẳng, 34 trường Trung cấp Phật học và hàng trăm lớp sơ cấp tại các chùa, đào tạo từ trình độ sơ cấp đến trung cấp, cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ Phật học, hàng năm đào tạo hàng nghìn tăng tài cho Giáo hội...

*Hoạt động hoằng pháp*

Luôn đượcGiáo hội Phật giáo Việt Nam coi là công tác quan trọng vì mục tiêu “Hoằng dương chánh pháp, lợi lạc quần sinh”. Nếu công tác giáo dục tăng ni là công tác đào tạo, bồi dưỡng những vị tu sĩ chuyên nghiệp thì hoạt động hoằng pháp là nội dung quan trọng đưa giáo pháp của Đức Phật đến với tín đồ, Phật tử và mục tiêu là đến với toàn xã hội...

Hoạt động chính trong công tác hoằng pháp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam bao gồm: đào tạo giảng sư, thành lập các đoàn giảng sư TW và các tỉnh/thành hội Phật giáo; tổ chức các khóa bồi dưỡng, hội thảo, hội thi giáo ly, xuất bản nội san, tổ chức bồi dưỡng chương trình Phật học hàm thụ; tổ chức các cuộc thuyết giảng Phật pháp...

*Hoạt động hướng dẫn Phật tử*

Theo Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Hướng dẫn Phật tử TW có 2 phân ban: Phân ban cư sĩ và Phân ban Gia đình Phật tử, hoạt động theo hiến chương và nội quy của phân ban. Đặc thù của Phật giáo các tỉnh miền Trung, miền Nam có tổ chức gia đình Phật tử (được coi như các Hội đoàn tôn giáo) tập hợp các Huynh trưởng và các Đoàn sinh (thanh thiếu niên là tín đồ Phật giáo) với các hoạt động phong phú, đa dạng. Hoạt động hướng dẫn Phật tử thường xuyên thực hiện một số công tác sau: tổ chức tu học, huấn luyện Huynh trưởng, xếp cấp, tấn phong cấp, cấp thẻ Huynh trưởng, tổ chức các Hội nghị chuyên đề, cấp thẻ Phật tử, công tác hiếu hạnh, sinh hoạt đạo tràng, hoạt động văn nghệ... Đến đầu năm 2021, Ban Hướng dẫn Phật tử TW Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 1.035 đơn vị Gia đình Phật tử đăng ký sinh hoạt tại 34 tỉnh/thành hội Phật giáo, 9.343 Huynh trưởng các cấp...

*Hoạt động nghiên cứu*

Giáo hội Phật giáo Việt Nam rất chú trọng công tác nghiên cứu Phật học để làm căn cứ cho việc giảng dạy, đào tạo tăng tài và hoằng dương chánh pháp. Ngay từ Đại hội lần III năm 1992, TW Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (tại TP Hồ Chí Minh) và Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (tại TP Hà Nội).

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam có Ban Chứng minh và Ban Cố vấn. Giúp việc cho 2 Ban là Hội đồng Quản trị, các Trung tâm nghiên cứu và Ban chuyên môn... với đông đảo nhân sự là những tăng ni có trình độ cao về Phật học và thế tục...

*Hoạt động từ thiện xã hội*

Vì mục đích cứu khổ, độ chúng sinh của đạo Phật, từ ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã luôn quan tâm đến việc vận động cứu trợ nhân đạo với các hoạt động thường xuyên: xây dựng hệ thống khám chữa bệnh, xây dựng trường lớp, nhà dưỡng lão, cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi, mở trường dạy nghề miễn phí; đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ từ thiện xã hội cho tăng, ni; tổ chức nhiều cuộc cứu trợ nhân đạo, kịp thời hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, dễ bị tổn thương... Hàng năm, số tiền Giáo hội Phật giáo Việt Nam huy động dành cho các hoạt động cứu trợ, an sinh xã hội lên đến hàng nghìn tỷ đồng...

*Hoạt động quốc tế*

Những năm gần đây, hoạt động quốc tế của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày càng phong phú, đa dạng và hội nhập sâu vào đời sống chung của Phật giáo thế giới: tổ chức các đoàn chức sắc ra nước ngoài, hợp tác, hoạt động tôn giáo, tổ chức các đoàn Phật giáo nước ngoài vào Việt Nam hoạt động tôn giáo, tham dự các hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế về Phật giáo, trao đổi, nghiên cứu, đào tạo, thăm viếng...

***4.3. Những vấn đề cần lưu ý đối với hoạt động của Phật giáo hiện nay[[11]](#footnote-11)***

Để thực hiện tốt công tác vể Phật giáo, cán bộ làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo cần quan tâm một số nội dung sau:

Nắm rõ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung và tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó có Phật giáo.

Hiểu được đặc trưng riêng của Phật giáo Việt Nam hiện nay, cùng là Phật giáo nhưng mỗi hệ phái có những nét riêng biệt làm nên đặc trưng trong tổ chức và sinh hoạt. Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập năm 1981 - là tổ chức Phật giáo duy nhất được Nhà nước công nhận, có đủ tư cách pháp nhân đại diện cho tăng, ni, tín đồ Phật giáo Việt Nam trong và ngoài nước; nhiều giá trị, đạo đức tích cực của Phật giáo đã trở thành chuẩn mực trong đời sống tình cảm, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, góp phần xây dựng nên bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc...

**5. Hiện tượng tôn giáo mới ở nước ta và những tác động ảnh hưởng đối với phụ nữ**

***5.1. Một số thông tin chung[[12]](#footnote-12)***

Các nhà nghiên cứu trên thế giới khi nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới thường dùng cụm từ hiện tượng tôn giáo mới, giáo phái, tôn giáo bồng bềnh hay phong trào tôn giáo mới… Họ cho rằng hiện tượng tôn giáo mới hay phong trào tôn giáo mới là những nhóm phái xuất hiện từ nửa sau thế kỉ XX trở lại đây, phản ánh những nét mới trong sự chuyển biến niềm tin và lựa chọn niềm tin tôn giáo của nhân loại. Các học giả Mỹ - nơi có truyền thống đa nguyên tôn giáo, gọi hiện tượng này là *Phong trào tôn giáo mới*. Gọi như vậy là để đối lập với tôn giáo truyền thống. Nếu tôn giáo truyền thống như thường quan niệm là Kitô giáo, Do Thái giáo, Islam giáo, Phật giáo, Ấn Độ giáo,... thì những nhóm tôn giáo kiểu như *Kỷ nguyên mới* - xuất hiện phổ biến vào thập niên 60 - 70 (thế kỷ XX) trở lại đây thì gọi là hiện tượng tôn giáo mới.

Ở khu vực Đông Á,giới nghiên cứu Nhật Bản, Trung Quốc thường sử dụng thuật ngữ tôn giáo mới, tân giáo, tân tôn giáo,… Đây là những hiện tượng tôn giáo mới được xem là đối lập với tôn giáo truyền thống, xuất hiện sau tôn giáo truyền thống và có một số hình thái, đặc điểm mới.

Như vậy, theo các nhà nghiên cứu thế giới, hiện tượng tôn giáo mới là những hiện tượng *có tính tôn giáo* và *mới xuất hiện* trong những năm gần đây, gọi hiện tượng tôn giáo mới là để đối lập với tôn giáo truyền thống. Nếu như tôn giáo truyền thống là những tôn giáo vốn có lịch sử lâu đời, đã hình thành nên một hệ thống ổn định, hoàn chỉnh về các phương diện giáo lý, cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động, lễ nghi,... thì hiện tượng tôn giáo mới có lịch sử ngắn, chỉ khoảng chục năm hoặc mấy chục năm gần đây.

Ở Việt Nam, vấn đề này được rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và cũng có nhiều tên gọi khác nhau như: giáo phái, hiện tượng tôn giáo mới, tạp giáo, tà đạo, tà giáo, đạo lạ… tuy nhiên tất cả các tên gọi trên đều chỉ một hiện tượng có tính tôn giáo mới xuất hiện trong thời gian gần đây, và với nhiều nhà nghiên cứu thì họ thường nghiêng về thuật ngữ hiện tượng tôn giáo mới, đến nay thuật ngữ này đã được dùng một cách rộng rãi bởi 4 lý do sau:

*Một là,* gọi đó là hiện tượng tôn giáo mới vì đây là những hiện tượng có tính tôn giáo, xuất hiện trong thời gian gần đây nhằm tập hợp một số người xung quanh một nhân vật tự xưng là "Đấng tiên tri", hóa thân của thần linh, siêu nhiên, có những quyền năng phi thường đứng ra thành lập; có giáo lý riêng được nhào nặn, lắp ghép từ nhiều nguồn sơ sài; có tổ chức lỏng lẻo; có nghi lễ riêng hay cách thức thực hành nghi lễ nhưng mới chỉ dừng lại ở mức độ là những hiện tượng có tính tôn giáo, chưa thể hiện với tư cách là một tôn giáo.

*Hai là,* gọi là tà đạo thì lại phải đặt trong mối quan hệ với chính đạo, vậy lấy đạo nào làm chính đạo để phân biệt với tà đạo, đó chưa nói là một số hiện tượng chưa hẳn đã là tà đạo.

*Ba là,* gọi là giáo phái thì đã khẳng định nó thuộc về một tôn giáo chủ lưu nào đó tự tách ra thành một giáo phái độc lập.

*Bốn là,* nếu gọi là đạo lạ thì đây cũng chỉ là một phương diện (một nhóm) nằm trong khái niệm hiện tượng tôn giáo mới và danh xưng "đạo lạ" khá trung tính, dễ nhận được sự chấp nhận của người dân, cũng như cơ quan quản lý nhà nước. Bởi lẽ, để chỉ hiện tượng này trong nhiều năm trước đã dùng các thuật ngữ, "tà giáo", "giáo phái", "hệ phái" một cách chưa rõ ràng.

***5.2. Nguyên nhân hình thành và phát triển các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam***

*Nguyên nhân khách quan*

Do mặt trái của sự chuyển đổi sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường ở Việt Nam là một trong những điều kiện cho sự xuất hiện của các hiện tượng tôn giáo mới. Nền kinh tế thị trường cùng với những quy luật cạnh tranh khắc nghiệt đã khiến cho một bộ phận người dân trở nên kém tự tin vào đời sống hiện thực nên người ta tìm đến tôn giáo như một nơi nương tựa tinh thần.

Đặc biệt, một số người cho rằng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo cũng là một “nghề”, nhưng để hoạt động trong các tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống thì không có đủ khả năng, nên họ lập ra các hiện tượng tôn giáo mới để hành nghề.

Do hậu quả của những bất ổn về tinh thần nhìn nhận sai lệch giá trị văn hóa, đạo đức, tinh thần truyền thống, trong đó có giá trị tôn giáo.

Thách thức của toàn cầu hoá và mặt trái của cơ chế thị trường là những nguyên nhân chính khiến cho nhiều giá trị đạo đức, văn hoá, xã hội truyền thống bị suy giảm. Bên cạnh đó còn phải kể đến một bộ phận người dân do trình độ học vấn thấp, nhận thức kém dẫn đến nhận thức sai lệch, dễ tin, dễ theo và dễ bị lừa, bị mê hoặc tìm đến các hiện tượng tôn giáo mới tin theo điều mê tín dị đoan, tin theo những điều phản văn hóa đẫn đến các hành động cực đoan.

Sự hạn chế trong việc đáp ứng nhu cầu văn hoá dẫn đến việc một bộ phận người dân đã tìm đến những loại hình văn hoá khác, trong đó có các hiện tượng tôn giáo mới để thỏa mãn nhu cầu giao lưu sinh hoạt văn hóa tinh thần mà các hiện tượng tôn giáo mới bằng nhiều hình thức đã lợi dụng lỗ hổng đó để xâm nhập, phát triển.

Quá trình toàn cầu hóa, mở rộng hợp tác quốc tế khiến cho giao lưu giữa các xã hội, giữa các nền văn hóa ngày càng được tăng cường mạnh mẽ, trong đó có các hiện tượng mang tính tôn giáo (hiện tượng tôn giáo mới) đã tạo điều kiện cho một số hiện tượng tôn giáo mới du nhập từ nước ngoài vào Việt Nam. Đồng thời với quá trình đó là các thế lực thù địch luôn tạo điều kiện cho hiện tượng tôn giáo mới xâm nhập và hoạt động ở Việt Nam.

Ở nhiều nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam, tình trạng phân ly tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống đã và đang diễn ra, phản ánh sự đa dạng và phức tạp của cuộc sống đương đại. Niềm tin vào các tôn giáo truyền thống bị suy giảm do bị gò bó vào giáo luật khắt khe, nội dung cứng nhắc, lễ nghi rườm rà với những thể chế lỗi thời so với cuộc sống hiện đại dẫn đến một bộ phận quần chúng tìm đến những niềm tin mới để bù đắp vào chỗ vắng nội tâm, để có cơ hội giao lưu với người khác và thổ lộ tâm tình, mong được chia sẻ giúp đỡ họ vượt qua những điều không vui trong cuộc sống. Vì vậy, con người cũng dễ dàng chấp nhận các hiện tượng tôn giáo mới.

Sự xuất hiện nhanh chóng các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam trong những năm qua một mặt thể hiện nhu cầu tâm linh, mặt khác đã phản ánh những bất cập của tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống, nhất là các vấn đề suy thoái tư tưởng, đạo đức lối sống trước tác động của nền kinh tế thị trường, thể hiện qua những biểu hiện thương mại hoá và thế tục hóa tôn giáo, tín ngưỡng làm cho tính “linh thiêng” bị giảm sút.

*Nguyên nhân chủ quan*

Do một số cán bộ, công chức và chính quyền các cấp chưa nhận thức đầy đủ, kịp thời về bản chất của các hiện tượng tôn giáo mới; một số địa phương chưa làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức chính trị, xã hội cho quần chúng. Nhận thức, quan điểm trong đấu tranh xử lý đối với những tác động tiêu cực của hiện tượng tôn giáo mới ở một số địa phương nhiều mặt chưa thống nhất, chưa có sự quan tâm đúng mức.

 Công tác quản lý xã hội của một số địa phương chưa hiệu quả, chưa coi trọng công tác vận động quần chúng, đội ngũ cán bộ, công chức có nhiều hạn chế đã tạo kẽ hở cho hiện tượng tôn giáo mới nảy sinh, xâm nhập và phát triển. Bên cạnh đó, hiện nay chưa phân định rõ chức năng quản lý, giải quyết hiện tượng tôn giáo mới giữa các cấp, các ngành và việc vận dụng khung pháp lý hiện có như thế nào để giải quyết vấn đề hiện tượng tôn giáo mới cho chính xác và hiệu quả.

Công tác xây dựng nếp sống văn hóa mới, xây dựng quy ước, hương ước ở địa bàn khu dân cư chưa được quan tâm đúng mức cũng là một nguyên nhân cơ bản cho hiện tượng tôn giáo mới nảy sinh, phát triển ở nhiều địa phương.

***5.3. Phân loại các hiện tượng tôn giáo mới***

Ở Việt Nam, việc phân loại các hiện tượng tôn giáo mới cũng không dễ dàng bởi tính đa dạng của các hiện tượng tôn giáo mới cũng như mức độ độc lập và thống nhất của các yếu tố tôn giáo tạo nên loại hình “tôn giáo mới”.

- Loại có gốc từ một loại tôn giáo lớn (chủ yếu là Phật giáo): Loại hình này bao gồm một số loại hiện tượng tôn giáo mới có tên: Long hoa Di lặc, Chân không, Tiên thiên đại đạo, Đạo Thiên cơ, Phật Mẫu địa cầu, Chân tu tâm kính, Chân tâm bảo vệ di tích, Tiên Phật nhất giáo, Đạo nghiệp chướng, Thông thiên vận hội,...

- Loại có nguồn gốc từ tín ngưỡng dân gian: Loại hình này bao gồm một số loại hiện tượng tôn giáo mới có tên: Đoàn 18 Phú Thọ, Đạo Trần Hưng Đạo, Lạc Hồng Âu cơ, Khổng Minh Thánh đạo hội, Đạo Cội nguồn, Đạo Tiên, Quốc Tổ Lạc Hồng, Hội Thuyền phái Trúc lâm Yên tử.

- Loại hỗn dung tư tưởng giáo lý của các hình thức tín ngưỡng, tôn giáo khác.

- Loại từ nước ngoài xâm nhập vào Việt Nam.

- Trong các hiện tượng tôn giáo mới, có một số hiện tượng tôn giáo mới có nguồn gốc từ nước ngoài, bao gồm: Thanh Hải Vô Thượng sư (từ Đài Loan), Tam tổ Thánh hiền (từ Đài Loan), Nhất quán đạo (từ Đài Loan),…

Ngoài ra, căn cứ vào các nội dung: *tên gọi, xuất xứ hình thành, giáo chủ, quá trình hình thành, phát triển; tóm tắt giáo lý; một số quy định, giáo lý tôn giáo được hiện tượng tôn giáo mới tiếp thu; nghi thức thờ phụng, kinh sách; ảnh hưởng; phân loại và đề xuất biện pháp giải quyết*, có thể phân loại các hiện tượng tôn giáo mới theo tính chất hoạt động thành:

- Loại hiện tượng tôn giáo mới có mầu sắc chính trị tiêu cực, nguy hiểm, ảnh hưởng xấu đến nhân phẩm con người, bản sắc dân tộc.

- Loại hiện tượng tôn giáo mới tác động cả hai mặt tích cực và tiêu cực đến đời sống xã hội.

- Loại hiện tượng tôn giáo mới đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, hoạt động không vi phạm pháp luật.

***5.4. Một số đặc điểm của hiện tượng tôn giáo mới***

Các hiện tượng tôn giáo mới có nguồn gốc xuất hiện và hoạt động ở Việt Nam chủ yếu dưới hai dạng:

*Nhóm hiện tượng tôn giáo mới từ nước ngoài*

Chủ yếu du nhập vào Việt Nam qua Việt kiều, người Việt Nam đi học tập và lao động ở nước ngoài, cũng như người Việt lấy người nước ngoài rồi về nước truyền bá và tổ chức các hoạt động, một số hiện tượng tôn giáo mới theo các doanh nhân nước ngoài vào làm ăn kinh tế ở Việt Nam, điển hình là: Thanh Hải Vô Thượng sư, Nhất Quán Đạo,… Địa bàn xuất hiện và hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới ngoại nhập chủ yếu là những trung tâm kinh tế lớn của miền Bắc như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hải Dương,…

*Nhóm hiện tượng tôn giáo mới hình thành từ trong nước*

Địa bàn xuất hiện được chia làm hai dạng cơ bản ở hai khu vực khá rõ rệt, tương ứng với hai nhóm thành phần tộc người.

Một là, các hiện tượng tôn giáo mới ảnh hưởng, hỗn dung, cải sửa từ Phật giáo, Khổng giáo, Đạo giáo và các hình thức thờ cúng truyền thống. Dạng này chủ yếu do người Kinh lập ra, hình thành và phát triển tập trung ở vùng đồng bằng Bắc Bộ và những nơi có đông người Kinh sinh sống, như: Đạo tràng niệm Phật, Long Hoa Di Lặc,...

Hai là, các hiện tượng tôn giáo mới có nguồn gốc gắn với Công giáo, Tin lành và một số chưa xác định nguồn gốc.

*Về tên gọi*

 Đa số các “hiện tượng tôn giáo mới” đều cố gắng tạo cho mình một tên gọi riêng để tránh trùng với tên gọi của các tôn giáo hoặc các “hiện tượng tôn giáo mới” khác, một số hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng sử dụng lại hoặc sử dụng chung những tên gọi đã trở nên quen thuộc. Điều này có thể do người đứng đầu, người sáng lập ra các “hiện tượng tôn giáo mới” chủ động dùng những tên gọi quen thuộc để hấp dẫn người tin theo, nhưng cũng có thể họ từng là người tin theo những hiện tượng tôn giáo mới đã có, nay muốn tách ra thành lập một nhóm riêng.

*Người đề xướng (người sáng lập, người đứng đầu)*

Người khởi xướng (người sáng lập, người đứng đầu) các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam là phụ nữ chiếm tỷ lệ khá cao. Họ là những người trải qua nhiều biến động của xã hội, những biến cố trong cuộc sống, đặc biệt là những bất hạnh của cá nhân và gia đình. Trong thời gian gần đây, xu hướng phụ nữ làm chủ các hiện tượng tôn giáo mới (do phụ nữ khởi xướng) đang tăng lên đáng kể.

Trình độ học vấn của đa số người đứng đầu các hiện tượng tôn giáo mới khá thấp, thậm chí có người không biết chữ.

Về độ tuổi của người đứng đầu các hiện tượng tôn giáo mới đa phần là cao niên và trung niên,…

Nghề nghiệp của người đứng đầu khá đa dạng, chủ yếu là công nhân, nông dân và buôn bán nhỏ. Hầu hết người đứng đầu các hiện tượng tôn giáo mới có khả năng thuyết giảng trước đông người, xuất khẩu thành thơ, nói năng lưu loát hấp dẫn người nghe. Đặc biệt, họ đều tự cho rằng có khả năng chữa bệnh không cần dùng thuốc,...

Người đứng đầu các hiện tượng tôn giáo mới thường tự cho mình là “Phật sống”, “Thánh sống”, có người trước khi hoạt động tín ngưỡng mắc bệnh tâm thần lâu ngày, biểu hiện thần kinh không bình thường, sau khi chữa khỏi bệnh thì tự nhận mình có khả năng kết nối với người âm, nhận được sóng tâm linh,… tự cho mình có khả năng “chữa bệnh tâm linh”.

*Về người tin theo*

Người tin theo các hiện tượng tôn giáo mới cũng chủ yếu là phụ nữ ở độ tuổi trung niên và cao niên; nghề nghiệp chủ yếu là nông dân, công nhân, buôn bán nhỏ; hầu hết thuộc nhóm trình độ học vấn trung bình,... Đáng chú ý hiện nay là tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên, hưu trí và đương chức có tình trạng những người có vị thế xã hội, có học vấn cao cũng tin theo các hiện tượng tôn giáo mới. Người tin theo các hiện tượng tôn giáo mới phần đông là những người gặp rủi ro, bế tắc trong cuộc sống; ốm đau, bệnh tật, nghèo khó...

*Về giáo lý, giáo luật, kinh sách*

 Kinh sách của các hiện tượng tôn giáo mới hiện nay có thể chia thành ba nhóm: (1) là sự kết hợp giữa kinh sách của một tôn giáo truyền thống với kinh sách do người đứng đầu sáng tác (VD: Kinh sách của Long Hoa Di Lặc); (2) Chiếm đa số, kinh sách thuần túy do người đứng đầu sáng tác (VD: Kinh sách của Đạo Luật Ơn Nghĩa và Nhân Nghĩa); (3) Chiếm thiểu số, không viết ra thành kinh sách cụ thể, mà chỉ là những lời thuyết giáo của người đứng đầu.

Do sự hỗn tạp về nội dung, một cách tương đối, có thể chia giáo lý của các hiện tượng tôn giáo mới hiện nay thành hai loại hình: ảnh hưởng từ các tôn giáo truyền thống (Phật giáo, Công giáo, Tin lành) và ảnh hưởng từ các hình thức thờ cúng trong dân gian.

Trong loại hình ảnh hưởng từ các tôn giáo truyền thống, giáo lý của khá nhiều hiện tượng tôn giáo mới được chắp vá, pha tạp, cải biên từ lý thuyết, giáo lý, giáo luật các tôn giáo truyền thống (chủ yếu là Phật giáo), nên đã có những lời khuyên răn hướng thiện, an ủi người dân về mặt tinh thần trước những bất hạnh, khó khăn trong cuộc sống (đây là điểm làm cho các hiện tượng tôn giáo mới có thể tồn tại). Đối với nhóm hiện tượng tôn giáo mới có nguồn gốc/liên quan đến đạo Tin lành, như: Hội thánh “Giê Sùa”, Đạo “Bà Cô Dợ”,... đều chưa có giáo lý, giáo luật cụ thể; phần lớn dựa vào giáo lý của đạo Tin lành, có những cải cách khác lạ so với đạo Tin lành truyền thống để thu hút mọi người tin theo.

Trong loại hình thức hai, giáo lý của khá nhiều hiện tượng tôn giáo mới hiện nay ảnh hưởng chủ yếu từ các hình thức thờ cúng trong dân gian, đặc biệt là thờ cúng Tổ tiên theo nghĩa rộng và thờ Mẫu, nhưng cũng được lý giải để tạo ra rất khác biệt so với cách thức truyền thống, thậm chí lấy danh nghĩa của các vị anh hùng dân tộc, danh nhân để viết ra “kinh sách” nên được nhiều người tin theo.

*Về hệ thống tổ chức*

Đa số các hiện tượng tôn giáo mới không có hệ thống tổ chức hoặc có tổ chức nhưng lỏng lẻo, không rõ ràng, nửa công khai, nửa bí mật. Ngoài người đề xướng (người đứng đầu), còn có một số người được phân công làm hội trưởng, hội phó, thủ quỹ để quản lý số người theo từng địa bàn.

*Về cơ sở thờ tự và đối tượng thờ tự*

Tất cả các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay đều chưa được Nhà nước cho phép hoạt động. Do vậy, cơ sở thờ tự chủ yếu nằm trong nhà riêng của người đứng đầu hoặc xây cơ sở thờ tự trong khuôn viên gia đình. Một số hiện tượng tôn giáo mới không lập cơ sở thờ tự chung, mà chỉ lập bàn thờ tại nhà riêng tín đồ, tiêu biểu là nhóm Thanh Hải Vô Thượng sư. Một số hiện tượng tôn giáo mới không thờ phụng tại gia đình, mà tụ tập đông người thực hành nghi lễ tại một di tích nổi tiếng như: Đoàn 18 Phú Thọ thường hành lễ tại Đền Hùng.

Đối tượng thờ tự của hầu hết các hiện tượng tôn giáo mới hiện nay là sự hỗn dung nhiều tôn giáo và hình thức thờ cúng truyền thống. Đối tượng thờ tự của đa phần hiện tượng tôn giáo mới hiện nay khá đa dạng, từ nhân vật lịch sử đến nhân vật huyền thoại, từ thần linh ngoại lai đến thần linh bản địa.

*Về phương thức hoạt động*

Các hiện tượng tôn giáo mới thường tụ tập sinh hoạt không hợp pháp, lễ nghi mang tính tập thể, sử dụng các kỹ thuật đa phương tiện hiện đại cũng như các thủ pháp tâm lý để thu hút sự quan tâm của những “tín đồ" mới; thông qua mạng internet và một số phần tử phản động về nước để xây dựng và phát triển lực lượng theo hình thức các nhóm đi du lịch hoặc từ dưới miền xuôi lên thuê nhà dưới hình thức đi làm ăn nhưng thực chất là đi tuyên truyền bất hợp pháp các hiện tượng tôn giáo mới, “tà đạo”,... Họ sinh hoạt không cần cơ sở thờ tự, chức sắc hướng dẫn việc đạo mà tụ tập ở gia đình người sáng lập, gia đình các thành viên hay một địa điểm bìa rừng, bờ sông,… hoạt động lén lút, tuyên truyền dưới nhiều hình thức. Họ thường xuyên thay đổi địa điểm tụ tập tuyên truyền nhằm tránh sự phát hiện, xử lý của chính quyền, phát tán tài liệu ở những nơi đông người, tập trung ở những vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS, nơi người dân có trình độ nhận thức còn hạn chế.

***5.5. Tác động của các hiện tượng tôn giáo mới đối với phụ nữ và đời sống xã hội nói chung***

Sự xuất hiện, hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống xã hội.

*Về tác động tích cực*

Một số hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng tích cực đã phần nào đáp ứng được nhu cầu tinh thần, bù đắp tâm lý và niềm tin trước những khó khăn trong cuộc sống của một bộ phận nhân dân nói chung và phụ nữ nói riêng. Một số nhấn mạnh đến hình thức sinh hoạt đơn giản, tiết kiệm, phù hợp với nhóm yếu thế trong xã hội. Một số hiện tượng tôn giáo mới tập trung sinh hoạt dưới hình thức thiền với mong muốn rèn luyện nâng cao sức khỏe, chữa bệnh bằng các bài thuốc đơn giản giảm chi phí kinh tế, tạo ra hi vọng cho những người nghèo có niềm tin vào cuộc sống.

Nội dung kinh sách giáo lý, các buổi thuyết giảng của một số hiện tượng tôn giáo mới cũng đã tập trung vào vấn đề chống tiêu cực xã hội như: phê phán nạn tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phê bình thói hư tật xấu của các chức sắc tôn giáo lớn ở nước ta hiện nay, bài trừ những hoạt động mê tín trong đời sống tôn giáo,… Những nội dung này ở một chừng mực nào đó có thể được coi là sự phản biện xã hội.

Một số hiện tượng tôn giáo mới có nội dung sinh hoạt gắn với việc đề cao những người anh hùng có công với đất nước, dân tộc, khuyên người tin theo bài trừ mê tín dị đoan, sửa đổi tập tục tang ma, bỏ những tật xấu trong cuộc sống. Đây là những yếu tố thuận lợi trong việc đảm bảo các mối quan hệ trong gia đình và cộng đồng được tốt đẹp hơn.

Một số hiện tượng tôn giáo mới còn có những hoạt động thiết thực đóng góp cho xã hội, tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội ở địa phương như đóng góp quỹ xóa đói giảm nghèo, xây dựng nhà tình nghĩa, hỗ trợ đồng bào bị lũ lụt, tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu,…

Việc xuất hiện các hiện tượng tôn giáo mới làm cho các tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống phải tăng cường củng cố đức tin cho tín; điều chỉnh lễ nghi phù hợp, kịp thời với những biến đổi của đời sống kinh tế, xã hội, đáp ứng tốt hơn đời sống tâm linh cho tín đồ và nhân dân.

*Về tác động tiêu cực*

Một số hiện tượng tôn giáo mới trong quá trình tuyên truyền và phát triển đã liên hệ đến mặt trái, tiêu cực trong đời sống xã hội để liên hệ sang vấn đề chính trị. Nhận thức của những người theo hiện tượng tôn giáo mới đôi khi thái quá và sai lệch, do đó họ dễ bị các thế lực xấu lợi dụng.

Hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định về kinh tế. Trước hết là tổn thất về kinh tế cho chính bản thân những “tín đồ” theo hiện tượng tôn giáo mới vì họ phải bỏ cả công ăn việc làm để tham gia hoạt động “đạo”; một số người có sức khỏe yếu, bệnh tật hiểm nghèo tìm đến với các hiện tượng tôn giáo mới để nuôi hy vọng chữa khỏi bệnh nên đã phải bỏ ra kinh phí lớn. Nhiều người đứng đầu hoặc có vai trò chủ chốt trong các hiện tượng tôn giáo mới thu tiền trái phép của “tín đồ”, dùng tiền của “tín đồ” để tư lợi “vinh thân phì gia”, trái với lời rao giảng “xả phú cầu bần” của họ. Một số hiện tượng tôn giáo mới tuyên truyền ‘tín đồ” theo “đạo” sẽ được sung sướng, “không làm mà có ăn”, khiến “tín đồ” bê trễ sản xuất kinh doanh (Người theo Hội thánh của Đức Chúa Trời Mẹ phải đóng 10% thu nhập cho người đứng đầu. Đạo Long Hoa Di lặc yêu cầu tín đồ tu tại gia, không cần làm, chỉ cần cầu khấn là có ăn. Khi ốm không cần thuốc, chỉ uống rượu pha nước lã đặt trên bàn thờ là khỏi, kể cả gia súc và cây cối). Việc in ấn kinh sách, xây sửa nơi thờ tự, nghi lễ thờ cúng gây phiền hà, tốn kém công sức, tiền bạc của nhân dân, việc tổ chức các cuộc viếng thăm, hành hương, tham quan,… kết hợp với sinh hoạt tôn giáo trái phép ở nơi công cộng, gây tốn kém tiền của, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội.

Một số hiện tượng tôn giáo mới xuyên tạc lịch sử, phá hoại đạo đức và thuần phong mỹ tục văn hoá của dân tộc, chống đối, nói xấu chế độ, tuyên truyền làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; có biểu hiện xâm phạm nhân phẩm, sức khỏe con người, gây ảnh hưởng tới các mối quan hệ xã hội, làm thay đổi và xáo trộn về nếp sống, tập quán truyền thống của nhân dân; tuyên truyền cách thức thực hành tín ngưỡng phản khoa học, phi đạo đức, văn hóa nhằm thu lợi bất chính; tuyên truyền và thực hành những hoạt động có yếu tố mê tín dị đoan,…

Một số hiện tượng tôn giáo mới bài xích các tôn giáo truyền thống, đả kích vào các vị giáo chủ của tôn giáo chính thống. Điều này đã gây bức xúc trong chức sắc, nhà tu hành của các tôn giáo chính thống, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, tiềm ẩn nguy cơ có sự xung đột về tôn giáo.

Một số các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng chống đối và bất hợp tác với chính quyền, nhất là những đối tượng cầm đầu, cốt cán luôn tránh mặt không tiếp xúc với cán bộ, các đoàn công tác; không nghiêm chỉnh thực hiện những chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Những hoạt động lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng trái phép của các hiện tượng tôn giáo mới làm gia tăng các “điểm nóng” về an ninh chính trị, trật tự xã hội.

Việc chuyển đổi từ những tôn giáo, tín ngưỡng chính thống sang các hiện tượng tôn giáo mới đã có nhiều ảnh hưởng đa chiều, phức tạp đến xã hội, trong đó có việc hình thành các cộng đồng dân cư cùng theo một hiện tượng tôn giáo mới. Tính cố kết của những cộng đồng này có biểu hiện lấn át các hình thức cố kết cộng đồng truyền thống theo dòng họ, theo cộng đồng cùng dân tộc trong địa bàn cư trú và trong nội bộ tôn giáo dẫn đến hệ quả là một số ít chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo ở vùng có các hiện tượng tôn giáo mới hoạt động mạnh bị tác động trực tiếp hay gián tiếp bởi những tổ chức này.

***5.6. Những vấn đề cần lưu ý đối với hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay***

Các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam vẫn tiếp tục hoạt động, tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng đến đời sống văn hóa tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân; vẫn tiếp tục lợi dụng sự thiếu hiểu biết của một bộ phận nhân dân để lôi kéo được nhiều người tham gia. Xu hướng hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam trong thời gian tới sẽ diễn ra khá phức tạp, vừa có sự tan rã lại vừa có sự nảy sinh mới, liên kết với nhau. Điều đó cho thấy việc triển khai các giải pháp đối với các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam đòi hỏi phải toàn diện, cả trước mắt và lâu dài, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực.

Phải xác định rõ những hiện tượng tâm linh đã tồn tại hàng nghìn năm nay, là những hiện tượng xảy ra trong đời sống hàng ngày và lưu truyền từ đời này sang đời khác. Cần có thái độ nhìn nhận hiện tượng này một cách nghiêm túc, khách quan và khoa học.

Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các địa phương và quần chúng nhân dân về các hiện tượng tôn giáo mới. Trong đó, cần nâng cao nhận thức người dân, làm cho người dân hiểu rõ về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật; hiểu rõ tôn giáo hợp pháp được Nhà nước công nhận; phân biệt nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng với việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo và tác hại của nó đối với đời sống xã hội.

Các cơ quan thông tin đại chúng tích cực, kịp thời đưa tin, bài phản ánh những tác động, ảnh hưởng tiêu cực tới xã hội, các hoạt động trái phép, vi phạm pháp luật của những người, tổ chức đang tuyên truyền hiện tượng tôn giáo mới cực đoan, tà đạo trái phép nhằm giúp cho quần chúng Nhân dân hiểu đúng bản chất của từng loại hình hiện tượng tôn giáo mới phục vụ công tác đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

Đẩy mạnh công tác quản lý thông tin qua Internet và các ấn phẩm; không đưa các tin, bài, phóng sự về các hiện tượng “tâm linh”, “ngoại cảm” chưa có kết luận khoa học, chưa rõ về bản chất hoạt động gây tâm lý hoang mang, để các cá nhân, tổ chức lợi dụng hoạt động khuếch trương thanh thế.

Quan tâm phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào theo tôn giáo. Tăng cường xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần phong phú, lành mạnh cho người dân nhằm tạo “sức đề kháng”, “miễn dịch” mạnh mẽ trước hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới mang mầu sắc cực đoan, phản động, phản văn hóa...

## ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Để tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác vận động phụ nữ DTTS, phụ nữ theo tôn giáo của Hội LHPN Việt Nam, trong thời gian tới cần tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

- Chủ động nắm bắt kịp thời dư luận xã hội, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, hội viên và các tầng lớp phụ nữ; tiếp tục hỗ trợ chị em phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xóa đói, giảm nghèo; kết hợp với thực hiện công bằng xã hội, không ngừng nâng cao trình độ dân trí, đặc biệt là đối với đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; tăng cường các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần phong phú, lành mạnh cho hội viên, phụ nữ nhằm tạo “sức đề kháng”, “miễn dịch” mạnh mẽ trước hoạt động của các tà đạo.

 - Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn đồng bào các tôn giáo triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; thực hiện tốt các chương trình, mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương giai đoạn 2021-2025; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghĩ quyết đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII và các phong trào thi đua, cuộc vận động trong vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng tôn giáo; tiếp tục triển khai các văn bản mới hướng dẫn, chỉ đạo sau tổng kết Nghị quyết số 24/NQ-TW và Nghị quyết số 25/NQ-TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác dân tộc, công tác tôn giáo.

 - Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, các ngành có liên quan tăng cường tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, phụ nữ và nhân dân thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo nhằm nâng cao nhận thức trước những âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, phản động lợi dụng tôn giáo để chống phá Đảng và Nhà nước ta. Từ đó hình thành tính tự giác trong công tác phòng ngừa, tham gia đấu tranh chống hoạt động gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự của các “tà đạo”.

- Tổ chức thăm hỏi, động viên, tặng quà các tổ chức, chức sắc, nhà tu hành các tôn giáo nhân các ngày lễ trọng của tôn giáo, Tết cổ truyền của dân tộc…Có các hình thức biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với tổ chức giáo hội, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tiêu biểu có nhiều thành tích trong phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động ở địa phương.

- Tham mưu, sửa đổi, bổ sung các văn bản chính sách hiện hành; đề xuất sửa đổi những bất cập của chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế ở vùng DTTS nói chung, chính sách đối với phụ nữ DTTS nói riêng qua đó rút ngắn dần khoảng cách giữa vùng đồng bào dân tộc miền núi với vùng đồng bằng, giữa các cộng đồng dân tộc và giữa nam giới và phụ nữ DTTS;

*-* Nâng cao hiệu quả nguồn lực đầu tư; ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho địa bàn đặc biệt khó khăn; tích cực vận động các nguồn hỗ trợ từ cộng đồng doanh nghiệp; tổ chức trong nước và quốc tế để hỗ trợ mô hình phụ nữ DTTS khởi nghiệp cải thiện sinh kế, việc làm và thu nhập;

*-* Tăng cường cơ hội cho các nhóm nữ DTTS yếu thế được tiếp cận và thụ hưởng các chính sách, dịch vụ hỗ trợ giáo dục và đào tạo nghề để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ DTTS; khuyến khích xây dựng các mô hình hỗ trợ phụ nữ DTTS sau khi học nghề được chuyển đổi việc làm, cải thiện việc làm; hỗ trợ nữ thanh niên DTTS mới tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tìm việc làm tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp.

*-* Tiếp tục tác động mạnh mẽ để thay đổi nhận thức và hành động của xã hội đối với phụ nữ DTTS; Khuyến khích sự tham gia của phụ nữ DTTS vào quá trình thay đổi cuộc sống. Đồng thời, chú trọng tuyên truyền giúp phụ nữ DTTS phát huy nội lực và tương trợ giúp đỡ nhau về vốn, ngày công, khoa học - kỹ thuật, kinh nghiệm để phát triển kinh tế gia đình, ổn định đời sống, từng bước xóa đói, giảm nghèo bền vững.

## DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN, CÁC CHỈ ĐẠO CỦA HỘI VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.Ban Tôn giáo Chính phủ, 2021, *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác* *tín ngưỡng, tôn giáo theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ.*

2.Ban Tôn giáo Chính phủ, 2022, *Tài liệu tập huấn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo,* Ninh Bình.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, 2021, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

4. Đảng đoàn Hội LHPN Việt Nam, 20.., Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 26 và Hướng dẫn số 02 của Đảng đoàn MTTQVN.

5. Hồ Chí Minh Toàn tập, 1995, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6. Hồ Chí Minh Toàn tập, 1996, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. Hội LHPN Việt Nam, 2016, Báo cáo tại Hội nghị “Biểu dương nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo là UVBCH Hội LHPN các cấp”.

8. Hội LHPN Việt Nam, 2018, Tài liệu “Công tác dân tộc, tôn giáo” nhiệm kỳ 2017-2022.

9. Hội LHPN Việt Nam, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, Bộ LĐTB&XH, Ủy ban Dân tộc, 2020, *Thúc đẩy lồng ghép giới trong Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030.* Hà Nội.

10. Hội LHPN Việt Nam, 2020, *Tài liệu hỏi đáp “Một số vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay” - Tài liệu dành cho chi Hội trưởng Hội phụ nữ.* Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.

11. Hội LHPN Việt Nam, 2021, *Báo cáo thực hiện phong trào thi đua và hoạt động Hội*.

12. Hội LHPN Việt Nam, 2022, *Văn kiện Đại hội Đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.

13. Uỷ ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê, 2019, *Kết quả Điều tra, thu nhập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc*, Hà Nội.

14. Ủy ban Dân tộc, Học viện Dân tộc, 2021, *Tài liệu Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân tộc và công tác dân tộc,* Hà Nội.

15. UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 2022, Tìm hiểu về các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay và công tác vận động, đoàn kết, phát huy vai trò của tôn giáo tham gia các hoạt động xã hội, Hà Nội.

16. Đỗ Quang Hưng, 2013, *Chính sách tôn giáo ở nước ta hiện nay - Lý luận và thực tiễn, Đề tài trọng điểm Đại học Quốc gia Hà Nội,* Hà Nội.

17. Lê Minh Quân, 2021, *Kỹ năng xử lý tình huống chính trị - xã hội,* Tạp chí Lý luận chính trị, số 5.

18. Nguyễn Thế Trung, 2019, *Giải quyết và phòng ngừa “điểm nóng” trong tình hình hiện nay*, Trang thông tin điện tử Hội đồng lý luận Trung ương: <https://hdll.vn/vi/nghien-cuu-trao-doi/giai-quyet-va-phong-ngua-diem-nong-trong-tinh-hinh-hien-nay.html>

 **Chỉ thị, Nghị quyết, Luật, chính sách**

1. Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Bộ chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới.

2. Nghị định 05/NĐ-CP, 2011, Về công tác dân tộc.

3. Nghị quyết số 10/NQ-CP, 2022, ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030.

4. Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 về tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về Công tác dân tộc.

5. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, 2013

6. Luật Tín ngưỡng tôn giáo, 2016.

# CHUYÊN ĐỀ 3

# CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG THÚC ĐẨY BÌNH ĐẰNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐÓI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI CỦA HỘI LHPN VIỆT NAM

## I. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI CỦA HỘI LHPN PHỤ NỮ VIỆT NAM

1. **Chức năng, nhiệm vụ của Hội LHPN Việt Nam theo Hiến pháp và Luật**

(1). Chức năng, nhiệm vụ của Hội LHPN Việt Nam được quy định tại khoản 2, điều 9 Hiến pháp năm 2013 “Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình”.

(2). Khoản 1 Điều 29 Luật Bình đẳng giới quy định “Tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và tham gia quản lý Nhà nước về Bình đẳng giới; tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật Bình đẳng giới”; Khoản 5 Điều 30 Luật Bình đẳng giới quy định “Thực hiện phản biện xã hội đối với chính sách, pháp luật về Bình đẳng giới”.

(3). Nghị định 56/2012/NĐ-CP, ngày 16/7/2012 của Chính phủ quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành, Uỷ ban nhân dân các cấp trong việc đảm bảo cho các cấp Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước, trong đó quy định rõ trách nhiệm của Hội LHPN Việt Nam “Chủ động nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị các biện pháp, chính sách, liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em, gia đình và bình đẳng giới; cung cấp kịp thời các thông tin liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới”.

1. **Các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về thúc đẩy bình đẳng giới vùng DTTS và miền núi:**

(1). **Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị "Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”** đã có những quy định trực tiếp về công tác phụ nữ đối với nhóm phụ nữ dân tộc thiểu số, cụ thể là việc quy định trách nhiệm của Chính phủ và các ngành chức năng nghiên cứu, ban hành một số chính sách đặc thù nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ: Chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện để phụ nữ dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa xóa mù chữ, phổ cập các cấp học giáo dục phổ thông, đào tạo nghề, xóa đói, giảm nghèo, tiếp cận thông tin và hưởng thụ văn hóa; Thực hiện cử tuyển đào tạo cán bộ nữ trong các dân tộc thiểu số, tôn giáo và trong các lĩnh vực có tỷ lệ cán bộ nữ quá thấp; Có chính sách cụ thể về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển đối với cán bộ nữ; đặc biệt quan tâm cán bộ nữ là trí thức, công nhân, người dân tộc thiểu số, tôn giáo; Có chính sách đặc thù đối với cán bộ nữ công tác ở vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo, là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ đi học có con nhỏ.

(2). Kết luận số 65/KL-TW, ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, chỉ đạo *“có cơ chế để phụ nữ dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu”*

(3).Nghị quyết 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội khoá XIV phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn 2021-2030, một trong những giải pháp của Đề án là xây dựng Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS&MN gồm 10 dự án thành phần, trong đó lần đầu tiên có một dự án riêng biệt, đặc thù về giới, dự án số 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”. Nghị quyết số 12 ngày 15/02/2020 của Chính phủ đã giao Hội LHPN Việt Nam chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và thực hiện dự án. Lần đầu tiên, các vấn đề về giới, các vấn đề xã hội còn tồn tại dai dẳng trong vùng đồng bào DTTS nhiều năm qua được quan tâm giải quyết một cách có hệ thống, góp phần thúc đẩy vùng DTTS và miền núi phát triển bền vững.

Hội LHPN Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội đại diện quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam trong đó có nhiệm vụ đề xuất, kiến nghị lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới bằng cách xác định vấn đề giới, dự báo tác động giới của văn bản, trách nhiệm, nguồn lực để giải quyết vấn đề giới trong các quan hệ xã hội được văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh (Khoản 7, điều 5, Luật Bình đẳng giới). Từ các chủ trương trên, thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo qui định, Hội LHPN chủ động xây dựng, đề xuất và tạiQuyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, *giao nhiệm vụ cho Hội LHPN Việt Nam chủ trì triển khai Dự án thành phần số 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”.*

**II.****KHOẢNG CÁCH GIỚI VÀ HƯỚNG DẪN NHẬN DIỆN VẤN ĐỀ GIỚI Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ**

1. **Khoảng cách giới ở vùng DTTS và miền núi**
	1. ***Vấn đề việc làm của phụ nữ DTTS***

Lực lượng lao động nữ DTTS đang gặp nhiều bất lợi và là một trong những nhóm “yếu thế” trong thị trường lao động bắt nguồn từ trình độ chuyên môn kỹ thuật còn rất yếu kém. Tỉ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật từ sơ cấp trở lên năm 2019 là 10,3% (nam 11,7% và nữ 8,9%), chưa bằng một nửa so với tỉ lệ tương ứng lực lượng lao động cả nước. Có tới 18/53 DTTS có tỉ lệ lực lượng lao động đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật dưới 5% như La Hủ 1,7% (nam 2,0% và nữ 1,4%), Xtiêng 2,1% (nam 2,8% và nữ 1,3%), Xinh Mun 2,1% (nam 2,9% và nữ 1,3%), Brâu 2,3% (nam 3,0% và nữ 1,5%), Ba Na 2,3% (nam 2,8% và nữ 1,9%)[[13]](#footnote-13).

Lao động nữ DTTS thường làm các công việc không ổn định, dễ bị tổn thương nhiều hơn so với lao động nam DTTS và lao động nữ người Kinh. Có tới 76,4% việc làm của lao động nữ DTTS trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, cao hơn gần 6 điểm phần trăm so với lao động nam DTTS (70,5%) và cao gấp đôi so với lao động nữ cả nước (35,9%). Có 24/53 DTTS có tỉ trọng việc làm của lao động nữ trong nông, lâm nghiệp chiếm trên 90%. Về vị thế trong việc làm, tỉ lệ lao động nữ DTTS làm các công việc “lao động gia đình không hưởng lương” là 52,0%, cao gấp gần 2 lần so với tỉ lệ này của lao động nam DTTS là 26,6% và cao gấp hơn 2,5 lần so với lao động nữ cả nước 19,4%. Đây là nhóm công việc không ổn định, điều kiện làm việc kém hơn so với việc làm ở các khu vực khác và không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc[[14]](#footnote-14).

* 1. ***Tiếp cận cơ hội kinh tế của phụ nữ DTTS***

Phụ nữ DTTS đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ các sản phẩm truyền thống ở vùng DTTS&MN nhưng tỉ lệ hộ DTTS do phụ nữ làm chủ hộ được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội năm 2019 chỉ đạt 15,8%, thấp hơn so với nam giới là chủ hộ (chiếm 20,7%). Giá trị khoản vay của hộ DTTS do phụ nữ làm chủ hộ thấp hơn so với hộ gia đình DTTS do nam giới là chủ hộ; đồng thời thấp hơn đáng kể so với mức cho vay tối đa của Ngân hàng Chính sách nên không đáp ứng điều kiện vay vốn không cần bảo đảm tiền vay[[15]](#footnote-15).

a. ***Giáo dục, đào tạo***

Tiếp cận giáo dục chất lượng vẫn tiếp tục là thách thức đối với trẻ em DTTS. Tỉ lệ huy động trẻ mầm non vùng DTTS&MN giai đoạn 2011-2019 chỉ đạt 56,2% (cả nước đạt 88,5%); Tỉ lệ huy động trẻ nhà trẻ chỉ đạt 11,8% (cả nước đạt 25,8%). Trẻ em DTTS yếu tiếng Việt trong khi giáo viên hạn chế về tiếng dân tộc đã gây cản trở việc huy động trẻ và chất lượng giáo dục mầm non ở vùng DTTS&MN[[16]](#footnote-16).

Tỉ lệ biết đọc, biết viết chữ phổ thông của người DTTS mới đạt 80,9% (nam 86,7%, nữ 75,1%), thấp hơn đáng kể so với người Kinh (nam 97,0%, nữ 94,6%). Ở nhóm tuổi càng cao thì tỉ lệ người DTTS, đặc biệt nữ DTTS, biết đọc, biết viết chữ phổ thông càng thấp. Trong nhóm từ 35-44 tuổi, có tới 30,3% phụ nữ DTTS không biết đọc, biết viết chữ phổ thông[[17]](#footnote-17). Đây là rào cản đối với phụ nữ trung tuổi trong tham gia vào các khóa đào tạo nghề, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư được tổ chức thường xuyên ở địa phương.

Kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội các DTTS Việt Nam năm 2019 cho thấy tỷ lệ người DTTS biết đọc, biết viết chữ phổ thông hiện thấp nhất ở một số dân tộc như: Mảng (46,2%), La Hủ (46,9%), Lự (49,7%), Mông (54,3%) và cao nhất ở các nhóm: Ngái (96,5%), Sán Dìu (95,7%), Mường (95,5%), Tày (94,9%), Thổ (94,9%), Hoa (91,0%) và Nùng (90%).[[18]](#footnote-18) Điều này cần được tính đến khi thiết kế các hoạt động truyền thông đảm bảo phù hợp với trình độ nhận thức, ngôn ngữ khác nhau giữa các nhóm dân tộc.

1. ***Tiếp cận y tế và chăm sóc sức khỏe***

Mặc dù chăm sóc sức khoẻ nói chung và sức khoẻ sinh sản nói riêng cho phụ nữ DTTS đã có nhiều tiến bộ trong thời gian qua, tuy nhiên vẫn còn khoảng cách đáng kể so với phụ nữ Kinh và phụ nữ Hoa. Tỉ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản đã giảm xuống 46 trên 100.000 ca sinh sống vào năm 2019, giảm 23 ca trên 100.000 ca sinh sống so với năm 2009. Mặc dù vậy, tỉ lệ này ở vùng DTTS&MN vẫn cao gấp 3 lần so với cả nước và một số nhóm DTTS vẫn cao gấp bốn lần so với phụ nữ Kinh[[19]](#footnote-19). Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là tỷ lệ phụ nữ DTTS sinh con tại nhà không có bất kỳ hỗ trợ y tế nào cao hơn so với phụ nữ người Kinh[[20]](#footnote-20). Cá biệt, có 3 dân tộc: Mông, Mảng, La Hủ có tỉ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế đạt dưới 50%[[21]](#footnote-21). Có nhiều lý do để phụ nữ lựa chọn sinh con tại nhà, trong đó có yếu tố liên quan đến rào cản ngôn ngữ, tập tục văn hoá lâu đời ở một số DTTS cản trở phụ nữ đến cơ sở y tế khám thai và sinh con[[22]](#footnote-22).

Tỉ lệ phụ nữ DTTS từ 10-49 tuổi sinh con tại cơ sở y tế đạt 86,4%, tăng 22,8% so với năm 2015, tuy nhiên vẫn thấp hơn đáng kể so với phụ nữ Kinh là trên 99%. Đáng chú ý là mức chênh lệch giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn lên tới 12,8 điểm % (thành thị là 98,0% và nông thôn là 85,2%). Đồng thời chênh lệch giữa các vùng kinh tế - xã hội cũng khá lớn; Tây Nguyên có tỉ lệ phụ nữ DTTS từ 10-49 tuổi sinh con tại cơ sở y tế là 84,2%, thấp hơn 14,2 điểm % so với vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 98,4%. Vẫn còn 3 dân tộc có tỉ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế đạt dưới 50% gồm Mông 49,6%, Mảng 44,5% và La Hủ 34,7%[[23]](#footnote-23).

1. ***Tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống***

Mặc dù bị cấm theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vẫn tồn tại dai dẳng trong các DTTS ở Việt Nam[[24]](#footnote-24). Tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng DTTS còn cao, tuổi kết hôn trung bình lần đầu của dân tộc thiểu số là 21,0 tuổi, thấp hơn đáng kể so với toàn bộ dân số (24,9 tuổi). Tỷ lệ tảo hôn trung bình của các DTTS là 26,2%. Đặc biệt có những nhóm tỷ lệ tảo hôn rất cao như nhóm Mông (59,7%), nhóm Khơ mú (44,3%). Tình trạng hôn nhân cận huyết thống vẫn còn với tỷ lệ trung bình là 6,5‰[[25]](#footnote-25).

Việc kết hôn sớm, mang thai và sinh đẻ trong lứa tuổi vị thành niên, khi cơ thể người mẹ chưa phát triển hoàn thiện, thiếu hiểu biết, kinh nghiệm và chưa sẵn sàng về mặt tâm lý gây ảnh hưởng lớn tới sức khỏe bà mẹ, sự phát triển bình thường của thai nhi và trẻ sơ sinh. Hôn nhân cận huyết thống làm suy giảm giống nòi, ảnh hưởng nghiêm trọng tới chất lượng dân số, tạo ra lực cản đối với quá trình phát triển KTXH bền vững của vùng DTTS.

1. ***Bạo lực đối với phụ nữ ở các dân tộc thiểu số***

Phụ nữ DTTS thường chịu bạo lực do chồng hoặc bạn tình gây ra. Các hình thức bạo lực gồm: bạo lực thể xác, bạo lực tình dục, bạo lực tinh thần, bạo lực kinh tế và kiểm soát hành vi. Trong 5 hình thức bạo lực này, phụ nữ DTTS thường bị kiểm soát hành vi và bạo lực kinh tế hơn so với tỷ lệ tương ứng của phụ nữ người Kinh và ít hơn đối với hình thức bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục và/hoặc bạo lực tinh thần. Nhiều phụ nữ DTTS có thái độ chấp nhận bạo lực do người chồng hoặc bạn tình gây ra hơn là phụ nữ người Kinh[[26]](#footnote-26).

1. ***Gánh nặng công việc chăm sóc không được trả công***

Gánh nặng công việc chăm sóc không được trả công trong hộ gia đình DTTS đang đặt nhiều hơn vào phụ nữ và trẻ em gái. Có 74% phụ nữ DTTS và 5% trẻ em gái DTTS thường xuyên đảm nhận công việc đi lấy nước sinh hoạt trong hộ gia đình, so với tỉ lệ tương ứng của cả nước và 65% và 2%. Nhận thức của phụ nữ DTTS và cộng đồng người DTTS bị ảnh hưởng nặng nề của định kiến và khuôn mẫu giới về phân công công việc trong gia đình, áp đặt công việc nội trợ, chăm sóc trẻ em, người già, người ốm trong gia đình là trách nhiệm, nghĩa vụ của phụ nữ[[27]](#footnote-27).

1. ***Tham gia vào hệ thống chính trị***

Tỉ lệ cán bộ công chức là nữ DTTS so với tổng số cán bộ công chức trong cơ quan Đảng còn hạn chế, chỉ chiếm 6,0%; tỉ lệ này trong Hội đồng nhân dân là 7,3%; trong cơ quan hành chính là 11,4% và trong các tổ chức chính trị - xã hội là 15,5%[[28]](#footnote-28). Tỉ lệ này của nữ đều thấp hơn đáng kể so với nam CBCC là người DTTS trong tất cả các lĩnh vực chính trị nêu trên tại các tất cả các vùng kinh tế - xã hội.[[29]](#footnote-29)

1. **Hướng dẫn nhận diện vấn đề giới ở vùng dân tộc thiểu số[[30]](#footnote-30)**

Để giúp nhận diện vấn đề bất bình đẳng giới hoặc các vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em gái ở vùng đồng bào DTTS, có thể sử dụng bài tập thực hành phân tích giới theo lĩnh vực như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lĩnh vực** | **Câu hỏi gợi ý xác định vấn đề giới**  | **Đề xuất giải pháp** |
| Tiếp cận cơ hội kinh tế, việc làm | * Tỉ lệ nam và nữ trong lực lượng lao động người DTTS làm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và dịch vụ?
* Các loại công việc lao động nữ DTTS đang đảm nhận và có khác gì so với loại công việc của lao động nam DTTS và lao động nữ người Kinh?
* Trình độ chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động nữ người DTTS có khác biệt gì so với lao động nam DTTS và lao động nữ người Kinh?
* Các rào cản đối với lao động nữ DTTS khi dịch chuyển việc làm ra khỏi lĩnh vực nông, lâm nghiệp và tiếp cận công việc làm công ăn lương?
 | - Cần thực hiện những giải pháp gì để nam và nữ lao động người DTTS bình đẳng trong cận cơ hội kinh tế và việc làm?- Cần phá bỏ những rào cản gì để tạo điều kiện thuận lợi cho nữ lao động DTTS tiếp cận được các cơ hội kinh tế và việc làm? |
| Giáo dục đào tạo | * Tỉ lệ trẻ nữ DTTS được tới trường so với trẻ em nam DTTS và trẻ em nữ cả nước như thế nào?
* Tỉ lệ biết đọc, biết viết chữ phổ thông của học sinh nữ DTTS so với học sinh nam DTTS và học sinh nữ người Kinh như thế nào?
 | - Cần thực hiện những giải pháp gì để trẻ em nữ DTTS được tiếp cận cơ hội giáo dục và đào tạo?- Cần phá bỏ những rào cản nào để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh nữ DTTS tiếp cận cơ hội giáo dục và đào tạo? |
| Chăm sóc sức khỏe | * Tỉ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản của phụ nữ DTTS như thế nào so với phụ nữ Kinh
* Tỉ lệ phụ nữ DTTS từ 10-49 tuổi sinh con tại cơ sở y tế như thế nào so với phụ nữ Kinh
* Nguyên nhân của chênh lệch trong chăm sóc sức khoẻ giữa phụ nữ DTTS và phụ nữ Kinh
 | - Cần thực hiện những giải pháp gì để giảm thiểu tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản?- Cần phá bỏ những rào cản nào để khích lệ phụ nữ DTTS sinh con tại cơ sở y tế? |
| Hôn nhân và gia đình | * Tình trạng tảo hôn của nam và nữ DTTS như thế nào? Nguyên nhân dẫn đến tình trạng tảo hôn?
* Tình trạng bạo lực đối với phụ nữ DTTS như thế nào? Nguyên nhân?
* Gánh nặng công việc chăm sóc không được trả công của phụ nữ và trẻ em gái trong hộ gia đình DTTS như thế nào? Nguyên nhân?
 | - Cần thực hiện những giải pháp gì để ngăn chặn tình trạng tảo hôn của nam và nữ ở vùng DTTS?- Cần thực hiện những giải pháp gì để phòng chống bạo lực đối với phụ nữ DTTS?- Cần thực hiện những giải pháp gì để thúc đẩy chia sẻ việc nhà giữa nam và nữ DTTS? |
| Tiếp cận thông tin và trợ giúp pháp lý | * Tỉ lệ phụ nữ DTTS tiếp cận với các dịch vụ trợ giúp pháp lý như thế nào so với nam giới DTTS?
* Những khó khăn rào cản đối với nữ DTTS khi tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý.
 | - Cần thực hiện những giải pháp gì để tăng cường tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý của phụ nữ DTTS?- Cần xóa bỏ các rào cản nào để tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ DTTS tiếp cận dịch vụ pháp lý? |
| Tham gia vào hệ thống chính quyền cơ sở và phát triển | * Tỉ lệ cán bộ công chức là nữ DTTS so với tống số cán bộ công chức trong cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính như thế nào?
* Những khó khăn và rào cản đối với nữ DTTS khi tham gia cơ quan Đảng, Hội đồng nhân nhân và cơ quan hành chính như thế nào?
 | - Cần thực hiện những giải pháp gì để tăng tỉ lệ nữ DTTS trong các vị trí quản lý?- Cần xóa bỏ các rào cản nào để tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ DTTS tham gia các vị trí lãnh đạo? |

## NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS & MN

1. **Một số nội dung hoạt động thực hiện Bình đẳng giới tại vùng đồng bào DTTS & MN**

Nghị quyết Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII (nhiệm kỳ 2022-2027) xác định việc triển khai thực hiện Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021 – 2030 là nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện bình đẳng giới tại vùng đồng bào DTTS & MN, với 04 nội dung, bao gồm:

 ***- Nội dung số 01:*** Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

***- Nội dung số 2:*** Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

***- Nội dung số 3:*** Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

***- Nội dung số 04:*** Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

1. **Các nhiệm vụ, giải pháp**

- Chú trọng triển khai các mô hình hỗ trợ thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết vấn đề cấp thiết đối với PN &TE tại vùng đồng bào DTTS &MN, vùng biên giới: mô hình Tổ truyền thông cộng đồng ứng dụng truyền thông trên nền tảng số; Địa chỉ tin cậy; Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi” và thí điểm ứng dụng khoa học công nghệ cho mô hình sinh kế do phụ nữ DTTS làm chủ (tổ/nhóm/hợp tác xã) trong sản xuất, kết nối tiêu thụ sản phẩm; thí điểm mô hình hỗ trợ; thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng tại các cấp, qua hệ thông loa phát thanh xã/phường và kênh thông tin của các cấp Hội; tổ chức các chiến dịch truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, hội thi, liên hoan nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” xóa bỏ định kiến giới, khuôn mẫu giới và những tập tục văn hóa có hại đối với phụ nữ và trẻ em (trong đó, chú trọng truyền thông bằng tiếng dân tộc).

- Tổ chức hội thảo/diễn đàn chia sẻ, vận động nhân rộng mô hình, hoạt động hiệu quả thúc đẩy bình đẳng giới và tiếp tục vận động chính sách giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS & MN; tổ chức các cuộc đối thoại chính sách tại các cấp và các diễn đàn, đối thoại cụm thôn bản vùng đặc biệt khó khăn.

- Phối hợp, phát huy thế mạnh với các ban, ngành liên quan trong triển khai thực hiện các mô hình, hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới tại vùng đồng bào DTTS &MN gắn với chức năng nhiệm vụ của các ngành; vận động các ngành thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách liên quan hỗ trợ phát triển vùng đồng bào DTTS & MN do ngành chủ trì.

- Vận động các tổ chức quốc tế hỗ trợ, đồng hành với Hội trong quá trình tổ chức thực hiện các mô hình, hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới và trong các hoạt động xây dựng, đề xuất các chính sách hỗ trợ giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ, trẻ em tại vùng đồng bào DTTS &MN

- Chú trọng tập huấn xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn về lồng ghép giới cho Hội LHPN các tỉnh, thành và nâng cao nhận thức, năng lực thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị.

- Đẩy mạnh công tác phối hợp với các bộ, ban, ngành liên quan trong triển khai các nội dung, nhiệm vụ của dự án thông qua cơ chế ký kết chương trình/kế hoạch phối hợp theo giai đoạn, hàng năm với các hoạt động cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành.

- Giám sát và phản biện xã hội đối với các chính sách hỗ trợ phụ nữ tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo chức năng nhiệm vụ của tổ chức Hội. Kiểm tra, giám sát thường xuyên đối với các cấp Hội việc triển khai các nhiệm vụ của dự án đảm bảo đúng đối tượng, địa bàn, nội dung và đúng qui định.

1. **DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC CÓ LIÊN QUAN, CÁC CHỈ ĐẠO CỦA HỘI VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO**
2. ***Các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước liên quan***

*-* Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20 tháng 1 năm 2018 của Ban Bí thư “Về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong thời kỳ mới”;

- Kết luận số 65/KL-TW, ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác dân tộc trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

- Nghị quyết số [12/NQ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-quyet-12-nq-cp-2020-thuc-hien-nghi-quyet-88-2019-qh14-de-an-phat-trien-kinh-te-mien-nui-434701.aspx) ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

- Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

1. ***Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam triển Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”***

- Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT, ngày 28/7/2022của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Namhướng dẫnthực hiện Dự án 8 “*Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em” và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)*

- Các tài liệu hướng dẫn triển khai các mô hình, hoạt động thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ, trẻ em, gồm:

(1) Tài liệu Hướng dẫn thành lập và vận hành "Địa chỉ tin cậy”.

(2) Tài liệu Hướng dẫn thành lập và vận hành mô hình Câu lạc bộ "Thủ lĩnh của sự thay đổi".

(3) Sổ tay hướng dẫn hoạt động Tổ truyền thông cộng đồng (Dành cho Tuyên truyền viên Tổ truyền thông cộng đồng).

(4) Tài liệu hướng dẫn thành lập, vận hành Tổ truyền thông cộng đồng (Dành cho cán bộ Hội LHPN Việt Nam các cấp).

(5) Sổ tay hướng dẫn hoạt động “Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số”.

(6) Tài liệu hướng dẫn giám sát, đánh giá Dự án 8 và thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn I: từ năm 2021 – 2025.

(7) Sổ tay hướng dẫn đối thoại chính sách.

(8) Tài liệu kỹ năng lãnh đạo, quản lý dành cho cán bộ nữ dân tộc thiểu số cấp huyện, xã.

(9) Tài liệu tập huấn phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ các cơ quan cấp tỉnh.

(10) Tài liệu tập huấn phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ các cơ quan cấp cấp huyện, xã.

(11) Tài liệu tập huấn phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ thôn/bản.

(12) Sổ tay hướng dẫn tuyên truyền, vận động, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, di cư hồi hương trở về.

***3. Tài liệu tham khảo***

1. UN Women, Ủy ban Dân tộc, Viện Khoa học Lao động và Xã hội, Australian Aid, (2021), Báo cáo Số liệu về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam giai đoạn 2015-2019.

2. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban Dân tộc (2019), Để phụ nữ DTTS không bị bỏ lại phía sau”.

3. UN Women, Ủy ban Dân tộc, Viện Khoa học LĐ&XH, Australian Aid, (2021), Tóm tắt chính sách: Các vấn đề giới trong vùng DTTS ở VN": <https://vietnam.un.org/sites/default/files/2021-08/Tom%20Tat%20Chinh%20Sach%2020x20cm%20VIE%200106.pdf>

4. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy ban Các vấn đề Xã hội của Quốc hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2020), Thúc đẩy lồng ghép giới trong Chương trình MTQG về phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

5. Tổng cục Thống kê, Ủy ban Dân tộc (2019), Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019.

6. Quyết địnhsố 1719*/*QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình MTQG PTKTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025.

# CHUYÊN ĐỀ 4

# PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NỮ CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, NỮ TU TÔN GIÁO THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI LHPN VIỆT NAM

1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM
2. **Chức sắc**

Theo Đại từ điển Tiếng Việt, do Nguyễn Văn Ý chủ biên, Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin, ấn hành năm 1998: “Chức sắc là người có chức vị trong một số tôn giáo”. Trong Từ điển Hán - Việt của Đào Duy Anh biên soạn, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, phát hành năm 1996 định nghĩa: “Chức sắc là chức - phẩm”. Như vậy, chức sắc gồm có chức vị và phẩm hàm. Trên cơ sở đó, trước đây chúng ta nhìn nhận: Chức sắc tôn giáo trước hết là những nhà tu hành tôn giáo và có chức vị, phẩm hàm do tổ chức giáo hội tôn giáo phong hoặc suy tôn, suy cử.

Tại Khoản 8, Điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo quy định: *"Chức sắc là tín đồ được tổ chức tôn giáo phong phẩm hoặc suy cử để giữ phẩm vị trong tổ chức".*

Trong từng tôn giáo, cách hiểu trước đây về chức sắc tôn giáo như sau:

+ Đối với đạo Phật: chức sắc là các vị có chức vị trong hệ thống tổ chức giáo hội và có giới phong giáo phẩm từ: Đại đức, thượng toạ, hoà thượng (đối với tăng) và các vị: Sư cô, ni sư, ni trưởng (đối với ni).

+ Đối với đạo Công giáo: là các vị có chức vị trong hệ thống tổ chức giáo hội, hội dòng và sắc phong, phẩm hàm, giáo phẩm: Linh mục, tu sĩ nam nữ, giám mục phụ tá, giám mục phó, giám mục, tổng giám mục, hồng y.

+ Đối với đạo Tin Lành: là các vị có chức vị trong hệ thống tổ chức giáo hội, hội thánh và phẩm hàm: Truyền đạo (Giảng sư) và Mục sư.

+ Đối với đạo Cao Đài là các vị có chức vị trong hệ thống tổ chức hội thánh và phẩm hàm từ Giáo hữu trở lên (Giáo hữu, giáo sư, phối sư, đầu sư...). Ngoài ra, với mỗi phẩm hàm đó lại bao gồm 3 ngành: Thái (ngành Đạo - áo xanh); Thượng (ngành Phật - áo vàng); Ngọc (ngành Nho - áo đỏ).

+ Đối với đạo Hồi: là các vị Imâm, Giáo cả (Hakim), phó Giáo cả (Naeb Hakim) và có chức vị trong Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo, các vị là Trưởng ban quản trị thánh đường hoặc khu vực…

+ Đối với Minh Sư đạo: Các vị có phẩm hàm Thái Lão sư, Đại Trưởng lão, Đại Lão sư, Lão sư, Bảo ân, Dẫn ân, Chứng ân, Thiên ân tham gia trong Hội đồng Trưởng lão, Ban Trị sự Giáo hội ở cấp Trung ương; tỉnh, thành phố và Phật đường.

+ Đối với Minh Lý đạo - Tam Tông Miếu: Các vị có phẩm hàm Giác Tịnh sư, Siêu Tịnh sư/cô, Vĩnh Tịnh sư/cô, Khiết Tịnh sư/cô, Thanh tịnh sư/cô và Tâm Tịnh sư/cô tham gia trong Hội đồng Hội thánh, Viện Bảo đạo và Viện Hành đạo (Ban Quản trị, Cửu vụ và các Chi đạo).

+ Đối với Phật giáo Hoà Hảo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, đạo Tứ ân Hiếu nghĩa, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, đạo Baha'i ở Việt Nam…: không có chức sắc mà chỉ có chức việc.

1. **Chức việc**

Trước đây trong các tài liệu và trong hoạt động thực tiễn công tác tôn giáo nhìn nhận Chức việc là các vị tín đồ được cộng đồng một tôn giáo ở cơ sở bầu ra hoặc được uỷ nhiệm, phân công nhằm phụ trách một số sinh hoạt đạo, đời nào đó hoặc giữ gìn an ninh trật tự ở cơ sở tôn giáo… Họ không phải là chức sắc, cũng không phải là nhà tu hành chuyên nghiệp. Ví dụ: các vị chánh trương, trùm trưởng (trong đạo Công giáo); các vị Trưởng ban hộ tự (trong đạo Phật); các vị tín đồ trong Ban cai quản thánh thất (đạo Cao Đài)…

 Tại Khoản 9 Điều 2 của Luật Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định: *"Chức việc là người được tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo bổ nhiệm, bầu cử hoặc suy cử để giữ chức vụ trong tổ chức".*

1. **Nhà tu hành** (bao hàm cả nữ tu tôn giáo)

Trước khi Luật Tín ngưỡng tôn giáo ra đời, khái niệm Nhà tu hành được dùng để chỉ những người tu hành chuyên nghiệp của các tôn giáo, kể cả trong tổ chức giáo hội, dòng tu, tu viện, các trường đào tạo… của tôn giáo hoặc có thể ngoài đời (tu tại gia) không phân biệt chức vị và phẩm hàm tôn giáo của họ. Như vậy, khái niệm nhà tu hành tôn giáo chỉ một phạm vi rộng hơn, bao trùm hơn khái niệm chức sắc tôn giáo.

Luật tín ngưỡng, tôn giáo được ban hành, tại Khoản 7, Điều 2 của Luật quy định: *"Nhà tu hành là tín đồ xuất gia, thường xuyên thực hiện nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật và quy định của tổ chức tôn giáo".*

## PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NỮ CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, NỮ TU CÁC TÔN GIÁO THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI LHPN VIỆT NAM

* 1. **Sự cần thiết trong phát huy vai trò nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo tham gia các hoạt động của Hội LHPN Việt Nam**

Nữ chức sắc, chức việc, nữ tu là những người có vai trò, uy tín và ảnh hưởng lớn trong quần chúng tín đồ ở các khu dân cư theo tôn giáo. Tiếng nói của họ có trọng lượng lớn, có lúc có nơi giữ vai trò quan trọng đến lập trường, tư tưởng và thái độ của tín đồ. Vì vậy công tác vận động nữ chức sắc, chức việc, nữ tu các tôn giáo có một ý nghĩa rất quan trọng trong công tác tôn giáo nói chung và công tác vận động phụ nữ tôn giáo nói riêng. Làm tốt công tác vận động nữ chức sắc, chức việc, nữ tu sẽ góp phần tích cực trong việc vận động tín đồ, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngược lại, làm tốt công tác vận động quần chúng tín đồ sẽ góp phần tạo ra môi trường xã hội thuận lợi để tiến hành công tác vận động nữ chức sắc, chức việc, nữ tu đạt hiệu quả.

Vận động nữ chức sắc, chức việc, nữ tu, tín đồ tôn giáo là tuyên truyền, giải thích nhằm thuyết phục nữ chức sắc, chức việc, nữ tu, tín đồ tôn giáo thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng...; tham gia tích cực các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động của Hội LHPN tại địa phương; sống “tốt đời, đẹp đạo”, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Công tác vận động đối với phụ nữ có tôn giáo, vừa trực tiếp là công tác vận động nữ chức sắc, chức việc, nữ tu, tín đồ tôn giáo; đồng thời gián tiếp thông qua việc xây dựng và triển khai thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật... phù hợp đối với phụ nữ có tôn giáo.

* 1. **Khái quát thực trạng tham gia hoạt động Hội của nữ chức sắc, chức việc, nữ tu các tôn giáo hiện nay**

Theo số liệu thống kê năm 2021 của Ban Tôn giáo Chính phủ: chức sắc các tôn giáo là hơn 54 nghìn người (trong đó nữ chiếm khoảng 20%), chức việc là 135 nghìn người (trong đó nữ chiếm khoảng 30 - 40%). Trong công tác Hội, việc thu hút các chức sắc, chức việc, nữ tu, nữ tín đồ tham gia Ủy viên BCH Hội LHPN các cấp được quan tâm trong tất cả các nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ 2017 - 2022, cấp TW 4 người, cấp tỉnh 24 người, cấp huyện 79 người, cấp cơ sở 2.186 người. Qua đó, đã phát huy vai trò nòng cốt của các Uỷ viên BCH trong công tác tuyên truyền, vận động PNTTG gương mẫu thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương; vận động phụ nữ theo các tôn giáo hưởng ứng các phong trào thi đua, cuộc vận động, các nhiệm vụ của Hội; Phát huy vai trò nòng cốt thu hút, tập hợp chị em tín đồ tham gia công tác Hội, góp phần xây dựng cơ sở Hội vững mạnh. Nhiệm kỳ 2022 - 2027, số chức sắc, chức việc, nữ tu, nữ tín đồ tham gia vào Ban Chấp hành Hội LHPN các cấp là: **8.203 người**, trong đó cấp Trung ương là **03 người** (Phật giáo, Công giáo, Cao Đài), cấp tỉnh **69 người**, cấp huyện **471 người**, cấp cơ sở **7.660 người**[[31]](#footnote-31).

Phát huy truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam, các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu các tôn giáo luôn gương mẫu, nêu cao tinh thần đoàn kết, nhân ái gắn bó cộng đồng. Các chị đã có những kinh nghiệm hay, sáng tạo, đạt hiệu quả cao trong công tác vận động phụ nữ và nhân dân chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, xứng đáng là lực lượng cốt cán phong trào phụ nữ trong các tôn giáo. Trong công tác vận động PNTG đoàn kết, đồng lòng tích cực học tập, lao động sáng tạo xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng văn hóa, xã hội văn minh tiến bộ, các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu các tôn giáo đã phát huy tốt vai trò của mình. Cụ thể như sau:

Nắm bắt tình hình tư tưởng, đời sống, tâm tư, nguyện vọng của hội viên, phụ nữ, kịp thời phản ánh và đề xuất với các cấp chính quyền có biện pháp giải quyết. Phát huy vai trò của mình, các chị đã tích cực trong công tác tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ là tín đồ tôn giáo thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước thông qua nhiều hình thức. Tích cực, gương mẫu thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương góp phần đưa chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đặc biệt về tín ngưỡng, tôn giáo vào cuộc sống, nắm bắt tình hình tư tưởng, đời sống, tâm tư, nguyện vọng của hội viên, phụ nữ, kịp thời phản ánh và đề xuất với các cấp chính quyền có biện pháp giải quyết. Các hoạt động tuyên truyền vận động thực hiện nếp sống văn hóa được tổ chức linh hoạt, sinh động, phong phú, lồng ghép trong các buổi sinh hoạt tôn giáo. Nhiều chị tích cực tuyên truyền để phụ nữ hiểu không theo đạo trái phép, mê tín dị đoan, khiếu kiện đông người, biết phân biệt âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch, không nghe theo, làm theo lời kẻ xấu; không theo đạo trái phép, mê tín dị đoan, khiếu kiện đông người; vận động người thân không tham gia các hoạt động trái pháp luật, góp phần giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Tích cực vận động phụ nữ theo các tôn giáo hưởng ứng các phong trào thi đua, cuộc vận động, các nhiệm vụ trọng tâm của Hội với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả: Trong quá trình hoạt động, các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu các tôn giáo đã cùng Hội LHPN các cấp tích cực tuyên truyền vận động phụ nữ hưởng ứng phong trào thi đua do TW Hội phát động. Hướng dẫn, hỗ trợ chị em phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững; thực hiện nếp sống văn minh, chủ động đấu tranh xóa bỏ hủ tục, tập quán lạc hậu, phòng chống việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo. Đặc biệt, các chị chức sắc, chức việc đã cùng BCH Hội LHPN các cấp tại địa phương đã linh hoạt, sáng tạo trong triển khai các hoạt động hỗ trợ phụ nữ tôn giáo phát triển kinh tế bằng nhiều hình thức phong phú đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương: Thành lập các CLB, mô hình phát triển kinh tế; các tổ, nhóm tiết kiệm; hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, hỗ trợ phụ nữ tham gia học nghề, chuyển giao KHKT và giải quyết việc làm; giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ; hỗ trợ xây dựng và sửa chữa “Mái ấm tình thương”; Tuyên truyền vận động phụ nữ tích cực tham gia chung tay xây dựng nông thôn mới; vận động gia đình hội viên hiến đất làm đường, duy trì và xây dựng hàng trăm mô hình tham gia xây dựng nông thôn mới.

Phát huy vai trò nòng cốt thu hút, tập hợp chị em tín đồ tham gia công tác Hội, góp phần tích cực xây dựng và phát triển tổ chức Hội cơ sở vững mạnh: Căn cứ vào tình hình thực tế, các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu đã tổ chức nhiều hoạt động phù hợp nguyện vọng của phụ nữ tôn giáo để thu hút phụ nữ địa bàn tôn giáo vào tổ chức Hội, nâng chất lượng hoạt động cơ sở Hội vùng tôn giáo với nhiều hình thức, cách làm mới, mô hình hiệu quả; từng bước đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của hội viên, phụ nữ tôn giáo, tạo điều kiện để chị em được trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về cách tổ chức cuộc sống gia đình, phát triển kinh tế, nuôi dạy con... Vì vậy, đã thu hút sự tham gia tích cực của phụ nữ tôn giáo. Hội viên tôn giáo năm 2022 là 1.654.803[[32]](#footnote-32).

Trong công tác từ thiện nhân đạo, chức sắc, chức viện và nữ tu tôn giáo là UV BCH Hội LHPN các cấp đã tích cực tham gia và vận động phụ nữ tôn giáo hưởng ứng bằng các hình thức thiết thực như: thành lập các trung tâm nuôi dạy trẻ em mồ côi, trẻ có hoàn cảnh khó khăn; mở các phòng khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí cho người nghèo; ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số khó khăn; xây dựng nhà tình thương; chăm sóc người già không nơi nương tựa; tổ chức quyên góp, ủng hộ cuộc vận động hướng về Biển đảo quê hương...

Những đóng góp của các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu các tôn giáo đã góp phần làm cho chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, các phong trào thi đua và cuộc vận động của Hội Phụ nữ nhanh chóng đi vào cuộc sống.

*Những thuận lợi, khó khăn của nữ chức sắc, chức việc các tôn giáo khi tham gia hoạt động Hội:*

Cũng như tất cả các tín đồ trong tôn giáo, các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu các tôn giáo tự nguyện đến với tôn giáo với một đức tin mãnh liệt, sẵn sàng dâng cả cuộc đời sứ mệnh của tín đồ để phục vụ cho tôn giáo. Nữ chức sắc, chức việc, nữ tu các tôn giáo có trách nhiệm vận động, thu hút các tín đồ tham gia các hội đoàn, các hoạt động tôn giáo khác. Ngoài ra họ chăm sóc cho các tín hữu, trong đó có cả các nữ tín hữu về mọi mặt của đời sống: tâm linh, tinh thần và thuộc thể. Họ giúp cho các Ban ngành trong Giáo hội, giáo xứ, Hội Thánh, chùa hoạt động và phát triển tốt đẹp.

Một số giáo lý, giáo luật, phương châm và đường hướng hoạt động của các tôn giáo tương đồng với phong trào thi đua, nhiệm vụ của tổ chức Hội với mục đích gắn bó với dân tộc, xây dựng quê hương đất nước, như Công giáo “ Sống phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”, Phật giáo “Đạo pháp dân tộc và chủ nghĩa xã hội”, Tin lành “ Sống phúc âm, phụng sự thiên chúa, phục vụ tổ quốc và dân tộc”… Vì vậy, các hoạt động của Hội phụ nữ được chức sắc, chức việc, nữ tín đồ tôn giáo ủng hộ, tham gia tích cực. Đây cũng là yếu tố thuận lợi để Hội khai thác, lồng ghép tuyên truyền nội dung hoạt động Hội trong các buổi sinh hoạt tôn giáo, giúp chủ trương, nghị quyết của Hội đi vào đời sống phụ nữ tôn giáo. Vì vậy, các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu đặc biệt là các chị tham gia hoạt động Hội với vai trò là ủy viên Ban chấp hành Hội LHPN các cấp đóng vai trò quan trọng là cầu nối giữa Hội LHPN với tổ chức tôn giáo. Nhiều chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức tôn giáo, chủ động, tích cực vận động tín đồ tham gia phong trào thi đua, Cuộc vận động và các hoạt động Hội góp phần xây dựng tổ chức Hội vững mạnh ở địa phương.

Tuy nhiên, trong tham gia các hoạt động Hội, các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo cũng gặp một số khó khăn như: Một số giáo lý, giáo luật của các tôn giáo gây khó khăn trong công tác vận động phụ nữ tôn giáo: giáo lý đạo Công giáo khuyến khích phụ nữ không sử dụng các biện pháp tránh thai bằng can thiệp y học, vì vậy tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên của phụ nữ Công giáo cao. Bên cạnh đó, các tôn giáo có nhiều ngày lễ, cầu nguyện nên hạn chế tham gia các hoạt động xã hội, ảnh hưởng đến công tác vận động phụ nữ tôn giáo tham gia sinh hoạt Hội. Các nữ chức sắc, chức việc tôn giáo thường bị chi phối ràng buộc bởi các quy định của giáo lý tôn giáo. Chính đức tin và tình cảm tôn giáo đã khiến họ đặt việc thực hiện nghĩa vụ tín đồ lên trên hết. Đối với nữ tu (Công giáo), ni sư (Phật giáo)... thực hiện phương châm cống hiến trọn đời cho đạo pháp nên ít tham gia các hoạt động xã hội, trong đó có các hoạt động của Hội phụ nữ.

* 1. **Mục tiêu vận động nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo**

Mục tiêu vận động nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo nói chung chính là tuyên truyền, giải thích nhằm thuyết phục nữ chức sắc, chức việc, nữ tu, tín đồ tôn giáo thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng... của địa phương, cơ sở; tham gia tích cực vào các phong trào thi đua yêu nước, sống “tốt đời, đẹp đạo”, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Công tác vận động nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo chính là gián tiếp vận động phụ nữ là tín đồ các tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngược lại, vận động tốt phụ nữ là tín đồ các tôn giáo sẽ góp phần tạo ra môi trường xã hội thuận lợi để vận động nữ chức sắc, chức việc, nữ tu các tôn giáo xây dựng tổ chức tôn giáo trong sáng, hướng thiện, gắn bó, đồng hành với dân tộc.

 Đối với Hội LHPN Việt Nam, vận động các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tiêu biểu các tôn giáo tham gia Ban chấp hành Hội LHPN các cấp nhằm tranh thủ, vận động sự tham gia của họ trong công tác vận động phụ nữ tín đồ các tôn giáo tham gia hoạt động Hội, đồng thời xây dựng đội ngũ cốt cán, nòng cốt tôn giáo, mở rộng và phát huy lực lượng người tiêu biểu có uy tín trong các tôn giáo.

## NỘI DUNG VẬN ĐỘNG, TẬP HỢP NỮ CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC VÀ NỮ TU CÁC TÔN GIÁO

* 1. **Vận động, tập hợp tham gia các hoạt động chính trị, xã hội**

Trước hết, cán bộ các cấp Hội phải xây dựng mối quan hệ thực sự gần gũi, thân thiện với nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo. Trong công tác tôn giáo, chủ trương của Đảng chỉ rõ: cần phải “Chủ động, tích cực tiếp xúc với các chức sắc để tăng cường sự hiểu biết, cởi mở, chân thành, tạo niềm tin cho tín đồ các tôn giáo hiểu, đồng tình, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, tích cực tham gia xây dựng khối đoàn kết dân tộc...”. Trong những năm qua, nhiều cách thức, mô hình vận động hiệu quả được hệ thống Hội các cấp thực hiện như: tổ chức đối thoại, gặp mặt, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật; thăm hỏi, động viên nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo nhân các ngày lễ trọng của tôn giáo, các sự kiện lịch sử của đất nước, địa phương; vận động, phối hợp, tạo điều kiện để các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo tham gia vào các hoạt động xã hội, giao lưu văn hóa, thể thao, tham quan, học tập; tuyên dương các điển hình nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo, cốt cán tiêu biểu... tạo được mối quan hệ gắn bó, đồng thuận giữa hệ thống Hội các cấp với nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo. Thực tiễn cho thấy, nơi nào có quan hệ ứng xử cởi mở, hiểu biết lẫn nhau với nữ chức sắc, chức việc, nữ tu, tín đồ tôn giáo thì nơi đó hoạt động tôn giáo ổn định, các phong trào thi đua yêu nước trong đồng bào tôn giáo được đẩy mạnh, ít xảy ra các “điểm nóng” tôn giáo.

Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tự giác nhận thức và tự nguyện thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, cơ sở tôn giáo, tổ chức Hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thường xuyên vận động chức sắc, nữ tu đoàn kết, gắn bó với hội viên, phụ nữ tín đồ và cùng với toàn dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng của đất nước và các địa phương.

Về nội dung vận động chính trị - xã hội, cần tập trung vào một số vấn đề sau:

- Quan tâm bồi dưỡng, giúp đỡ để tăng thêm số người tích cực làm tốt cả “việc đạo, việc đời”; tranh thủ để có thêm sự đồng tình ủng hộ của những người hoạt động thuần tuý tôn giáo; đấu tranh, giáo dục, phân hoá, thu hẹp số người có quan điểm và hành vi chống đối, không đồng tình hoặc làm trái với chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Cần phải nắm được đặc điểm, vị trí, phẩm trật, vai trò của nữ chức sắc, chức việc trong mỗi tổ chức tôn giáo; xây dựng quan hệ cởi mở, gần gũi và ứng xử chân tình với nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo; thường xuyên thăm hỏi, động viên, gặp gỡ, đối thoại, xây dựng thái độ quan hệ hợp tác tốt; tạo điều kiện cho nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo hoạt động tôn giáo thuận lợi theo các quy định của hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước chấp thuận và đúng pháp luật. Thường xuyên cung cấp thông tin, truyền đạt, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, kế hoạch của chính quyền địa phương, cơ sở để các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo hiểu rõ và đồng tình, ủng hộ, thông qua họ để tuyên truyền, vận động tín đồ thực hiện. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho tổ chức giáo hội, nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo trong các hoạt động xã hội, từ thiện, nhân đạo; vận động, giới thiệu một số nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo tiêu biểu tham gia các cơ quan dân cử: Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội LHPN Việt Nam và Ban Chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội, tạo thuận lợi cho việc triển khai các chủ trương công tác ở địa phương, động viên nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo, tín đồ làm tốt nghĩa vụ công dân; thông qua các quan hệ khác nhau mà vận động nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo... Qua đó phát huy tinh thần yêu nước, gắn bó với dân tộc và ý thức công dân của nữ chức sắc, nữ tu tôn giáo, đặc biệt là các vị chức sắc chức việc cao cấp đứng đầu các tôn giáo ở trung ương cũng như ở địa phương.

Đồng thời, phải kịp thời nhắc nhở, góp ý, phê bình với những nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo có hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động vi phạm pháp luật; đấu tranh kiên quyết với các đối tượng cực đoan tuyên truyền xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, kích động gây mất an ninh trật tự, chia rẽ đoàn kết dân tộc. Khi tiến hành cần lưu ý phải tuyên truyền, giải thích để đông đảo chức sắc, tín đồ hiểu và đồng thuận.

- Tổ chức tuyên truyền, giới thiệu, học tập các chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đối với nữ chức sắc, chức việc nữ tu tôn giáo, đặc biệt là các chủ trương, chính sách liên quan đến tôn giáo. Ngoài ra cần có kế hoạch thường xuyên và định kỳ thông tin về tình hình hội viên, phụ nữ tín đồ trong tổ chức Hội để họ cùng tham gia các hoạt động Hội, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, phát triển đất nước.

- Tăng cường, mở rộng các hình thức tiếp xúc, gặp gỡ giữa các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo tại địa phương là Ủy viên Ban chấp hành Hội LHPN để tạo mối quan hệ thân tình, gắn bó.

* 1. **Vận động giữ gìn, phát huy nét đẹp văn hoá, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo**

Trước hết là vận động các nữ nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo thực hiện tự do tín ngưỡng tôn giáo trên cơ sở tôn trọng chính sách pháp luật; góp phần gìn giữ, bồi dưõng, phát huy các yếu tố nhân văn trong sáng, lành mạnh và hướng thiện, nâng cao đời sống tinh thần và giá trị con người, góp phần xây dựng nền văn hoá mới, tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Trên cơ sở đó, phân biệt và khắc phục, loại trừ dần mê tín, hủ tục cùng các yếu tố hư xấu, độc hại về tinh thần liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

- Tổ chức các hoạt động thăm hỏi, động viên, chúc mừng các nữ chức sắc tôn giáo tiêu biểu, là Ủy viên BCH Hội LHPN các cấp nhân các ngày lễ trọng của tôn giáo, những ngày Lễ Tết của dân tộc. Quan tâm giúp đỡ các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo trong mọi hoàn cảnh, nhất là với những người có công, diện gia đình có công, gia đình chính sách. Tuỳ theo điều kiện cụ thể của địa phương, có thể tổ chức cho các nữ chức sắc, nữ tu các tôn giáo là Ủy viên Ban Chấp hành Hội LHPN các cấp đi tham quan các di tích lịch sử văn hoá dân tộc, các danh lam thắng cảnh và thăm hỏi nhau nhân các ngày lễ trọng của dân tộc và tôn giáo để tăng cường đoàn kết giữa các tôn giáo, thiết thực tham gia các hoạt động Hội... Kết hợp khi triển khai các hoạt động đó với việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nội dung các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động của Mặt trận, các đoàn thể; đồng thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và những đề xuất, kiến nghị của đồng bào tôn giáo.

- Vận động nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo tích cực tham gia công tác an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, các hoạt động xã hội hóa y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội, dạy nghề, đối ngoại nhân dân tôn giáo... theo quy định của pháp luật, và có hình thức thích hợp để ghi nhận đóng góp tích cực của các tôn giáo.

- Vận động, đoàn kết nữ nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo các tôn giáo tích cực tham gia các phong trào, các cuộc vận động do Hội phát động trong nhiệm kỳ 2022 - 2027.

* 1. **Phương thức vận động**
	2. ***Vận động, tranh thủ cá biệt và vận động cộng đồng***

- Vận động cá biệt: Nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo tôn giáo nói chung và nữ chức sắc, nữ tu các tôn giáo nói riêng có vai trò và đặc điểm cá thể rất rõ rệt, sâu sắc. Sự tu tập của riêng từng người là điều kiện và phương thức sinh hoạt tôn giáo cơ bản của họ. Trong quá trình vận động, cần chú ý đến việc vận động từng cá nhân, vận động cộng đồng cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, quyền lợi vật chất tinh thần, tâm lý, quan hệ... của họ. Trong công tác này cần chú ý đến hai vấn đề sau:

 *Một là,* phải tiếp cận, vận động từng nhóm, từng tập thể nhỏ nữ chức sắc, nữ tu (là các dòng tu, hội đoàn tôn giáo…), chú ý tới đặc điểm cá nhân trong quá trình tu tập, tư tưởng, tâm lý, tình cảm, quyền lợi và về tổ chức của họ.

*Hai là,* phải tiếp cận, vận động các tổ chức tôn giáo, các giáo hội trong tình hình mới, chú ý tới việc tìm hiểu rõ về đường hướng, chương trình hành đạo và tham gia hoạt động xã hội - cũng như đối với tổ chức và nhân sự của từng tôn giáo.

- Vận động cộng đồng: Trong điều kiện xã hội hiện nay, các tôn giáo là thiết chế hợp pháp, có vai trò, vị trí và quyền lợi – trách nhiệm bình đẳng như các thành phần xã hội khác. Vận động cộng đồng chính là vận động giáo hội, các tổ chức tôn giáo. Vấn đề này đòi hỏi phải có yêu cầu nội dung và hình thức, phương pháp vận động thích hợp với đường hướng, chương trình hành đạo và tham gia hoạt động xã hội.

* 1. ***Vận động trực tiếp và vận động gián tiếp***
		1. *Vận động trực tiếp*

Hai điều kiện đầu tiên để vận động trực tiếp là *hiểu* và *gần* đối tượng. Trong quá trình vận động các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo, cần nắm rõ đặc điểm, tính chất, tâm lý, lợi ích, quan hệ... và thiết lập được quan hệ từ bình thường đến tin cậy với các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo. Vận động trực tiếp các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo phải chú ý các mặt tác động: nhận thức (giác ngộ), pháp luật (cơ chế), và lợi ích (cả tinh thần, vật chất và xã hội).

Đối với nhận thức: Cần làm cho các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo hiểu rõ quan điểm của Đảng, quy định trong chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng tôn giáo, đặc biệt là hiểu và tuân theo đúng Luật Tín ngưỡng Tôn giáo; quyền và nghĩa vụ của họ với tư cách là một công dân.

Đối với pháp luật: Vận động họ hiểu, sống, tu tập theo đúng quy định pháp luật.

Riêng về lợi ích, cần chú ý đầy đủ, hài hoà cả lợi nghĩa, lợi tình, lợi tài và lợi danh quán xuyến thống nhất:

*+ Lợi nghĩa:* là thoả mãn nhu cầu về tinh thần, lý tưởng, nghĩa vụ, như: vì Tổ quốc, vì đạo pháp, hoặc phụng sự những mục tiêu thấp hơn, hẹp hơn (vì quê hương, xóm họ, giáo dân, người nghèo, thế hệ trẻ...).

*+ Lợi tình:* thuộc về những ân nghĩa, ơn huệ, tình cảm... khác nhau của con người. *Lợi tài:* gồm những hình thức lợi ích vật chất.

+ *Lợi danh:* là nhu cầu đòi hỏi về danh dự, uy tín, tiếng tăm, địa vị và sự kính trọng của xã hội...

Vận động các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo cần chú ý cả ba mặt tác động và bốn lợi ích là những mối quan hệ khách quan chi phối, ràng buộc tất cả các cá nhân và các nhóm nữ chức sắc. Có thể thấy, cơ chế "quan hệ ba tác động, bốn lợi ích" không chỉ vận dụng thích hợp trong vận động trực tiếp và vận động cá biệt mà còn phát huy có hiệu quả trong vận động gián tiếp và vận động cồng đồng.

*3.2.2. Vận động gián tiếp bao gồm các hình thức:*

+ Vận động thông qua các tổ chức giáo hội, hội thánh, sơn môn, hệ phái, nhóm...

+ Vận động thông qua các tổ chức xã hội - tôn giáo như Uỷ ban đoàn kết Công giáo Việt Nam, Hội đoàn kết Sư sãi yêu nước ở các tỉnh Tây Nam bộ.

+ Vận động thông qua các phong trào, các cuộc vận động mang tính toàn dân hoặc phong trào, cuộc vận động có tính đặc thù tôn giáo...

+ Vận động thông qua các sinh hoạt chính trị, xã hội của toàn dân và của riêng các cộng đồng tôn giáo...

+ Vận động thông qua các hình thức sinh hoạt văn hoá xã hội, thông qua các lễ hội lớn của tôn giáo, lễ tết của dân tộc.

+ Vận động thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp...

* 1. ***Thông qua việc nêu gương***

Đây là phương thức *"lấy quần chúng vận động quần chúng, thực chất là vận động quần chúng thông qua cốt cán"*, đó chính là vận dụng phương thức vận động nêu gương, lấy tấm gương thực tế, có thật trong đời sống sinh hoạt tôn giáo và trong đời sống xã hội để xây dựng điển hình và nhân rộng. Do vậy, cần phát huy tốt vai trò của các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo trong công tác vận động để xây dựng các cá nhân điển hình, bồi dưỡng và nhân rộng.

Chọn cử, phân công những cán bộ gương mẫu, có vị trí, trách nhiệm, có nhận thức, quan điểm chính trị vững vàng, nắm vững đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; am hiểu tôn giáo để làm công tác vận động, tranh thủ chức sắc.

Về nội dung vận động: Cần xây dựng, phát huy những quan điểm ý kiến đúng đắn, tiên tiến hay tương đối tiến bộ hơn của chính tôn giáo, trong đời sống xã hội để thay thế, khắc phục các quan điểm, ý kiến lạc hậu, sai trái.

Về lực lượng: Phát hiện, bồi dưỡng, thông qua những bộ phận chức sắc, chức việc, nữ tu nòng cốt và bộ phận chức sắc, chức việc, nữ tu tiêu biểu, có uy tín, tích cực để tranh thủ, dẫn dắt, nêu gương cho người khác.

1. **Phát huy vai trò của nữ chức sắc, chức việc các tôn giáo tham gia hoạt động Hội**

Để phát huy vai trò của nữ chức sắc, chức việc các tôn giáo trong tham gia các hoạt động của Hội LHPN Việt Nam, trước hết tập trung phát huy vai trò của lực lượng nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tham gia Ban Chấp hành Hội LHPN các cấp. Trong các hoạt động cần hài hòa giữa việc phát huy vai trò của họ để thực hiện tốt “việc đạo” và tích cực tham gia, thể hiện tốt vai trò trong hoạt động Hội, tập trung các vấn đề sau:

* 1. ***Trong hội đoàn, tổ chức tôn giáo***

Nữ chức sắc, trưởng/phó hội đoàn nữ giới có vai trò rất quan trọng trong việc đề ra chiến lược, xây dựng kế hoạch tổ chức thờ phụng; là người lãnh đạo, điều hành mọi hoạt động của hội đoàn trong giáo xứ, hội thánh, nhà chùa. Họ có trách nhiệm vận động, thu hút các tín đồ tham gia các hội đoàn. Ngoài ra họ chăm sóc cho các tín hữu, trong đó có cả các nữ tín hữu về mọi mặt của đời sống: tâm linh, tinh thần và thuộc thể. Họ giúp cho các Ban ngành trong các tổ chức tôn giáo hoạt động và phát triển tốt đẹp. Do vậy, cần phát huy vai trò của họ trong các lĩnh vực sau:

- *Phát huy vai trò của nữ chức sắc, chức việc, nữ tu trong tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, hoạt động Hội đến cộng đồng tôn giáo nói chung, phụ nữ tôn giáo nói riêng*

Nữ chức sắc, chức việc, nữ tu, trưởng/phó hội đoàn tôn giáo có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, vận động các nữ tín đồ tuân theo giáo lý, giáo luật và thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; động viên khuyến khích các chị em trong tôn giáo hướng về đạo pháp dân tộc, sống tốt đời đẹp đạo, giữ gìn thuần phong mỹ tục. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của họ trong công tác tuyên truyền phong trào thi đua, các cuộc vận động, nhiệm vụ trọng tâm của Hội đến đông đảo phụ nữ tôn giáo để chị em chủ động, tích cực tham gia hoạt động Hội, các phong trào thi đua yêu nước và nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội địa phương. Phát huy lòng yêu nước, tinh thần nhân ái của người Việt Nam, những giá trị tích cực trong văn hoá, đạo đức của tôn giáo thông qua công tác vận động, khuyến khích, đồng thời quan tâm tạo điều kiện và hướng dẫn cho nữ chức sắc, chức việc, nữ tu và tín đồ tôn giáo tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện trong khuôn khổ quy định của pháp luật... giúp cho tín đồ, chức sắc tôn giáo “gắn bó đạo với đời” chung tay cùng cả nước, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội.

Phát huy vai trò của nữ chức sắc, chức việc, trưởng/phó hội đoàn trong công tác tuyên truyền, vận động người thân của tín đồ, cộng đồng tôn giáo không tham gia các hoạt động khiếu nại, khiếu kiện, tụ tập, biểu tình trái pháp luật.Tuyên truyền để tín đồ tôn giáo hiểu được quyền và nghĩa vụ công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào có tôn giáo thông qua vận động người dân và phụ nữ tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân, trong đó có đồng bào tôn giáo, như các mô hình phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ, trang trại; phát triển giáo dục, chăm sóc sức khỏe, xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới… vùng có đông đồng bào tôn giáo.

- *Phát huy vai trò đầu mối kết nối các tổ chức/cơ sở tôn giáo, các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo với tổ chức Hội phụ nữ.*

Nữ chức sắc, chức việc, nữ tu, trưởng/phó hội đoàn tôn giáo là cầu nối giữa tín đồ với Giáo Hội, Hội Thánh... và giữa hội viên tôn giáo với các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương. Do vậy, cần phát huy vai trò của họ trong việc:

+ Tranh thủ sự ủng hộ của các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo, lãnh đạo các cơ sở tôn giáo, các tổ chức tôn giáo để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ phụ nữ tôn giáo như: Mượn cơ sở tôn giáo mở lớp dạy nghề cho phụ nữ, tổ chức các cuộc tuyên truyền nâng cao kiến thức, kĩ năng cho phụ nữ, mở các lớp xoá mù chữ…

+ Vận động nữ chức sắc, nữ chức việc, nữ tu, nữ tín đồ có uy tín trong cộng đồng tôn giáo tham gia đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên, lực lượng hội viên nòng cốt của Hội… Tuyên truyền để các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo, cộng đồng tôn giáo ủng hộ, hỗ trợ, tạo điều kiện để hội viên nòng cốt tôn giáo thực hiện tốt nhiệm vụ Hội giao.

+ Kết nối giữa Hội với các Hội đoàn nữ tôn giáo (Phật giáo có Ban Ni giới, Tin Lành có Ban Phụ nữ…) để phối hợp triển khai các hoạt động chung. Kết nối chức sắc, tín đồ, nhà hảo tâm, nhóm thiện nguyện với các địa chỉ phụ nữ cần được hỗ trợ, giúp đỡ.

*- Phát huy vai trò trong lồng ghép/phối hợp triển khai hoạt động Hội trong các hoạt động của tổ chức tôn giáo:* Thành lập Chi hội phụ nữ trong các dòng tu/Hội đoàn, cơ sở tôn giáo; lồng ghép nội dung sinh hoạt Hội trong các buổi sinh hoạt của tổ chức tôn giáo; gắn kết hoạt động Hội phụ nữ với hội đoàn/dòng tu nữ cùng tổ chức các hoạt động chung như cung cấp kiến thức như kỹ năng chăm sóc con, kiến thức tiền hôn nhân, giữ gìn hạnh phúc gia đình, bảo vệ môi trường, hoạt động thể dục thể thao, dưỡng sinh; văn hoá văn nghệ dân vũ, ca hát…

* 1. ***Trong hoạt động Hội***

*- Tranh thủ, phát huy vai trò của nữ chức sắc, chức việc, trưởng/phó hội đoàn tôn giáo trong tập hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của các tầng lớp phụ nữ tôn giáo*

Nữ chức sắc, chức việc, Trưởng/Phó hội đoàn tôn giáo còn là cầu nối giữa tín đồ với Giáo Hội, Hội Thánh và giữa hội viên tôn giáo với các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương. Nữ chức sắc và trưởng/phó hội đoàn đại diện cho hội đoàn tiếp thu mọi ý kiến chỉ đạo của Linh mục, Ban hành giáo, Mục sư, Ban Trị sự, Sư trụ trì… truyền đạt cho các thành viên và cộng đồng; lĩnh hội những ý kiến đề xuất, kiến nghị của các thành viên báo cáo lên để kịp thời giải quyết, xử lý. Do vậy, cần phát huy vai trò của họ trong việc thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng đời sống, phản ánh tâm tư, nhu cầu, nguyện vọng của nữ tín đồ; kịp thời tập hợp, phản ánh ý kiến, đề xuất nguyện vọng với các ban, ngành liên quan và hỗ trợ giải quyết nhu cầu của nữ tín đồ theo quy định của pháp luật.

*- Phát huy tính tích cực của nữ chức sắc, chức việc trong triển khai các CVĐ, phong trào thi đua, nhiệm vụ trọng tâm của Hội và các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương,* cần chú ý đến các vấn đề sau:

Cán bộ trực tiếp làm công tác vận động phụ nữ tôn giáo cần thiết phải có những hiểu biết về đặc điểm của tín đồ tôn giáo; tổ chức, lịch sử hình thành, giáo lý, lễ nghi của từng tôn giáo cụ thể để chỉ đạo, tham mưu và tổ chức tốt công tác vận động.

Ngoài tư cách là công dân, tín đồ tôn giáo còn thuộc về một tổ chức giáo hội nhất định và chịu sự chi phối của thần quyền, giáo lý, giáo luật và lễ nghi của tôn giáo mà họ tin theo. Trong cuộc sống hàng ngày, tín đồ còn phải thực hiện các nghi lễ tôn giáo và tham gia các hoạt động đóng góp cho giáo hội, như chăm sóc nơi thờ tự, làm việc theo phân công của giáo hội, coi trọng và tích cực tham gia các hoạt động của cộng đồng tôn giáo, đặc biệt là các hoạt động từ thiện nhân đạo, cứu trợ xã hội... phù hợp với các quan niệm răn dạy, hướng thiện của tôn giáo. Vì vậy, cần phải quan tâm tạo điều kiện, giúp đỡ các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu, tín đồ tôn giáo cả trong “việc đạo, việc đời”. Quan tâm nắm bắt, tạo điều kiện cho các hoạt động tôn giáo của chức sắc, tín đồ theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước chấp thuận và theo quy định của pháp luật.

Cần có giải pháp tuyên truyền, vận động phụ nữ tôn giáo thực hiện các nghi lễ tôn giáo tuân thủ pháp luật và phù hợp với đặc điểm từng cộng đồng tôn giáo, vùng, miền khác nhau, phù hợp với tâm lý, đặc điểm và nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của đối tượng vận động, đúng thời điểm và đạt hiệu quả cao. Trong công tác vận động nữ chức sắc, chức việc, nữ tu, tín đồ tôn giáo luôn đòi hỏi Hội LHPN các cấp và cán bộ trực tiếp làm công tác tôn giáo phải thực tâm, thực chất, gắn bó và trách nhiệm với công việc; thường xuyên rút kinh nghiệm để đổi mới, sáng tạo, hiệu quả.

Khai thác điểm chung, tích cực, tiến bộ giữa nội dung phong trào thi đua, cuộc vận động, các nhiệm vụ trọng tâm của Hội với giáo lý, giáo luật các tôn giáo để lồng ghép vào tổ/nhóm/hội đoàn tôn giáo. Tuyên truyền phát huy những giá trị tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc đến hội viên, phụ nữ, xây dựng các mô hình phù hợp thu hút phụ nữ tôn giáo, phát huy vai trò của nữ chức sắc, chức việc trong hoạt động Hội,…

Giới thiệu, bồi dưỡng phụ nữ tôn giáo điển hình phát triển Đảng, tham gia ứng cử chính quyền các cấp; nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay của phụ nữ tín đồ tôn giáo trong phong trào thi đua yêu nước của phụ nữ cả nước. Xây dựng và phát triển đội ngũ hội viên nòng cốt là tín đồ tôn giáo.

Phát hiện, đề xuất các tấm gương cá nhân, tập thể nữ tiêu biểu của các tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội (công tác từ thiện, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế, hỗ trợ dạy nghề,…) để kịp thời động viên, biểu dương, khen thưởng.

Vận động phụ nữ tín đồ tôn giáo tích cực tham gia xây dựng Nông thôn mới: hiến đất, góp công xây dựng cơ sở vật chất, bảo vệ môi trường… Vận động tài chính, vật phẩm, lồng ghép/phối hợp tổ chức các hoạt động nhân đạo từ thiện, an sinh xã hội để tập hợp, thu hút phụ nữ tôn giáo tham gia hoạt động Hội.

Phối hợp với cấp uỷ, chính quyền, các Ban, ngành liên quan tổ chức thăm hỏi, chúc mừng các chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo nhân dịp lễ trọng, tết truyền thống của các tôn giáo.

- *Phát huy vai trò của nữ chức sắc, chức việc trong chủ động phòng ngừa, tham gia giải quyết các vấn đề, vụ việc liên quan đến tôn giáo*:

Tham gia đấu tranh với các biểu hiện lệch lạc, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và đời sống nhân dân.

Vận động giáo dục, thuyết phục phụ nữ tín đồ tôn giáo có hành vi quá khích/đi ngược với tôn giáo thuần tuý quay về sinh hoạt đạo đúng pháp luật.

Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, tổ chức các hoạt động xã hội tạo sự tôn trọng, gắn kết hòa hợp tôn giáo.

1. **Những điểm cần lưu ý trong công tác vận động nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo**

- Muốn làm tốt công tác vận động, tranh thủ nữ chức sắc, chức việc, nữ tu các tôn giáo, cán bộ Hội LHPN các cấp phải tạo được mối quan hệ thân tình, thường xuyên gặp gỡ, tiếp xúc trao đổi. Trong quá trình gặp gỡ tiếp xúc, phải thể hiện sự *hiểu biết và tôn trọng* đối với họ. Khi tiếp xúc, trao đổi cần thể hiện được *vị trí* của mình, không quá e dè, cũng không xuề xoà, quá trớn sẽ gây ấn tượng xấu cho nữ chức sắc, chức việc, nữ tu và làm giảm sự tôn trọng của họ đối với mình. Thường xuyên quan tâm đến đời sống của nữ chức sắc, chức việc, nữ tu, đặc biệt là có các hoạt động thăm hỏi, chúc mừng nhân các ngày lễ trọng của tôn giáo hoặc khi nữ chức sắc, chức việc, nữ tu gặp khó khăn hoặc đau yếu; tham mưu đề xuất giải quyết thoả đáng những yêu cầu, kiến nghị chính đáng, hợp pháp của họ.

- Phương pháp vận động luôn thể hiện sự chân thành, cởi mở, lịch sự, mềm dẻo, có kiến thức tâm lý xã hội và thái độ khoan hoà. Thực sự tôn trọng những quy định, những quy tắc ứng xử, những lễ nghi truyền thống, cũng như niềm tin, tình cảm tôn giáo trong đời sống tâm linh của nữ chức sắc, chức việc, nữ tu. Khi cần phải góp ý, uốn nắn những sai trái của họ thì phương pháp phải có lý có tình, nghiêm khắc phê phán những sai trái nhưng rộng lượng, mở đường và giúp họ sửa chữa, tránh hẹp hòi thô bạo, đồng thời tránh xuôi chiều, hữu khuynh.

- Trong giao tiếp đối thoại, tuỳ từng lúc, tuỳ từng đối tượng mà cán bộ Hội vận dụng giáo lý, kinh kệ của tôn giáo khi trao đổi để nữ chức sắc, chức việc, nữ tu các tôn giáo thấy được sự quan tâm, hiểu biết của Hội đến tôn giáo mình; khi cần thiết có thể nhấn mạnh những mặt tích cực trong đạo đức của tôn giáo phù hợp với yêu cầu xây dựng xã hội mới, tạo sự đồng cảm, hoà đồng.

- Công tác vận động nữ chức sắc, chức việc, nữ tu phải bám sát các nguyên tắc: gắn bó tôn giáo với dân tộc, hoà hợp Đạo - Đời, trên nền tảng đại đoàn kết dân tộc, tuân thủ pháp luật; giữ vững độc lập tự chủ của tổ chức tôn giáo trong nước; trong quan hệ với các tổ chức tôn giáo quốc tế, đề cao độc lập chủ quyền quốc gia, tham gia đóng góp tích cực vào sự nghiệp chung của đất nước. Trong vận động, không chỉ quan tâm đến các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu có tư tưởng, hành động tiến bộ mà cần quan tâm cả những nữ chức sắc, chức việc, nữ tu chưa thực sự đồng thuận với chủ trương, chính sách của nhà nước (hoặc các nữ chức sắc, chức việc, nữ tu có tư tưởng cực đoan), chưa thân thiện với Chính quyền hoặc có thái độ chính trị chưa tốt, thậm chí có quan điểm đối lập. Với những người này, cần kiên trì, tiếp cận thường xuyên để dần dần cảm hoá hoặc hạn chế được những mặt tiêu cực và những ý định không tốt của họ.

- Cần vận động các nhà khoa học, những người tiêu biểu có uy tín trong xã hội tham gia vào công tác tôn giáo, trên cương vị của họ sẽ có nhiều thuận tiện trong việc tuyên truyền, giải thích về những hiện tượng tiêu cực và những hành vi ly khai, chống đối của các nhóm, cá nhân tôn giáo cực đoan, phản động.

- Khi có vụ việc tôn giáo phức tạp xảy ra liên quan đến nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo thì trước hết phải xác định đúng tính chất của vụ việc. Có thể là do mâu thuẫn nội bộ nhân dân, cũng có thể là do mâu thuẫn địch - ta, hoặc vốn là mâu thuẫn nội bộ nhân dân mà thế lực xấu đã lách vào lợi dụng được. Về nguyên tắc, vụ việc mang tính chất gì cũng lấy vận động, thuyết phục làm biện pháp căn bản. Đã có bàn tay của kẻ xấu can thiệp, chỉ đạo thì phải phân hoá các lực lượng chống đối, cô lập nhóm đầu xỏ, chủ mưu; làm cho đông đảo quần chúng nhân dân nhận thức đúng thực chất của tình hình, đồng tình với chủ trương giải quyết của ta. Với những người vì nhẹ dạ mắc phải âm mưu của kẻ xấu, bị lợi dụng tham gia các vụ việc vi phạm pháp luật, chống đối chế độ, khi nhận thức được sai lầm và đứng về phía Nhân dân chống lại kẻ xấu đó thì chính quyền, Mặt trận, Nhân dân cần bao dung, không định kiến. Đối với nhóm đầu xỏ, chủ mưu, phải công khai vạch trần âm mưu, hành vi sai phạm trước quần chúng và kiên quyết xử lý theo pháp luật nhưng cần nhanh gọn, dứt điểm, không kéo dài.

## DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC CÓ LIÊN QUAN, CHỈ ĐẠO CỦA HỘI LHPN VIỆT NAM VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Bộ chính trị khóa XII về *Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới.*
2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2016, *Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo*.
3. Ban Chấp hành TW Hội LHPN Việt Nam khoá XI, 2014, Nghị quyết 06/NQ-BCH về *Tăng cường công tác vận động phụ nữ DTTS, phụ nữ theo tôn giáo trong tình hình hiện nay*.
4. Đảng đoàn Hội LHPN Việt Nam, 2018, Chương trình Hành động 12-CTr/ĐĐ ngày 11/5/2018 của về *thực hiện các quan điểm chỉ đạo của TW Đảng về công tác DTTG trong tình hình mới*.
5. Ban Tôn giáo Chính phủ, 2021, *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác* *tín ngưỡng, tôn giáo theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ.*
6. Ban Tôn giáo Chính phủ, 2022, *Tài liệu tập huấn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo,* Ninh Bình.
7. Hội LHPN Việt Nam, 2016, Báo cáo tại Hội nghị “Biểu dương nữ chức sắc, chức việc, nữ tu tôn giáo là UVBCH Hội LHPN các cấp”.
8. Hội LHPN Việt Nam, 2018, Tài liệu “Công tác dân tộc, tôn giáo” nhiệm kỳ 2017-2022.
9. Hội LHPN Việt Nam, 2020, *Tài liệu hỏi đáp “Một số vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay” - Tài liệu dành cho chi Hội trưởng Hội phụ nữ.* Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.

10. UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 2022, Tìm hiểu về các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay và công tác vận động, đoàn kết, phát huy vai trò của tôn giáo tham gia các hoạt động xã hội, Hà Nội.

11. Đỗ Quang Hưng, 2013, *Chính sách tôn giáo ở nước ta hiện nay - Lý luận và thực tiễn, Đề tài trọng điểm Đại học Quốc gia Hà Nội,* Hà Nội.

**CHUYÊN ĐỀ 5**

# CÔNG TÁC THAM GIA XỬ LÝ TÌNH HUỐNG, ĐIỂM NÓNG CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN DÂN TỘC - TÔN GIÁO CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

1. KHÁI NIỆM
	1. **Một số khái niệm**
	2. ***Tình huống***

 Tình huống: Theo Từ điển tiếng Việt: “Tình huống là hoàn cảnh diễn biến, thường bất lợi, cần đối phó” hay nói cách khác: Tình huống là thực tế khách quan có sự diễn biến, thường là những diễn biến bất lợi cần phải đối phó.

 Như vậy, khi nói về tình huống là nói tới một sự kiện thực tế khách quan nào đó xuất hiện, đặt ra yêu cầu phải xử lý, giải quyết một cách cụ thể. Trong cuộc sống, con người thường đặt vấn đề: *Có tình huống, đã xuất hiện tình huống* (thực tiễn); hoặc: *khi có tình huống, nếu có tình huống* (giả định); để thể hiện một sự kiện đột biến trong quá trình vận động, phát triển hoặc để thể hiện ý chí phải giải quyết một vấn đề nào đó không bình thường, xảy ra trong quá trình vận động, phát triển của thực tiễn.

* 1. ***Tình huống chính trị***

Trong tình huống nói chung, có môt loại tình huống khá đặc biệt, có thể dẫn tới điểm nóng gọi là tình huống chính trị. Đây là khái niệm dùng để chỉ *những sự kiện, biến cố không bình thường, diễn ra trong đời sống chính trị- xã hội, gây nên sự bất ổn định hoặc có khả năng trực tiếp gây nên sự bất ổn định chính trị- xã hội, đòi hỏi con người phải áp dụng những giải pháp đặc biệt để giải quyết.*

Tình huống chính trị có thể trực tiếp nảy sinh trong lĩnh vực chính trị như những mâu thuẫn giữa các lực lượng ngay trong bộ máy cầm quyền, sự chống đối của các thế lực trong và ngoài nước; sự chống đối của nhân dân với những người nắm giữ quyền lực, các cơ quan quyền lực và thể chế chính sách của nhà nước. Chẳng hạn, khi kinh tế khủng hoảng, trì trệ có thể dẫn đến sự bất ổn về mặt chính trị. Những vấn đề dân tộc, tôn giáo nếu không có giải pháp đúng cũng có thể dẫn đến những xung đột về chính trị.

* 1. ***Điểm nóng***

Trong những năm gần đây, thuật ngữ “điểm nóng” được sử dụng trong một số văn bản của các cơ quan Đảng, Nhà nước, nhất là những cơ quan bảo vệ pháp luật như: Thanh tra, Viện kiểm sát, Công an, Tòa án và cả trong đời sống sinh hoạt thường ngày. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có ai đưa ra khái niệm đầy đủ, chính xác về “điểm nóng”. Và điều đó dẫn tới nhiều cách xác định “điểm nóng” theo các tiêu thức riêng, dẫn tới việc đánh giá diễn biến tình hình ở cơ sở không đồng nhất, có nơi chỉ “sốt nhẹ” nhưng đã xác định là “điểm nóng”, ngược lại có nơi “nóng” thật sự nhưng vì những lý do khác nhau mà không được xác định là “điểm nóng”.

Hiện có 2 hình thức điểm nóng thường được nhắc tới:

*\* Điểm nóng xã hội: Là đời sống xã hội trong trạng thái không bình thường, bất ổn định, rối loạn, diễn ra sự xung đột, chống đối giữa các lực lượng với những hành vi không còn tự kiềm chế được, đã vượt ra ngoài khuôn khổ của pháp luật và chuẩn mực văn hoá đạo đức, diễn ra tại một địa điểm, trong một thời gian nhất định và có khả năng lan tỏa sang nơi khác*.

 Điểm nóng xã hội thường có những biểu hiện sau: (1) Đời sống xã hội trong trạng thái không bình thường, bất ổn định, có lúc rối loạn; (2) Sự phản ứng, xung đột của đám đông, của các lực lượng không còn tự kiềm chế được trở thành sức mạnh, áp lực chống đối lẫn nhau; (3) Hành vi của đám đông quần chúng đã vượt qua ngoài khuôn khổ của pháp luật và chuẩn mực văn hoá đạo đức; (4) Diễn ra trong không gian và thời gian nhất định, có khả năng lan tỏa sang nơi khác. Điểm nóng xã hội có thể diễn ra ở những địa bàn và trong những lĩnh vực khác nhau (ở nông thôn, miền núi hay thành thị; ở các xí nghiệp hay trường học; diễn ra trong lĩnh vực kinh tế, chính trị hay xã hội… ).

*\* Điểm nóng chính trị - xã hội: Là điểm nóng xã hội diễn ra trong lĩnh vực chính trị- xã hội, khi mà sự chống đối của đám đông quần chúng và các lực lượng đối lập đã hướng trực tiếp vào những người nắm quyền lực chính trị, cơ quan quyền lực và thể chế chính sách của chính quyền nhà nước*.

So với điểm nóng xã hội, điểm nóng chính trị - xã hội xảy ra ít hơn nhưng phức tạp và quyết liệt hơn. Tuy nhiên, điểm nóng xã hội trong các lĩnh vực khác đều có khả năng trực tiếp trở thành điểm nóng chính trị - xã hội (đình công, bãi công của người lao động chống giới chủ, nông dân tranh chấp đất đai với nhau…). Như vậy, nếu chúng ta xử lý tốt điểm nóng xã hội thì sẽ hạn chế sự phát sinh điểm nóng chính trị- xã hội. Điểm nóng xã hội có thể có nguồn gốc từ những tranh chấp dân sự, từ sự khiếu kiện của nhân dân không được giải quyết kịp thời, để dây dưa, kéo dài, gây tích đọng mâu thuẫn và bùng phát thành điểm nóng chính trị- xã hội. Do đó, để điểm nóng xã hội và điểm nóng chính trị- xã hội không nổ ra cần giải quyết tốt những tranh chấp về mặt dân sự, giải quyết kịp thời những khiếu kiện của nhân dân; ngăn ngừa sự chống đối của các lực lượng phản động.

2. **Tình huống trong công tác vận động phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ tôn giáo**

Công tác vận động phụ nữ là hoạt động mang tính chủ động, sáng tạo. Người cán bộ Hội, nhất là cán bộ cấp cơ sở phải luôn luôn dự tính những công việc của tương lai phù hợp với sự vận động, phát triển của thực tế khách quan. Tuy nhiên, trên thực tế người người cán bộ Hội cơ sở thường chỉ dự tính được những đường hướng cơ bản, những vấn đề có tính tất yếu, tính quy luật, không thể dự tính hết được những sự kiện không bình thường, những “cái ngẫu nhiên” trong quá trình phát triển - những sự kiện không bình thường, đó là tình huống.

Từ khái niệm tình huống trong Từ điển Tiếng Việt, từ đặc điểm của hoạt động Hội Phụ nữ trong thực tiễn, nhất là tại cơ sở thuộc địa bàn dân tộc thiểu số, vùng có đạo, có thể thống nhất quan niệm: Tình huống trong công tác vận động phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ tôn giáo là những sự kiện thực tế khách quan diễn ra có tính chất bất thường liên quan đến công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục của người làm công tác vận động quần chúng trong những tình huống cụ thể, buộc tổ chức Hội, hoặc người đứng đầu tổ chức Hội tại địa phương phải *áp dụng những giải pháp đặc biệt để giải quyết*.

Đó là những sự kiện thực tế khách quan có tính chất bất thường liên quan đến công tác vận động phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ tôn giáo, bao gồm những loại vấn đề cơ bản như sau:

 - Những hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến dân tộc, tôn giáo trong hội viên phụ nữ là người có đạo, người dân tộc thiểu số.

 - Những biểu hiện tư tưởng của PNDTTS, phụ nữ tôn giáo trước sự biến đổi không bình thường của tự nhiên như bão lụt, hạn hán, dịch bệnh,…

 - Những hành vi bất hợp tác của hội viên phụ nữ như chống đối, không thực hiện một chủ trương, một quyết định quản lí nào đó của chủ thể quản lý; hành vi cố tình làm trái để cản trở quá trình thực hiện những công việc đã được xác định…

Ngoài các tình huống thông thường trên, còn có thể xảy ra các tình huống chính trị - xã hội với những dấu hiệu cơ bản sau :

- Sự bất mãn, chống đối của phụ nữ với chính quyền nhà nước tại địa phương;

- Những chuẩn mực luật pháp, đạo đức, văn hoá không được tuân thủ;

- Các lực lượng tiêu cực, phản động có điều kiện trỗi dậy gây mất an ninh xã hội, làm tăng nguy cơ đối với sự bền vững của chế độ xã hội.

Một tình huống nói chung, tình huống chính trị - xã hội xuất hiện không nhất thiết phải có đầy đủ các dấu hiệu trên mà có thể chỉ cần một vài dấu hiệu nào đó, gây nên bất ổn định chính trị- xã hội. Do vậy, trong quá trình thực hiện công tác vận động phụ nữ dân tộc, tôn giáo, người cán bộ cần có sự nhạy cảm để nhận biết và hết sức linh hoạt trong xử lý

## ****YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC XỬ LÝ TÌNH HUỐNG****

 Tình huống trong công tác vận động phụ nữ là những sự kiện thực tế khách quan có tính chất bất thường và có tác động chủ yếu là cản trở sự vận động, phát triển bình thường của xã hội, gây khó khăn cho hoạt động quản lý, vì vậy yêu cầu chung của việc giải quyết tình huống là:

* 1. **Cán bộ Hội tại cơ sở phải kịp thời phát hiện tình huống, nhanh chóng có phương án xử lý, giải quyết tình huống**

 Để kịp thời phát hiện tình huống, trước hết người cán bộ Hội phải dự báo tình huống có thể xảy ra để chủ động phương án xử lý, giải quyết thích hợp. Tuy nhiên, dự báo chỉ mới là cơ sở nhận thức, là điều kiện để chủ động đối phó với tình huống. Cùng với việc dự báo, người quản lí phải kiểm soát được tình hình thực tế khách quan trong phạm vi phụ trách để khi tình huống xảy ra có thể phát hiện kịp thời. Đối với những tình huống không dự báo trước được thì phải trên cơ sở kiểm soát chặt chẽ tình hình thực tế khách quan để có thể kịp thời phát hiện và xử lý tình huống.

 Nếu kịp thời phát hiện tình huống sẽ giúp cho chủ thể quản lý chủ động xử lý, giải quyết tình huống kịp thời ngăn chặn những tác động xấu đến quá trình vận động, phát triển bình thường của xã hội, bảo đảm trật tự pháp luật, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân công dân.

* 1. **Việc xử lý tình huống phải đúng theo quy định của pháp luật, bảo đảm sự phát triển bình thường của xã hội**

- Việc tham gia xử lý tình huống, nhất là tình huống chính trị, điểm nóng ... của Hội Phụ nữ phải tuân thủ theo quy định của Luật pháp cũng như sự lãnh đạo, phân công của cấp ủy Đảng.

- Theo Quy chế công tác dân vận, vai trò, nhiệm vụ của các cấp Hội phụ nữ trong việc phối hợp giải quyết tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương được quy định khá rõ, cụ thể tại *Điều 23**, Quyết định 23-QĐ/TW năm 2021 của Bộ Chính trị về ban hành quy chế Công tác dân vận của hệ thống chính trị):* “Khi có tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo ứng phó kịp thời; thông tin nhanh đến ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; Ban Dân vận chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức có liên quan vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; phát huy vai trò nòng cốt chính trị tham gia lực lượng xung kích”.

- Yêu cầu cơ bản, trước hết của việc giải quyết tình huống là việc giải quyết phải trên cơ sở pháp luật và đúng quy định của pháp luật. Ví dụ: nếu giải quyết tình huống về tranh chấp thừa kế phải đúng quy định của Bộ Luật dân sự về thừa kế; nếu giải quyết tình huống về tranh chấp quyền sử dụng đất phải đúng quy định của pháp luật đất đai và quy định của pháp luật dân sự về đất đai…

 Đi liền với yêu cầu giải quyết tình huống theo đúng quy định của pháp luật, việc giải quyết các tình huống trong quản lý hành chính nhà nước phải đảm bảo sự phát triển bình thường của xã hội. Ví dụ: giải quyết tranh chấp về thừa kế, bên cạnh thực hiện yêu cầu đúng pháp luật cần phải bảo đảm sự đoàn kết, thân tình giữa các thành viên trong gia đình để tiếp tục xây dựng gia đình, dòng họ phát triển tiến bộ. Giải quyết tình huống về tranh chấp quyền sở dụng đất phải đúng quy định của pháp luật về đất đai, đồng thời cần phải đảm bảo sự hoà thuận lâu dài của các bên có tranh chấp, tránh được những mâu thuẫn, xích mích có thể xảy ra sau khi giải quyết tranh chấp, bảo đảm sự phát triển bình thường, ổn định, an toàn của các quan hệ xã hội.

## ****MỘT SỐ CÁCH THỨC HÌNH THÀNH KỸ NĂNG PHÁT HIỆN, GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG CỦA NGƯỜI CÁN BỘ HỘI PHỤ NỮ TẠI CƠ SỞ****

 Tình huống trong công tác vận động phụ nữ là những diễn biến không bình thường và thường là những diễn biến bất lợi vì vậy cần phải được phát hiện kịp thời, xử lý giải quyết kịp thời. Để hình thành kỹ năng phát hiện tình huống có nhiều cách *thức khác nhau, trong đó một số cách thức cơ bản sau đây:*

1. **Người cán bộ Hội phải tự rèn luyện thói quen dự báo tiến tới có được kỹ năng về dự báo tình huống**

 Người cán bộ Hội muốn có kỹ năng dự báo trước hết phải tập cho mình thói quen dự báo nói chung và dự báo tình huống. Thói quen dự báo phải bắt đầu từ thói quen tư duy về sự vận động, phát triển của thực tiễn, những yếu tố cơ bản để hình thành thói quen tư duy dự báo tình huống gồm:

 - Phải đánh giá đúng sự vận động, phát triển tất yếu hợp quy luật của thực tế khách quan.

- Phải có nhận định về mặt trái, mặt tiêu cực, mặt khó khăn của sự phát triển từ đó dự báo đúng những tình huống có thể xảy ra.

 Mọi sự việc trong thực tiễn thường có 2 mặt là mặt tích cực và mặt tiêu cực; và để thực hiện các công việc trong thực tiễn cũng có 2 mặt là mặt thuận lợi và khó khăn. Do vậy, người cán bộ Hội phải có cái nhìn khách quan, toàn diện về sự vận động, phát triển của hiện thực khách quan trong mối liên hệ tổng hoà của các mặt đối lập đó để đánh giá đúng mặt tiêu cực, mặt khó khăn của thực tiễn.

 Ví dụ: Khi vận động phụ nữ thực hiện chủ trương “dồn điền đổi thửa” phải nhận định, đánh giá được sự tự giác, tích cực thực hiện của đa số các hộ gia đình và những thắc mắc, chống đối của một bộ phận gia đình, cá nhân, trong đó có phụ nữ; hoặc khi thực hiện việc giải phóng mặt bằng phục vụ công tác xây dựng đường giao thông cũng phải có cách nhận định đánh giá tương tự để chủ động đối phó với những biểu hiện tiêu cực, những hành vi cố tình không thực hiện yêu cầu giải phóng mặt bằng của một số hộ gia đình và cá nhân, trong đó chú trọng đối tượng hội viên, phụ nữ.

1. **Người cán bộ Hội phải kiểm soát toàn diện tình hình thực tế khách quan để kịp thời phát hiện tình huống**

 Kiểm soát tình hình thực tế khách quan trong công tác phụ vận thực chất là phải bao quát được địa bàn, phạm vi đối tượng, nắm chắc được thông tin từ thực tế khách quan để có tác động phù hợp. Nếu không dự báo được tình huống và không kiểm soát được tình hình thực tế khách quan thì người cán bộ Hội cũng sẽ không phát hiện được tình huống; và mặc dù đã có dự báo nhưng nếu không kiểm soát được tình hình cũng sẽ không phát hiện được tình huống một cách kịp thời.

 Để kiểm soát được tình hình thực tế khách quan, người cán bộ Hội phải tự hình dung được tất cả các mối quan hệ xã hội trong phạm vi tác động quản lý của mình để chủ động nhận biết thông tin thực tế từ tất cả các mối quan hệ đó. Đồng thời với khả năng tư duy (phán đoán, suy đoán sự diễn biến của thực tế khách quan), người cán bộ Hội phải biết sử dụng nhiều biện pháp nắm bắt thông tin để kiểm soát tình hình thực tế khách quan. Trước hết, cần phải sát thực tế, sát cơ sở, sát dân, tôn trọng lắng nghe ý kiến của hội viên phụ nữ, nhất là lực lượng cốt cán, hội viên nòng cốt, người có uy tín... để nắm bắt tình hình, nhưng đó chỉ mới là một phần trong cách thức hình thành kỹ năng kiểm soát. Cùng với việc hướng về cơ sở, sâu sát thực tế để chủ động nắm bắt tình hình, người cán bộ Hội, đặc biệt là chủ tịch Hội LHPN xã phải chỉ đạo thực hiện tốt công tác thu thập, tổng hợp thông tin hàng ngày, thực hiện tốt công tác giao ban tuần, công tác phản ảnh báo cáo từ chi/ tổ Hội, từ cốt cán phong trào, hội viên nòng cốt kết hợp với việc sử dụng khả năng phán đoán, suy đoán của bản thân để phát hiện kịp thời các tình huống.

 Ví dụ: Bằng sâu sát thực tế, chủ tịch Hội LHPN xã được biết có người tuyên truyền đạo lạ tại địa phương, và người theo chủ yếu là hội viên, phụ nữ; sau đó nếu không có việc tổng hợp thông tin có thể sẽ chưa phát hiện được tình huống. Và kể cả việc có thu thập, tổng hợp thông tin, biết được có nhiều hộ gia đình cũng làm tương tự nhưng nếu không có khả năng suy đoán trong tư duy quản lý của mình, có thể chủ tịch Hội LHPN vẫn không phát hiện được đó là một tình huống cần phải xử lý, giải quyết. Thực tế vừa qua, ở nhiều tỉnh miền núi phía Bắc nước ta, sự kiện nói trên đã diễn ra trên diện rộng và là minh chứng cho sự lý giải về các yếu tố cần thiết để hình thành kỹ năng phát hiện tình huống của cán bộ Hội Phụ nữ cấp xã.

1. **Người cán bộ Hội phải nắm vững trình tự giải quyết tình huống, có ý thức hình thành thói quen giải quyết tình huống theo đúng trình tự để từng bước hình thành kỹ năng giải quyết tình huống**

 Trình tự giải quyết tình huống trong công tác vận động hội viên, phụ nữ gồm các bước công việc cơ bản như sau:

Bước 1: *Nắm tình hình, phân tích nguyên nhân dẫn tới tình huống*

- Khi gặp tình huống, để có căn cứ xác định giải pháp đúng thì việc nắm tình hình có ý nghĩa quyết định. Nội dung cơ bản của bước này là người cán bộ Hội phải phân tích, đánh giá đúng mối quan hệ bản chất của vụ việc thực tế khách quan, khẳng định đúng đó là tình huống về vấn đề gì? Mâu thuẫn nào là cơ bản? Có phạm vi ảnh hưởng như thế nào?

 Ví dụ: Có tình huống: Bà B 76 tuổi, chồng bà mất sớm, ông bà sinh được 2 người con gái đều đã lấy chồng và có gia đình riêng. Do người con gái đầu khó khăn, nhà ở chặt chội nên người mẹ đồng ý cho vợ chồng người con gái đầu về ở với mình trong căn nhà cấp 4, 3 gian lâu nay bà vẫn một mình sinh sống. Người con gái thứ 2 lo sợ mẹ sẽ để thừa kế cho chị đã yêu cầu mẹ viết di chúc chia đôi tài sản (nhà và 250m2 đất ở) cho hai chị em. Người mẹ tuyên bố: viết di chúc hay không là quyền của bố mẹ, con cái không được can thiệp. Sau đó, người con gái thứ 2 đã thuê người chở gạch đá về để xây nhà ngay trên vườn nhà mẹ đẻ và có lời nói bất kính với mẹ, với chị, gây mất trật tự công cộng.

 Tình huống này mới nghe dễ nhầm tưởng là tình huống về tranh chấp tài sản thừa kế, nhưng phân tích kĩ sẽ thấy đây là tình huống mâu thuẫn nội bộ gia đình do con cái có hành vi ép mẹ viết di chúc để tài sản thừa kế cho mình. Phạm vi ảnh hưởng tiêu cực của tình huống này là mâu thuẫn có thể dẫn tới xung đột giữa người mẹ và các con; giữa gia đình người chị và gia đình người em và ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội trong thôn, trong xã.

- Nếu bắt gặp tình huống chính trị hoặc điểm nóng, cần có thông tin chính xác về các mặt:

+ Số lượng người tham gia? Thành phần tham gia, đối tượng tham gia? Trong đó có bao nhiêu hội viên/phụ nữ? Hình thức tổ chức lực lượng?

+ Họ nêu những yêu sách gì? Những yêu sách ấy phải do cơ quan nào giải quyết?

+ Ai là người cầm đầu? Số lượng những người quá khích? Những âm mưu và thủ đoạn? Có dấu hiệu quan hệ và được sự chỉ đạo của các lực lượng phản động trong nước và ngoài nước hay không?

- Phương thức nắm tình hình có thể thông qua chính quyền, tổ chức Hội ở cơ sở, lực lượng cốt cán;… Cần phải bám sát địa bàn, thông tin kịp thời những diễn biến cho Hội cấp trên và cấp ủy cùng cấp để lập ra những phương án xử lý phù hợp, kịp thời.

- Trên cơ sở tổng hợp thông tin về nhiều mặt, tổ chức Hội và người cán bộ Hội cần phân tích, xác định nguyên nhân. Có thể phân loại các nguyên nhân :

*+ Nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan:* Nguyên nhân khách quan có thể do điều kiện kinh tế, xã hội gặp khó khăn, do dân trí thấp lại bị kẻ xấu, phản động lôi cuốn, kích động… Nguyên nhân chủ quan thuộc về những khiếm khuyết, sai lầm của chính sách, hoặc của cơ quan/người thực thi chính sách.

+ *Nguyên nhân bên trong và nguyên nhân bên ngoài:* Nguyên nhân bên trong thường được xem xét từ những mâu thuẫn nảy sinh trong phạm vi gia đình/cơ sở, địa phương hoặc trong phạm vi toàn quốc. Đó có thể là những mâu thuẫn về quan hệ gia đình/hàng xóm/các nhóm lợi ích/sắc tộc tôn giáo;... Nguyên nhân bên ngoài có thể là do sự biến động lớn về kinh tế, chính trị, xã hội tác động đến từng quốc gia, địa phương, cộng đồng, gia đình; do sự tác động của các lực lượng thù địch, phản động …

+ *Nguyên nhân sâu xa và nguyên nhân trực tiếp:* Nguyên nhân sâu xa của một tình huống, tình huống chính trị - xã hội, điểm nóng ... có thể là do âm mưu phá hoại của các thế lực phản động, thù địch; cũng có thể do những chính sách hiện hành (theo nghĩa hẹp) đã lạc hậu, không kịp thay đổi, phát sinh những tiêu cực, ách tắc trong sản xuất, đời sống. Còn nguyên nhân trực tiếp thì dễ nhận thấy khi nổ ra điểm nóng; chẳng hạn điểm nóng ở Văn Giang (Hưng Yên) xảy ra những năm qua có nguyên nhân trực tiếp là do cán bộ quan liêu, tham nhũng, mất dân chủ, nhưng nó lại là hậu quả của cả một thể chế chưa được đổi mới (bất cập trong chủ trương lấy đất sản xuất/đền bù giải phóng mặt bằng...). Điểm nóng ở một số địa bàn có đông tôn giáo gần đây có nguyên nhân trực tiếp từ quan hệ giữa cá nhân người có đạo với người thi hành công vụ/chính quyền địa phương. Thế nhưng nguyên nhân sâu xa của vấn đề lại từ quan hệ có yếu tố tôn giáo, từ âm mưu kích động đồng bào có đạo gây bạo loạn, chống lại chính quyền.

Đối với tình huống nhỏ, liên quan tới cá nhân, gia đình hội viên, phụ nữ thì nguyên nhân trực tiếp có thể là các lời nói, hành vi, ứng xử; nhưng nguyên nhân sâu xa có thể là tính phức tạp của các mối quan hệ/điều kiện cuộc sống...

Sự phân định các nguyên nhân trên cũng có ý nghĩa tương đối vì giữa chúng có quan hệ và chuyển hoá lẫn nhau. Sau khi phân tích nguyên nhân cần xác định có chứa đựng mâu thuẫn đối kháng hay không đối kháng, mâu thuẫn trong nội bộ gia đình/cộng đồng nhân dân hay mâu thuẫn giữa ta và địch; mức độ của các mâu thuẫn ấy. Trên cơ sở nhận dạng, xác định đúng mâu thuẫn mới có căn cứ để tìm phương thức giải quyết và tổ chức lực lượng thực hiện. Nếu như xác định sai mâu thuẫn thì toàn bộ nhận thức và hành động sẽ sai lầm, hậu quả sẽ không nhỏ, điểm nóng sẽ không được giải quyết mà còn bùng phát lớn hơn.

Bước 2: Dự báo sự vận động, phát triển của tình huống

 Dự báo là một hoạt động cơ bản trong quá trình nắm bắt tình hình tư tưởng hội viên phụ nữ, từ đó định hướng công tác tuyên truyền vận động của người cán bộ Hội. Thực chất của hoạt động dự báo là đặt vấn đề thực tế khách quan trong quá trình tự thân vận động phát triển của nó để kiến nghị, đề xuất với cấp ủy Đảng cùng cấp hoặc tổ chức Hội cấp trên chủ động đề ra biện pháp xử lý phù hợp. Trong quá trình dự báo sự vận động, phát triển của tình huống, người cán bộ Hội cần phải bám sát các yêu cầu như sau:

 - Trên cơ sở đánh giá đúng tình huống đang ở giai đoạn nào để dự báo sự phát triển của tình huống ở các giai đoạn tiếp theo một cách cụ thể.

 - Phải dự báo về sự phản ứng thuận lợi hoặc bất lợi từ phía đối tượng quản lí (phụ nữ) sau khi có tác động giải quyết tình huống của chủ thể quản lí.

 - Dự báo về kết quả của việc giải quyết tình huống (từ góc độ tổ chức Hội).

 Vận dụng vào tình huống đã nêu ở trên, có thể dự báo: nếu không có sự tác động giải quyết kịp thời (*các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, vận động; đại diện chính quyền địa phương có biện pháp ngăn chặn*...), người em sẽ xây nhà để ở, mâu thuẫn sẽ rất căng thẳng và có thể xảy ra xung đột; hoặc nếu dùng biện pháp xử lý hành chính, cưỡng chế để ngăn chặn việc xây dựng nhà của người em có thể dẫn tới sự chống đối quyết liệt từ phía gia đình người em. Vì vậy, giải pháp trước tiên cần đưa ra chính là hành động tuyên truyền, vận động của các tổ chức đoàn thể mà nòng cốt là Hội Phụ nữ để hòa giải cả 2 phía.

Bước 3: Lập kế hoạch xử lý tình huống

 Lập kế hoạch xử lý tình huống là đưa ra được tất cả các phương án giải quyết tình huống có tính khả thi để làm cơ sở cho việc chọn đúng phương án giải quyết tình huống tối ưu nhất. Các yêu cầu cơ bản của việc lập phương án giải quyết tình huống là:

 - Xác định rõ tình huống liên quan tới những đối tượng nào? Địa bàn nào?

 - Xem xét những tổ chức, ngành, đoàn thể nào có thể phối hợp cùng giải quyết tình huống

 - Lập được các phương án khả thi để làm cơ sở cho việc chọn đúng phương án giải quyết tình huống.

Bước 4. Chọn phương án xử lý tình huống

- Đây là bước công việc đòi hỏi tư duy khoa học và thái độ vừa khéo léo, vừa quyết đoán của người cán bộ Hội. Nội dung của bước này có liên quan rất chặt chẽ với nội dung của bước lập phương án. Yêu cầu cơ bản là phải tính toán kỹ khả năng mang lại kết quả tốt nhất của từng phương án để chọn đúng phương án tối ưu để giải quyết tình huống.

 Vận dụng vào tình huống đã nêu ở trên, có thể đưa ra phương án xử lý của tổ chức Hội, cụ thể như sau:

+ Báo cáo với cấp ủy Đảng, Chính quyền để có phương án chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp Hội Phụ nữ tiến hành các hoạt động can thiệp cần thiết.

+ Đề xuất phương án của Hội phụ nữ (gặp gỡ, hòa giải).

+ Tiến hành gặp gỡ từng bên, trò chuyện nắm bắt tâm tư nguyện vọng; vận động thuyết phục về pháp luật, về đạo đức đối với người em; sau đó vận động các đối tượng liên quan (người mẹ, người em, người chị...) họp gia đình để hoà giải.

- Đối với các tình huống chính trị - xã hội, tình huống dẫn tới điểm nóng (biểu tình, bạo động, tụ tập đông người gây áp lực, ...), công tác tuyên truyền, vận động của các tổ chức quần chúng, trong đó có Hội Phụ nữ có thể thực hiện các giải pháp để góp phần *giải tán đám đông quần chúng*. Tùy những điều kiện cụ thể mà áp dụng các giải pháp khác nhau:

+ Nếu nhận thấy những yêu sách của quần chúng (trong đó có phụ nữ) là chính đáng, có thể giải quyết nhanh thì có thể đề xuất, tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chấp nhận những yêu sách ấy và giải quyết kịp thời những vấn đề có thể giải quyết được. Những vấn đề chưa thể giải quyết ngay cần tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền cam kết với quần chúng sẽ sớm đưa ra xem xét. Đồng thời có thông tin phản hồi trở lại cho hội viên/phụ nữ và quần chúng những phản ứng tích cực của chính quyền. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, nếu làm như vậy, đám đông, quần chúng sẽ tự giải tán …

+ Sử dụng lực lượng cán bộ Hội cơ sở, hội viên nòng cốt đi vào đám đông vận động, lôi kéo những hội viên, phụ nữ thuộc nhóm bị lôi kéo, hùa theo; tách họ khỏi lực lượng cầm đầu quá khích; vận động họ trở về nơi làm việc hoặc nơi cư trú; đồng thời, nhận diện những người quá khích cầm đầu để có thông tin với các lực lượng chức năng.

Bước 5. Tham gia/hoặc tổ chức xử lý tình huống

- Yêu cầu cơ bản của bước này là phải kế hoạch hoá việc giải quyết tình huống, bảo đảm tổ chức chỉ đạo chặt chẽ quá trình giải quyết tình huống, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, các biện pháp cụ thể để giải quyết tình huống theo đúng kế hoạch.

- *Những phương châm cần lưu ý khi áp dụng phương thức, biện pháp giải quyết:*

+ Cần phải kết hợp sự kiên định về nguyên tắc với sự mềm dẻo, linh hoạt về biện pháp. Về nguyên tắc chỉ đạo, có những nguyên tắc chung về quan điểm, đường lối, có những nguyên tắc chỉ đạo cụ thể cho từng điểm/từng đối tượng. Cần phải có sự vận dụng mềm dẻo, linh hoạt theo phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Cần kiên định lập trường, không được mất phương hướng chính trị, nhưng những giải pháp cụ thể để giải quyết vấn đề lại phải dựa trên nguyên tắc “tùy cơ ứng biến”, không được cứng nhắc, máy móc.

+ Trước hết, cần chọn giải pháp tốt nhất (giải pháp tuyên truyền, thuyết phục, thương lượng...) để giải quyết tình huống một cách nhẹ nhàng, tránh áp lực, tránh đối đầu. Nhưng đối với tình huống điểm nóng, có kẻ cầm đầu quá khích, có xu hướng gây bạo loạn, chống đối chính quyền nhà nước thì có thể lựa chọn giải pháp phối hợp chia sẻ thông tin, giúp lực lượng chức năng nhận diện, cô lập, bắt đối tượng quá khích, dập tắt ngay từ đầu lại là cần thiết.

+ Trong bất kỳ tình huống nào cũng phải dựa vào lực lượng cốt cán phong trào, hội viên nòng cốt; cần phải kiên trì tuyên truyền, thuyết phục họ, lôi cuốn được quần chúng hội viên, phụ nữ về phía mình, ủng hộ mình..

Bước 6. Đánh giá kết quả giải quyết tình huống và dự báo tình hình phát triển của sự kiện thực tế khách quan thuộc phạm vi tình huống mới được giải quyết

- Đây là bước cuối cùng trong trình tự giải quyết tình huống nhưng lại đặt ra một sự khởi đầu cho quy trình quản lý tiếp theo vì là quá trình liên tục và ổn định. Những nội dung công việc của bước này là đánh giá kết quả giải quyết tình huống, dự báo về sự vận động, phát triển (có thể có) để chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện công tác vận động hội viên, phụ nữ.

- Qua điểm nóng cần tiến hành đánh giá, rút kinh nghiệm trên những mặt sau:

+ Ưu, nhược điểm của cán bộ Hội cơ sở/lực lượng hội viên nòng cốt (ai chủ động, tích cực? Chế độ thông tin/báo cáo như thế nào?...)

+ Đánh giá ưu nhược điểm của phương thức, giải pháp đã lựa chọn.

- Dự báo tình hình và áp dụng các giải pháp để tình huống/điểm nóng không tái phát: Trên cơ sở đánh giá các vấn đề một cách khách quan và cụ thể, có thể dự báo tình hình và xác định rõ trách nhiệm của tổ chức Hội/của bản thân người cán bộ Hội (Tình huống đã được giải quyết dứt điểm chưa? Điểm nóng có thể tái phát trở lại hay không? Xu hướng và mức độ tái phát ra sao? Cần phải áp dụng những giải pháp gì để điểm nóng không tái phát?...).

## MỘT SỐ TÌNH HUỐNG ĐIỂN HÌNH VỀ ĐIỂM NÓNG CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ GỢI Ý CÁCH GIẢI QUYẾT

***Tình huống 1: Gần đây, tại tỉnh A, có một số đối tượng đã kích động tín đồ tôn giáo trên địa bàn tụ tập và kéo về các trung tâm huyện, thị xã, thành phố của tỉnh, viện cớ phản đối, đòi phá bỏ các nhà máy sản xuất gây ô nhiễm gần đó để bảo vệ môi trường. Theo thông tin từ hội viên nòng cốt thì tín đồ tôn giáo của xóm B, tỉnh A cũng đang chuẩn bị kéo lên tụ tập ở trung tâm xã để phản đối hoạt động của 01 nhà máy trên địa bàn. Chi Hội trưởng Hội phụ nữ xóm B, tỉnh A phải làm gì để tham gia giải quyết vụ việc trên?***

***Gợi ý phương án xử lý***

***Bước 1: Tổ chức các hoạt động ngăn chặn tụ tập biểu tình***

* Người thực hiện: Chi Hội trưởng Hội phụ nữ xóm

- Nội dung:

+ Tổ chức họp các tổ trưởng (nếu có), hội viên nòng cốt tôn giáo để nắm tình hình tư tưởng, đời sống hội viên, phụ nữ địa phương hiện nay; Nguyên nhân người dân chuẩn bị tụ tập biểu tình? Dự kiến số lượng người tham gia? Số lượng hội viên, phụ nữ? Người cầm đầu? Dự kiến mức độ ảnh hưởng đến tình hình đời sống, an ninh trật tự địa phương?... Giao nhiệm vụ và phân công cho các tổ trưởng, hội viên nòng cốt tôn giáo kịp thời nắm tình hình liên quan.

+ Tham mưu, xin ý kiến chi bộ, trưởng thôn/xóm, Hội phụ nữ cơ sở về nội dung tuyên truyền để người dân hiểu đúng, cụ thể về các vấn đề đang quan tâm (Ví dụ, thông tin về cách xử lý vấn đề môi trường của nhà máy đóng tại địa bàn; chính sách của chính quyền đối với vấn đề gây ô nhiễm môi trường của nhà máy…). Phân công các tổ trưởng, hội viên nòng cốt tôn giáo trực tiếp hướng dẫn, tuyên truyền, cung cấp các thông tin chính thống liên quan đến sự việc người dân đang quan tâm.

+ Vận động người có uy tín trong cộng đồng tôn giáo địa phương tuyên truyền, vận động nhân dân không tham gia các cuộc tụ tập, biểu tình đông người.

***Bước 2: Tìm hiểu sự việc và phối hợp giải quyết***

* Người thực hiện: Chi Hội trưởng Hội phụ nữ xóm

- Nội dung:

+ Tiếp tục cùng Hội phụ nữ cơ cở và các đơn vị chức năng bám sát địa bàn, nắm tình hình dư luận trong thôn/xóm; giữ mối liên hệ chặt chẽ và phân công tổ trưởng, hội viên nòng cốt tôn giáo theo dõi địa bàn, các gia đình chịu ảnh hưởng ô nhiễm môi trường trực tiếp từ nhà máy.

+ Tìm hiểu thông tin liên quan: Nguyện vọng, đề xuất của hội viên phụ nữ liên quan đến vụ việc nhà máy gây ô nhiễm môi trường để phản ánh lên Hội cấp trên và các bên liên quan khi được yêu cầu.

+ Nếu những kiến nghị, đề xuất của hội viên, phụ nữ hợp lý, chi Hội trưởng cần báo cáo với chi bộ, trưởng thôn; tham gia nhận đơn và chuyển tới Hội phụ nữ cơ sở những yêu cầu, xử lý nhà máy về việc gây ô nhiễm môi trường...

 + Trực tiếp cung cấp cho phụ nữ những thông tin chính thống về quá trình xử lý vụ việc liên quan để chị em yên tâm.

+ Đối với những trường hợp tỏ ra chống đối, chi Hội trưởng có thể trực tiếp hoặc phân công tổ trưởng (nếu có), hội viên nòng cốt tôn giáo đến gặp gỡ, trao đổi, vận động thuyết phục chị em giữ thái độ bình tĩnh, tránh bức xúc, nghiêm túc chấp hành đúng pháp luật...

+ Triển khai một số hoạt động hỗ trợ phụ nữ và các hộ gia đình khắc phục thiệt hại (quét dọn xung quanh, dọn dẹp các ao/hồ có cá chết tránh ô nhiễm môi trường; hỗ trợ các mô hình sinh kế…).

 + Tiếp tục theo dõi quá trình xử lý vụ việc của các ban, ngành liên quan, tham gia can thiệp kịp thời góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên, phụ nữ.

***Bước 3: Đánh giá, rút kinh nghiệm***

* Người thực hiện: Chi Hội trưởng Hội phụ nữ xóm

- Nội dung:

+ Họp các tổ trưởng, các hội viên nòng cốt tôn giáo để rút kinh nghiệm. Động viên, khen các cá nhân tiêu biểu đã tham gia giải quyết kịp thời sự việc trên.

+ Chỉ đạo các tổ trưởng, hội viên nòng cốt tôn giáo tiếp tục nắm bắt tình hình sự việc và báo cáo kịp thời với bí thư chi bộ, trưởng thôn, với Hội cấp trên và các Ban, ngành liên quan.

***Tình huống 2: Xã B thuộc vùng DTTS. Gần đây, một số người lạ mặt lén đến các gia đình khó khăn biếu quà và tiền kết hợp xúi giục người dân theo tôn giáo mới (đạo lạ) với hứa hẹn: Ai theo sẽ có cuộc sống sung sướng, có tiền xây nhà, và nhiều tài sản khác. Họ hướng dẫn người dân cách vận động người thân theo, tập trung học kinh thánh các buổi tối tại một số nhà. Một số phụ nữ đã tin theo, tổ chức tụ tập cầu nguyện tại nhà một chị hội viên phụ nữ, việc tụ tập trên tiềm ẩn nguy cơ “điểm nóng” tại địa phương. Hội Liên hiệp Phụ nữ xã B cần làm gì trước tình hình trên?***

***Gợi ý phương án xử lý***

Trước tình hình này, Hội LHPN xã B cần làm theo các bước sau:

***Bước 1. Thu thập thông tin***

- Người thực hiện: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội LHPN xã

- Nội dung thông tin cần nắm: Đối tượng cầm đầu là ai? Địa bàn hoạt động, hành vi của đối tượng? Số lượng người dân/phụ nữ/hội viên tham gia nghe tuyên truyền và nhận tiền? Lý do nghe theo lời tuyên truyền của những kẻ lạ mặt?

- Cách thức thu thập: Qua cơ quan chức năng, xuống các thôn/xóm gặp gỡ các chi Hội trưởng, già làng, trưởng bản, hội viên nòng cốt của Hội, các gia đình đã bị nhóm người lạ mặt tuyên truyền, vận động.

***Bước 2. Tổ chức họp bàn giải pháp***

- Thành phần họp: Ban Chấp hành Hội LHPN xã mở rộng (mời thêm các chi Hội trưởng không phải Ủy viên Ban chấp hành và hội viên nòng cốt, cốt cán phong trào).

- Nội dung: Nghe các chi Hội trưởng (đặc biệt là các chi Hội thuộc địa bàn có xuất hiện người theo đạo lạ) báo cáo tình hình tại địa bàn, thảo luận về nguyên nhân, xác định trách nhiệm của tổ chức Hội và bàn giải pháp ngăn ngừa tình trạng trên.

***Bước 3. Xin ý kiến chỉ đạo của Cấp ủy và xây dựng kế hoạch của Ban chấp hành Hội LHPN xã***

- Chủ tịch Hội LHPN xã tổng hợp ý kiến Ban Chấp hành, làm báo cáo gửi (hoặc đăng ký lịch làm việc) để xin ý kiến chỉ đạo của Thường trực Đảng ủy xã và Hội LHPN huyện.

**-** Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thường trực Đảng ủy xã và Hội LHPN huyện, Ban Chấp hành Hội LHPN xã xây dựng kế hoạch bao gồm các hoạt động: Nắm bắt kịp thời tình hình tư tưởng hội viên, phụ nữ, nhất là số hội viên, phụ nữ đang nghe theo lời kẻ lạ mặt; tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục phụ nữ ở các thôn không nhận tiền, không tụ tập học kinh thánh, nâng cao tinh thần cảnh giác cho chị em đối với các thôn chưa có kẻ lạ mặt xuất hiện; Đẩy mạnh triển khai các phong trào thi đua, chương trình, nhiệm vụ của Hội đặc biệt là về hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, xây dựng gia đình 5 không 3 sạch/5 có 3 sạch, tham gia xây dựng Nông thôn mới…

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, các tổ chức đoàn thể khác để tuyên truyền, vận động, đấu tranh với các hoạt động tôn giáo trái pháp luật - công tác đấu tranh giải quyết lấy phòng ngừa là chủ yếu.

***Bước 4. Triển khai thực hiện kế hoạch***

- Triển khai kế hoạch cho các Ủy viên Ban chấp hành Hội LHPN xã và các chi Hội trưởng để thực hiện theo phân công (đồng thời gửi kế hoạch cho Đảng ủy xã và Hội LHPN huyện để báo cáo).

- Các Chi Hội tổ chức họp, thảo luận về tình trạng truyền đạo trái phép tại địa phương, âm mưu của những kẻ xấu; liên hệ trách nhiệm của hội viên. Có thể sử dụng thêm các hình thức bổ trợ để tăng hiệu quả tuyên truyền, giáo dục như mời báo cáo viên, sân khấu hóa, hái hoa dân chủ…

- Trực tiếp hoặc phối hợp với già làng, trưởng bản, những người có uy tín tại cộng đồng để tuyên truyền, vận động số chị em tham gia truyền đạo trái phép hiểu được hành động của những kẻ lạ mặt là trái với pháp luật, không nên nghe theo. Chủ động tham gia, tham mưu, phối hợp với cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể xã (Đảng ủy, UBND, Công an, Mặt trận Tổ quốc, Cựu Chiến binh, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Văn hóa…) trong nắm bắt thông tin, tuyên truyền, vận động và thực hiện đấu tranh với các hoạt động tôn giáo trái pháp luật…

- Tiếp cận các hộ gia đình đã tin theo đạo lạ, các hộ gia đình có nguy cơ bị tác động để tuyên truyền, giải thích về những hành vi vi phạm, những mặt tiêu cực, những âm mưu, thủ đoạn và hậu quả của việc tham gia sinh hoạt đạo trái phép; tuyên truyền, vận động họ nâng cao cảnh giác để tránh không để bị kẻ xấu lợi dụng.

- Rà soát danh sách các hộ gia đình hội viên, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn; Nắm nhu cầu, nguyện vọng của chị em và thí điểm triển khai một số hoạt động của Hội về hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế (thông qua hình thức cho vay vốn, hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm…) hoặc kiến nghị cấp ủy, chính quyền, Hội phụ nữ cấp trên có hoạt động hỗ trợ các gia đình khó khăn để họ tin tưởng, yên tâm sinh sống, làm ăn…

***Bước 5. Đánh giá, rút kinh nghiệm***

 Định kỳ rút kinh nghiệm trong Ban Chấp hành; làm báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch và xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên.

***Tình huống 3: Xã C nằm trong khu vực Nhà nước thu hồi đất để xây dựng dự án thủy điện. Công trình sắp được thi công nhưng một số người dân không chấp nhận di dời khỏi địa bàn đang sinh sống hoặc một số hộ đã di dời nhưng lại quay về nơi ở cũ và có dấu hiệu chống đối, lôi kéo, kích động khiếu kiện. Hội LHPN xã C phải làm như thế nào để góp phần vận động người dân nói chung, hội viên, phụ nữ nói riêng thực hiện chủ trương di dời đảm bảo việc xây dựng công trình thủy điện?***

***Gợi ý phương án xử lý***

***Bước 1. Thu thập thông tin***

- Người thực hiện: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội LHPN xã…

- Nội dung: Thông tin về tình hình diễn biễn/nắm lý do dẫn đến việc đồng bào không thực hiện di dời đến nơi ở mới (điều kiện sống tại nơi ở mới; việc di dời đến nơi ở mới không phù hợp với phong tục tập quán và văn hóa truyền thống của đồng bào...).

- Các hình thức: Qua cơ quan chức năng, xuống các thôn/xóm gặp gỡ các chi Hội trưởng, già làng, trưởng bản, hội viên nòng cốt, cốt cán của Hội phụ nữ, các gia đình đã di dời xong lại quay trở về.

***Bước 2. Bàn giải pháp***

- Tổ chức họp Ban Chấp hành Hội LHPN xã mở rộng (mời thêm các chi Hội trưởng không phải ủy viên Ban Chấp hành).

- Nội dung: Nghe các chi Hội trưởng báo cáo tình hình tại từng địa bàn; thảo luận về nguyên nhân, xác định trách nhiệm của tổ chức Hội và ủy viên Ban Chấp hành; bàn giải pháp tuyên truyền vận động người dân di cư tới nơi ở mới nhằm đảm bảo việc xây dựng công trình thủy điện của Nhà nước.

***Bước 3. Xin ý kiến chỉ đạo của Cấp ủy và xây dựng kế hoạch của Ban Chấp hành Hội LHPN xã***

 - Chủ tịch Hội phụ nữ xã tổng hợp ý kiến Ban chấp hành, làm báo cáo gửi xin ý kiến chỉ đạo của Thường trực Đảng ủy xã và Hội LHPN huyện.

**-** Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thường trực Đảng ủy xã và Hội LHPN huyện, Banh chấp hành Hội LHPN xã xây dựng kế hoạch cụ thể, xác định nhiệm vụ, giải pháp và phân công trách nhiệm cho các ủy viên Ban chấp hành. Các hoạt động cần cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện của địa phương; bao gồm:

+ Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật để đồng bào nhận thức được chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và lợi ích của việc xây dựng công trình thủy điện đối với đời sống của người dân địa phương nói riêng và khu vực nói chung.

+ Xây dựng cuộc sống tại nơi ở mới của nhân dân trên cơ sở tôn trọng đa dạng văn hóa, truyền thống và tín ngưỡng của đồng bào.

+ Ổn định tổ chức Hội theo địa bàn hành chính khu dân cư mới, kiện toàn cán bộ Hội các Chi/tổ Hội phụ nữ.

+ Hỗ trợ chị em ổn định cuộc sống mới: giúp vốn, giống cây trồng, con giống...; xây dựng các mô hình phát triển kinh tế; tập huấn khoa học kỹ thuật; liên hệ tìm công việc cho hội viên, phụ nữ,... để chị em yên tâm định cư tại nơi ở mới.

+ Đề xuất với các ngành có liên quan trong việc đảm bảo nơi ăn, ở của người dân.

***Bước 4. Triển khai thực hiện kế hoạch với các hoạt động cụ thể***

- Triển khai kế hoạch cho các ủy viên Ban Chấp hành xã và các Chi Hội trưởng để thực hiện theo phân công (đồng thời gửi kế hoạch cho Đảng ủy xã và Hội LHPN huyện để báo cáo).

- Các Chi Hội tổ chức họp, thảo luận về tình trạng truyền đạo trái phép, âm mưu của những kẻ xấu về vấn đề này. Có thể tranh thủ sự ủng hộ của đội ngũ già làng, trưởng bản, những người có uy tín tại cộng đồng từng gia đình hội viên, phụ nữ tuyên truyền để chị em hiểu được tầm quan trọng của việc di cư để xây dựng thủy điện.

- Vận động cán bộ Chi/tổ Hội phụ nữ, lực lượng hội viên nòng cốt tiên phong trong việc di dời đến nơi ở mới, vận động người thân cùng thực hiện làm gương cho hội viên, phụ nữ và người dân làm theo.

- Tổ chức biểu dương, khen thưởng đối với cán bộ, hội viên làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân và thực hiện nghiêm túc việc di dời dân đến nơi ở mới.

***Bước 5. Đánh giá, rút kinh nghiệm***

 - Định kì báo cáo kết quả triển khai kế hoạch thông qua các giao ban định kì để rút kinh nghiệm trong Ban Chấp hành và xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và Hội LHPN cấp trên.

## DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC CÓ LIÊN QUAN, CHỈ ĐẠO CỦA HỘI LHPN VIỆT NAM VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Minh Quân, 2021, *Kỹ năng xử lý tình huống chính trị - xã hội,* Tạp chí Lý luận chính trị, số 5.
2. Nguyễn Thế Trung, 2019, *Giải quyết và phòng ngừa “điểm nóng” trong tình hình hiện nay*, Trang thông tin điện tử Hội đồng lý luận Trung ương: <https://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/giai-quyet-va-phong-ngua-diem-nong-trong-tinh-hinh-hien-nay.html>
3. Ban Chấp hành TW Hội LHPN Việt Nam khoá XI, 2014, Nghị quyết 06/NQ-BCH về *Tăng cường công tác vận động phụ nữ DTTS, phụ nữ theo tôn giáo trong tình hình hiện nay*.
4. Đảng đoàn Hội LHPN Việt Nam, 2018, Chương trình Hành động 12-CTr/ĐĐ ngày 11/5/2018 của về *thực hiện các quan điểm chỉ đạo của TW Đảng về công tác DTTG trong tình hình mới*.
1. Trong năm 2018, 2019, đề án chỉ được cấp 1,6 tỷ đồng để triển khai các hoạt động đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác dân tộc. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ban Tôn giáo Chính phủ. (2021). *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác* *tín ngưỡng, tôn giáo theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ.* [↑](#footnote-ref-2)
3. Ban Tôn giáo Chính phủ. (2021). *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác* *tín ngưỡng, tôn giáo theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ.* [↑](#footnote-ref-3)
4. Hội LHPN Việt Nam, (2020). *Tài liệu hỏi đáp “Một số vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay” – Tài liệu dành cho chi Hội trưởng Hội phụ nữ.* Hà Nội. Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam. [↑](#footnote-ref-4)
5. Ban Tôn giáo Chính phủ. (2022). *Tài liệu tập huấn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo.* Ninh Bình. [↑](#footnote-ref-5)
6. Hội LHPN Việt Nam, (2020). *Tài liệu hỏi đáp “Một số vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay” – Tài liệu dành cho chi Hội trưởng Hội phụ nữ.* Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam. [↑](#footnote-ref-6)
7. Ban Tôn giáo Chính phủ. (2022). *Tài liệu tập huấn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo.* Ninh Bình. [↑](#footnote-ref-7)
8. Ban Tôn giáo Chính phủ. (2022). *Tài liệu tập huấn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo.* Ninh Bình [↑](#footnote-ref-8)
9. Hội LHPN Việt Nam, (2020). *Tài liệu hỏi đáp “Một số vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay” – Tài liệu dành cho chi Hội trưởng Hội phụ nữ.* Hà Nội. Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam. [↑](#footnote-ref-9)
10. Ban Tôn giáo Chính phủ. (2022). *Tài liệu tập huấn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo.* Ninh Bình. [↑](#footnote-ref-10)
11. Ban Tôn giáo Chính phủ. (2022). *Tài liệu tập huấn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo.* Ninh Bình. [↑](#footnote-ref-11)
12. Ban Tôn giáo Chính phủ. (2021). *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và công tác* *tín ngưỡng, tôn giáo theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 21/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ.* [↑](#footnote-ref-12)
13. ,16,17 Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019> [↑](#footnote-ref-13)
14. [↑](#footnote-ref-14)
15. [↑](#footnote-ref-15)
16. ,19, 20 Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019> [↑](#footnote-ref-16)
17. 19 Tổng Cục thống kê, Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/11/ket-qua-toan-bo-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019/>

20Như trên [↑](#footnote-ref-17)
18. [↑](#footnote-ref-18)
19. [↑](#footnote-ref-19)
20. [↑](#footnote-ref-20)
21. Như trên [↑](#footnote-ref-21)
22. Như trên [↑](#footnote-ref-22)
23. , 26 Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019> . [↑](#footnote-ref-23)
24. [↑](#footnote-ref-24)
25. [↑](#footnote-ref-25)
26. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam (2020), Báo cáo Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với Phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 - Hành trình để thay đổi. [↑](#footnote-ref-26)
27. ,30 Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019>. [↑](#footnote-ref-27)
28. [↑](#footnote-ref-28)
29. Chỉ tính riêng vùng Trung du và miền núi phía Bắc, tỉ lệ CBCC nam trong CQ Đảng cao gấp 6,6 lần; trong HĐND, nam cao gấp 5,8, ở các cơ quan hành chính, nam cao gấp 2,5 lần; ở các tổ chức chính trị - xã hội nam cao gấp 2,2 lần so với tỉ lệ tương ứng của nữ DTTS. [↑](#footnote-ref-29)
30. Các vấn đề giới vùng DTTS và miền núi tham khảo tại mục I, chuyên đề 2 của tài liệu này [↑](#footnote-ref-30)
31. Theo số liệu từ Ban Tổ chức TW Hội [↑](#footnote-ref-31)
32. Theo báo cáo thực hiện phong trào thi đua và hoạt động Hội năm 2022. [↑](#footnote-ref-32)